TRUYỀN TÂM PHÁP YẾU

GIẢNG GIẢI

LỜI ĐẦU SÁCH

Sự kiện đức Phật đưa cành hoa sen trên hội Linh Sơn cho tới nay, Tổ Tổ truyền trao cũng chỉ một việc này. Con đường hướng thượng không có lối khác, hành giả đi được liền tới, đi không được thì thôi.

Ở đây, ngôn ngữ không ngoài phương tiện, chẳng phải là chỗ của tổ sư nhắm đến. Ngài Hoàng Bá là cháu đời thứ tư của Lục Tổ, đã dùng tâm ấn tâm. Tâm tâm ấn nhau, mãi mãi tiếp nối cho đến ngày nay. Tác phẩm Truyền Tâm Pháp Yếu chính là một chút dấu vết còn lại của gia phong ấy. Tướng quốc Bùi Hưu cẩn trọng tập thành và dâng lên các bậc lão túc trong tông môn kiểm chứng, ngõ hầu lưu truyền cho đời sau.

Hòa thượng ân sư đã nhiều năm để tâm chỗ tột cội nguồn, riêng có lối về. Song e hàng tăng ni tứ chúng chưa biết tu quý ở vô tâm, nên ngài giảng giải từng câu

từng lời, cốt phá cái mê tình ấy. Chúng tôi đầy đủ phước duyên được ở trong hội chúng tu thiền, do Hòa thượng trực tiếp chỉ giáo. Mỗi lần nghe ngài giảng lại lời dạy của chư Phật chư tổ, trong lòng cảm kích, phấn chấn, an vui. Nói gì đến khi tự mình có thể lấy của báu trong nhà ra tiêu dùng! Chỗ tột vi lạc như thế, vì sao không thể đem chia sẻ với huynh đệ đồng tu cho được.

Thế nên, chúng tôi mạo muội ghi lại lời giảng của Hòa thượng ân sư, những mong các pháp lữ hữu duyên ghé mắt xem qua, biết đâu chừng có chỗ vào. Nếu quả như thế, xin nguyện đem công đức này hồi hướng về khắp pháp giới chúng sanh đều được lợi lạc.

Vì là biên soạn từ văn nói, tác phẩm không sao tránh khỏi những sơ suất tất yếu của nó, kính mong các bậc thức giả lượng thứ cho.

Thiền viện Thường Chiếu, ngày 20-12-2006
Cuối đông năm Bính Tuất

Tỳ-kheo **THÍCH NHẬT QUANG**

TIỂU SỬ THIỀN SƯ HOÀNG BÁ

Chánh văn:

Ngài hiệu Hy Vận, người tỉnh Mân (Phúc Kiến), Hồng Châu, thuở nhỏ xuất gia tại bản châu trên núi Hoàng Bá. Trên trán ngài có cục thịt nổi vun lên như hạt châu. Âm thanh trong trẻo, ý chí đạm bạc.

Giảng:

Các tỉnh của Trung Hoa rất lớn nên trong tỉnh có chia ra châu, huyện. Châu là chỗ thị tứ, thành phố của tỉnh, dưới châu là huyện. Ngài người tỉnh Phúc Kiến, tướng tốt to lớn, trên trán có nổi cục thịt đỏ. Đây là những phước tướng đặc biệt. Âm thanh trong trẻo, ý chí đạm bạc, thích sống đơn giản.

Chánh văn:

Đi dạo núi Thiên Thai, ngài gặp một vị tăng, nói chuyện với nhau như đã quen biết từ xưa,

nhìn kỹ là người mục quang xạ. Hai người cùng đi, gặp khe suối nước đầy chảy mạnh, ngài lột mũ chống gậy dừng lại, vị tăng kia thúc ngài đồng qua. Ngài bảo:

- Huynh cần qua thì tự qua.

Vị tăng kia liền vén y bước trên sóng như đi trên đất bằng. Qua đến bờ vị Tăng kia xoay lại hối:

- Qua đây! Qua đây!

Ngài bảo:

- Bậy! Việc ấy tự rõ. Tôi sớm biết sẽ chặt bắp đùi huynh.

Vị tăng kia khen:

- Thật là pháp khí Đại thừa, tôi không bì kịp.

Nói xong không thấy vị tăng ấy nữa.

Giảng:

Đây là điểm đặc biệt của nhà thiền. *Mục quang xạ* tức là người đã chết. Mục là con mắt, quang là áng sáng, xạ là rơi là rớt. Đôi mắt mất ánh sáng là chỉ người chết. Ngài gặp vị tăng thấy quen nhưng nhìn kỹ thì biết đã chết rồi, bây giờ do duyên cũ nên cùng đi với ngài. Hai người tới bờ suối lớn, nước suối chảy mạnh, vị tăng muốn trổ tài, bảo ngài qua. Ngài là Thiền sư không có phép mầu gì hết, nên nói huynh qua được cứ qua. Vị tăng nọ vén áo bước đi trên sóng như đi trên đất bằng. Qua bờ kia, vị tăng xoay lại thúc *Qua đây, qua đây!*

Nếu là chúng ta, thấy bạn đi trên nước như vậy chắc sẽ khiếp vía, muốn đảnh lễ ngay. Nhưng ngược lại, ngài nghe thúc liền nói *Bậy! Việc ấy tự rõ*. Tự rõ là sao? Người tu nếu có thần thông, có phép lạ thì tự biết chứ đừng khoe, khoe là không tốt. Cho nên ngài quở *Bậy!* Nói như thế là sao rồi. Mình có thần thông thì tự biết, khoe với người ta làm chi. Nếu *tôi sớm biết sẽ chặt bắp đùi huynh,* nếu hồi nãy tôi biết anh dùng thần thông sẽ chặt đùi anh cho coi. Bị chê vậy mà vị tăng ấy lại khen Thiền sư *thật là pháp khí Đại thừa, tôi không bì kịp!* Sao lạ vậy? Pháp khí Đại thừa có đặc biệt gì? Đây là những điều quan trọng người tu thiền không nên lầm lẫn.

Hầu hết người tu ai cũng thích có thần thông. Nếu hôm nào mình ngồi thiền, bỗng phát quang rồi bay lên không trung, chắc là thích lắm. Bao nhiêu đó đủ cho huynh đệ phục lăn rồi. Đây là điều nhà thiền cấm kỵ nhất. Tại sao vậy? Bởi vì người tu thiền cốt nhìn cho ra, thấy cho được thể tánh bất sanh bất diệt hay Phật tánh của mình. Đó là gốc của sự tu, chứ không cầu không luyện thần thông phép lạ. Nếu cầu luyện thần thông phép lạ là lệ thuộc ở bên ngoài, không phải sống trở về tánh giác; mà chỉ có trở về tánh giác mới thành Phật. Thâm ý của nhà thiền không phải tập luyện thần thông, mà tu thế nào để sống trở lại với tâm chân thật của chính mình.

Ở chỗ khác có kể về một thiền sư sống trên núi. Lúc ngài xuống núi, gặp một đạo sĩ tu tiên, mới kết bạn đồng hành. Hôm nọ cùng đi với nhau tới con sông nước chảy mạnh, mà đò đã qua bên kia không có ở bến bên này.

Vị thiền sư dừng lại chờ, vị đạo sĩ kia thấy vậy xúi đi qua. Thiền sư nói: "Huynh đi được thì cứ đi, tôi chờ đò qua mới đi." Vị đạo sĩ vén áo bước trên mặt nước đi qua bên kia. Đứng bên kia Đạo sĩ nhìn thấy Thiền sư còn chờ đò, ông cười ngạo nghễ rồi đứng chờ. Lát sau Thiền sư xuống đò qua sông. Tới nơi Thiền sư hỏi đạo sĩ: "Huynh tập luyện đi được trên nước, thời gian bao lâu?" Đạo sĩ đáp: "Tôi tập tới ba mươi năm mới đi được." Thiền sư cười bảo: "Công phu ba mươi năm của huynh giá đáng có hai xu."

Chúng ta nghe câu nói này thấy thế nào? Rõ ràng các thiền sư không chú trọng đến sự luyện tập thần thông. Tại sao nhà thiền lại coi thường thần thông như vậy? Thường thường nhà Phật nói "thần thông diệu dụng", tức thần thông là dụng mầu nhiệm chứ không phải là giá trị chân lý, mà người tu Phật phải đạt được chân lý chứ không phải tìm sự mầu nhiệm tạm thời.

Như ngài Mục-kiền-liên là thần thông đệ nhất trong đệ tử Phật, nhưng tới khi mẹ ngài chết sanh cõi dữ, ngài dùng thiên nhãn tìm gặp mẹ rồi, thấy mẹ đói quá, ngài xin được bát cơm, vận thần thông đến dâng cho mẹ. Khi bà vừa bưng bát cơm, liền lấy tay áo che lại sợ người ta giật, sau đó bà bốc cơm bỏ vô miệng, cơm hóa thành than ăn không được. Tại sao lúc đó ngài không dùng thần thông thổi tắt lửa cho mẹ ăn, mà lại đứng khóc. Rõ ràng thần thông thua cái nghiệp. Nghiệp tham của bà quá nặng. Khi nghiệp tham quá nặng

thì cơm hóa ra lửa, thần thông của ngài Mục-kiền-liên không thể cứu được nghiệp tham của bà, nên Tôn giả đành phải khóc trở về. Đó là bất lực thứ nhất.

Bất lực thứ hai, đến khi ngài sắp từ giã cõi đời bị bọn cướp vây đánh. Sao lúc đó ngài không bay đi, mà phải chịu đòn nhừ tử. Vì ngài biết mình không còn trở lại cõi đời nữa nên phải trả nghiệp cũ cho xong mới có thể xả báo thân được. Sau khi bọn cướp bỏ đi, ngài mới vận thần thông về đảnh lễ Phật, ít hôm sau thì mất. Khi đó các thầy Tỳ-kheo hỏi Phật vì sao ngài Mục-kiền-liên có thần thông mà không bay đi để thoát nạn? Phật trả lời, nghiệp cũ của Mục-kiền-liên thuở xưa còn lại. Đây là thân chót cho nên tất cả nợ cũ trả hết mới được vô sanh Niết-bàn. Nếu thần thông không cứu được nghiệp, thì nó quý hay không quý? Thần thông chỉ dùng tạm thôi, có gì quan trọng. Nhưng người phàm tục rất trọng thần thông, nghe ai có thần thông thì lạy lên lạy xuống không ngán chút nào hết, vì quá quý trọng thần thông. Đó là điểm khác nhau giữa người đời và người tu theo Phật.

Trong kinh A-hàm kể, vua Ba-tư-nặc thưa với Phật trong nước ông có một vùng người dân rất thích thần thông huyền bí, không thèm nghe đạo lý, vì vậy xin đức Phật dùng thần thông giáo hóa họ. Đức Phật trả lời: "Ta không dùng thần thông giáo hóa, mà chỉ dùng đạo thông thôi." Như vậy từ đức Phật cho tới đệ tử ngài, những vị tu hành chân chánh đều dùng đạo thông làm gốc, còn thần thông chỉ là phương tiện phụ thôi.

Người thời nay vì không biết, cho cái gì kỳ quặc lạ lùng là quý, không biết gốc quý báu ở chỗ thấu suốt đạo lý, thấy được lẽ thật. Người học đạo Phật là học chân lý, tìm nhận cho ra chân lý. Còn người ham huyền bí, những thứ lạ lùng thì chưa phải là người chân chánh học Phật. Hiểu như vậy chúng ta mới hiểu ý của đoạn này, nếu không chúng ta sẽ lấy làm lạ, người có thần thông tại sao bị xem thường, người không có thần thông lại được khen.

Thêm một chuyện nữa về thần thông. Có một ngoại đạo tu chứng được ngũ thông, tức là có thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, thần túc, túc mạng. Ông giảng kinh người ta khen rất hay, tới vua trời Đế-thích cũng mê nữa. Hôm đó, nghe giảng kinh xong vua trời Đế-thích ngồi khóc. Ông thấy lạ quá, liền hỏi: "Tại sao hôm nay nghe tôi giảng ngài lại khóc?" Trời Đế-thích đáp: "Ngài giảng thật hay nhưng tôi biết mạng sống ngài sắp hết, tôi thương tiếc nên khóc." Nghe vậy vị ấy hoảng, hỏi Đế-thích làm sao để khỏi chết. Trời Đế-thích giới thiệu: "Nếu ông muốn khỏi chết phải tìm đến chỗ Phật Thích-ca, ngài sẽ chỉ cho phương pháp khỏi chết." Nghe vậy vị ấy mừng quá hỏi "Bây giờ Phật Thích-ca ở đâu?" Trời Đế-thích giới thiệu đang ở tại tinh xá Trúc Lâm. Vị ấy vận thần thông đi đến chỗ Phật. Ông đi trên mây được một đỗi thì nghĩ, mình tới Phật mà không có gì cúng dường khó coi quá. Khi ấy nhìn xuống thấy hai cây ngô đồng trổ hoa thật đẹp, ông vận thần thông nhổ hai cây để trên hai tay rồi bay đến chỗ Phật.

Tới Trúc Lâm hạ xuống, ông cầm hai cây ngô đồng dâng cúng Phật. Khi dâng cúng ông hỏi: "Bạch Thế Tôn, làm thế nào để khỏi chết?" Phật bảo: "Buông!" Ông buông một tay, rớt cây ngô đồng xuống. Phật bảo: "Buông!" Ông buông một tay nữa, rớt cây ngô đồng thứ hai xuống. Phật lại bảo: "Buông!" Ông ngẩn ngơ không biết buông cái gì nữa, nên hỏi Phật: "Con buông hết hai tay, rớt hết hai cây ngô đồng xuống, bây giờ còn gì nữa mà Phật bảo buông?" Phật nói: "Không phải ta bảo ngươi buông cây ngô đồng, mà buông thứ nhất là buông sáu trần, đừng cho nó dính. Buông thứ hai là buông sáu căn, đừng chạy theo sáu trần. Buông thứ ba là buông sáu thức, đừng cho nó dấy động. Buông ba cái đó thì ông khỏi chết." Ngay đó vị kia liền ngộ ra, trở về tu và chứng quả A-la-hán, không còn sanh tử nữa.

Như vậy mới thấy thần thông không cứu được mình. Đi trên mây xanh, nhổ ngô đồng cầm trên tay, vận dụng đủ thứ hết, mà không chống được ma sanh tử. Gốc của đạo Phật là tu giải thoát sanh tử. Muốn giải thoát sanh tử trước phải giác ngộ cái không sanh tử, để sống với nó. Đó là chúng ta tu, chứ không phải luyện tập thần thông, luyện tập bùa chú, đó không phải là phương pháp cứu mình.

Chánh văn:

Sau ngài đến kinh đô, nhờ người mách đến tham với tổ Bá Trượng.

Ngài hỏi Bá Trượng:

- Từ trước tông thừa chỉ dạy thế nào?

Bá Trượng lặng thinh. Ngài thưa:

- Không thể dạy người sau dứt hẳn mất.

Bá Trượng bảo:

- Sẽ nói riêng với ông.

Bá Trượng đứng dậy đi vào phương trượng. Ngài cũng đi theo sau thưa:

- Con đến riêng một mình.

Bá Trượng bảo:

- Nếu vậy ông sau sẽ không cô phụ ta.

Giảng:

Ngài đi tới tổ Bá Trượng hỏi *Từ trước tông thừa chỉ dạy thế nào?* Tông thừa hay Thiền tông cũng tương tự như nhau. Hỏi Thiền tông chỉ dạy thế nào? *Tổ Bá Trượng lặng thinh* không nói. Như vậy có tàn nhẫn không? Người ta tha thiết hỏi đạo lý mà không nói gì hết.

Ngài Hoàng Bá thưa *không thể dạy người sau dứt hẳn mất,* nếu không dạy người thì sau này còn ai nối tiếp. Bá Trượng bảo *Sẽ nói riêng với ông*. Vậy trọng tâm chỗ chỉ dạy tông thừa thế nào? Bá Trượng làm thinh là dạy chưa, có nói chỗ yếu lý của tông thừa không? Chỗ yếu lý của tông thừa vượt ngoài đối đãi, mà ngôn ngữ là đối đãi, nên mở miệng nói thì sai, vì vậy Tổ làm thinh. Ngài Hoàng Bá sợ như vậy người sau không thể học hiểu. Tổ Bá Trượng bảo "Sẽ nói riêng với ông", cho nên Tổ đi vào phương trượng, Hoàng Bá đi theo.

Ở đây chúng ta không thấy tổ Bá Trượng dạy cái gì, cũng không thấy ngài Hoàng Bá nói ngộ chi,

mà thầy trò lại có chỗ kế thừa. Đó là chỗ đặc biệt của nhà thiền. Vì chỗ lặng thinh đó không thể nào hiểu nổi, mà không hiểu nổi là đúng hay không đúng? Vừa khởi hiểu là đã xa muôn dặm, cho nên ngay chỗ lặng thinh mà nhận thì được. Ngài Bá Trượng lặng thinh, thiền sư Hoàng Bá có hội ý không? Ngài bảo *Không thể dạy người sau sẽ dứt hẳn mất*, Bá Trượng bảo *Sẽ nói riêng với ông*. Tổ Bá Trượng đi vào phương trượng ngài cùng đi theo sau, nói *Con đến riêng một mình đây*. Bá Trượng bảo *Nếu vậy ông sau sẽ không cô phụ ta*. Tổ dạy cái gì mà nói không cô phụ ta? Thầy trò đối xử rất bình thường thì chỗ nào mà thâm nhập được, lại nói sẽ không cô phụ ta?

Chỗ còn nói năng là còn hai, bặt nói năng thì hai hay một? Vì vậy, Hoàng Bá nói con tới một mình thôi, Tổ bảo sau ông sẽ không cô phụ ta. Nói một tí thôi mà thật là nhẹ nhàng nhanh chóng, nghe liền hiểu nhau, coi như thầy trò đã thông cảm. Thế là ngài Hoàng Bá được tổ Bá Trượng ấn chứng.

Chánh văn:

Một hôm, Bá Trượng bảo:

- Ở đâu đến đây?

Ngài đáp:

- Nhổ nấm dưới núi Đại Hùng đến.

Giảng:

Núi Bá Trượng tên là núi Đại Hùng, vì nó cao tới một trăm trượng nên người ta gọi là Bá Trượng.

Tổ hỏi ngươi đi đâu? Đáp con nhổ nấm dưới núi Đại Hùng đến.

Chánh văn:

Bá Trượng lại bảo:

- Lại thấy đại trùng chăng?

Ngài bèn làm tiếng cọp rống. Bá Trượng cầm búa thủ thế. Ngài bèn vỗ vào chân Bá Trượng một cái. Bá Trượng cười to bỏ đi.

Giảng:

Đại trùng là con cọp. Tổ hỏi thấy cọp không thì *ngài làm tiếng cọp rống* lên. Nghe rống, *tổ Bá Trượng cầm búa thủ thế*. Như vậy là đấu võ hay làm gì? Coi như trường đấu võ vậy, không nói qua bàn lại gì hết, chỉ có những hiện tượng lạ lùng. Khi Bá Trượng cầm búa thủ thế, *ngài bèn vỗ vào chân Bá Trượng một cái. Bá Trượng cười to bỏ đi*. Đã thủ thế mà vẫn bị vỗ một cái vào bắp đùi.

Chánh văn:

Bá Trượng thượng đường bảo đại chúng:

- Dưới núi Đại Hùng có một đại trùng, các ông nên xem. Lão Bá Trượng này hôm nay đích thân bỗng gặp và bị cắn một cái.

Giảng:

Gặp đại trùng tức gặp cọp, bị cọp cắn một cái. Ngài gặp cọp ở đâu, cắn lúc nào? Đó là chỗ ý nghĩa thầm lặng, không phải chỗ suy ngẫm lý luận thế này thế nọ.

Chỉ thầm lặng nhận và trình một cách hết sức giản đơn. Hỏi ông ở đâu tới, nói con nhổ nấm dưới chân núi Đại Hùng lên. Hỏi có thấy cọp không, nói dạ thấy. Cọp đây là cọp nào? Phải hiểu được con cọp này mới hiểu chặng sau. Nghe nói thấy cọp, ngài thủ thế. Thủ thế thì cọp chụp cho một cái. Như vậy là sao? Thấy đây là thấy tận nơi, không phải thấy bằng lý giải, bằng tưởng tượng, cho nên không có lời. Cái ngài thấy là cái ngài đã sống được, không phải cái lý giải để phân biệt đúng sai hay dở. Bị thiền sư Hoàng Bá chụp mà ngài Bá Trượng mừng vì đây là cọp thật, nên Tổ khoe với chúng: Các ông nên biết dưới núi Đại Hùng có con cọp, ta mới bị nó cắn một cái. Ý nói trong hội chúng có một người đã lãnh hội được yếu chỉ và trình cho ta thấy rồi. Đó là cách ấn chứng khéo léo, song người đời nghe qua không hiểu gì hết. Đây là điểm đặc biệt trong nhà thiền.

Khi được tổ Bá Trượng ấn chứng rồi, từ đây ngài Hoàng Bá bắt đầu đi tham vấn các nơi.

Chánh văn:

Lúc ngài ở chỗ tổ Nam Tuyền, một hôm toàn chúng đi hái trà. Nam Tuyền hỏi:

- Đi đâu?

Ngài thưa: - Đi hái trà.

Nam Tuyền hỏi:

- Đem cái gì hái?

Ngài đưa con dao lên. Nam Tuyền bảo:

- Đại gia hái trà đi.

Một hôm Nam Tuyền bảo ngài:

- Lão tăng ngẫu hứng làm bài ca "chăn trâu", mời Trưởng lão hòa.

Ngài thưa:

- Tôi tự có thầy rồi.

Ngài từ giã đi nơi khác. Nam Tuyền tiễn đến cổng, cầm chiếc mũ của ngài đưa lên hỏi:

- Trưởng lão thân to lớn mà chiếc mũ rất nhỏ vậy?

Ngài thưa:

- Tuy nhiên như thế, đại thiên thế giới đều ở trong ấy.

Nam Tuyền bảo:

- Vương lão sư vậy.

Ngài bèn đội mũ ra đi.

Giảng:

Nam Tuyền và Bá Trượng đều là đồ đệ của Mã Tổ. Khi đi hái trà, ngài Nam Tuyền hỏi *đem cái gì hái,* ngài *đưa con dao lên,* Nam Tuyền bảo *cả nhà đi hái trà đi.* Hỏi đem cái gì hái, thường thường mình có cái gì đưa cái ấy, chuyện hết sức bình thường. Hoàng Bá đưa con dao lên, Nam Tuyền bảo đại gia hái trà đi, không nói thêm câu nào. Như vậy chấp nhận hay không chấp nhận? Nhà thiền không dùng ngôn ngữ, chỉ dùng hình ảnh để nói lên chỗ đó không có ngôn ngữ, cho nên ngài Nam Tuyền đã chấp nhận.

Một hôm Nam Tuyền bảo *Lão tăng ngẫu hứng làm bài ca chăn trâu, mời Trưởng lão hòa,* ngài thưa *Tôi tự có thầy rồi.* Tại sao mời hòa bài ca chăn trâu lại đáp tôi có thầy rồi? Nói tôi có bài ca chăn trâu mời Trưởng lão hòa, tức là mời ngài vào dòng phái của tôi, cùng truyền bá Phật pháp. Ngài thưa tôi có thầy rồi, nghĩa là từ chối.

Bây giờ ngài sửa soạn từ giã Nam Tuyền đi. Đến cổng, Nam Tuyền cầm chiếc mũ nói *Trưởng lão thân to lớn mà chiếc mũ rất nhỏ vậy.* Câu này là câu dọ dẫm lần chót. Ngài đáp rất khéo, *Tuy nhiên như thế, cả đại thiên thế giới đều ở trong ấy.* Tuy tướng mạo nó nhỏ vậy, mà trùm cả đại thiên sa giới. Do đó ngài Nam Tuyền cũng phải nể. Đó là những câu chuyện đối đáp khi tham vấn những bậc thiện tri thức. Rất là khéo, rất là đặc biệt.

Chánh văn:

Sau, ngài trụ trì chùa Đại An ở Hồng Châu, đồ chúng tìm đến rất đông.

Tướng quốc Bùi Hưu đến trấn Uyển Lăng lập đại thiền uyển thỉnh ngài đến thuyết pháp. Vì ngài mến núi cũ nên vẫn để hiệu Hoàng Bá.

Giảng:

Lúc ngài ở tại Uyển Lăng, đã có những pháp thoại này.

Chánh văn:

Một hôm, thượng đường đại chúng vân tập, ngài bảo:

- Toàn là bọn ăn hèm, thế mà xưng hành khước để cho người chê cười. Chỉ cam thấy một ngàn tám trăm người đi chứ không chịu sự ồn náo. Tôi khi đi hành khước hoặc gặp dưới rễ cỏ có một cái ấy là đem hết tâm tư mà xem nó. Nếu biết ngứa ngáy khả dĩ lấy đãy đựng gạo cúng dường. Trong lúc đó, nếu dễ dàng như các ông hiện giờ thì làm gì có việc ngày nay. Trong nước Đại Đường chẳng có Thiền sư sao?

Có một vị tăng ra hỏi:

- Bậc tôn túc ở các nơi họp chúng chỉ dạy, tại sao nói không Thiền sư?

Ngài bảo:

- Chẳng nói không Thiền, chỉ nói không Sư. Xà-lê chẳng thấy sao, dưới Mã Tổ đại sư có tám mươi bốn người ngồi đạo tràng, song được chánh nhãn của Mã Tổ chỉ có hai ba người, hòa thượng Lô Sơn là một trong số ấy.

Giảng:

Tại sao người xưa lại có những lời nói hơi thô lỗ, cả chúng mà nói toàn là bọn ăn hèm. Cái gì ăn hèm? Ở Việt Nam hồi xưa hay nấu rượu, bã rượu gọi là hèm, dùng cho heo ăn. Ngài nói *toàn là bọn ăn hèm,* tức bọn con lợn. Câu nói này nhiều người trách, tại sao ngài nói những lời khinh bạc chúng quá vậy. Nhưng chúng ta phải hiểu ngài muốn khích lệ, nhắc nhở mọi người cố gắng tu. Nhắc nhở mạnh mẽ như vậy, người ta mới có

tâm vươn lên, nếu nói nhè nhẹ người ta coi thường. Vì vậy ngài nói đã là bọn ăn hèm *mà xưng hành khước cho người chê cười.*

Ngài nói *Chỉ cam thấy một ngàn tám trăm người đi chứ không chịu sự ồn náo.* Thà là các ông bỏ đi, chứ còn ở đông ồn náo, ta không thích.

Ngài nhắc lại chuyện đi hành khước của ngài. *Tôi khi đi hành khước, hoặc gặp dưới rễ cỏ có một cái ấy là đem hết tâm tư mà xem nó. Nếu biết ngứa ngáy khả dĩ lấy đãy đựng gạo cúng dường.* Ngài đi hành khước tức là đi tìm học nơi này nơi kia, gặp dưới rễ cỏ có một cái ấy, dưới rễ cỏ tức là một vật nhỏ nhất, tầm thường nhất, nếu thấy hơi lạ là đem hết tâm tư xem nó, tức là đem hết tâm tư nghiền ngẫm để thấu đạt nó.

Nếu biết ngứa ngáy khả dĩ lấy đãy đựng gạo cúng dường. Nếu nghiền ngẫm thấy có gì hay, thì mới có thể nhận người cúng dường. Ngài đi hành khước, gặp Thiền sư có lời đạo lý, liền đem hết tâm tư xem xét nghiền ngẫm, chứ không lôi thôi. Như vậy mới thấy đạo. Còn chúng ta ngày nay thì sao? Tới chỗ nào thấy vui thích thì ở, chứ không chịu nghiền ngẫm những cái hay, những điều sâu sắc. Người xưa dù gặp chuyện rất thường cũng cố gắng tìm cho ra thâm ý. Nếu hiểu và thấy nó hay thực thì phải thành tâm cung kính tuân học chứ không thể lôi thôi được.

Đó là ý nghĩa thâm trầm, diễn tả lại thời ngài tìm học nơi các thiện tri thức. Cho nên ngài nói: *Trong lúc đó, nếu dễ dàng như các ông hiện giờ thì làm gì có việc*

ngày nay. Nếu lơ mơ như các ông bây giờ thì làm gì có việc ngày nay. Cho nên người học đạo phải đem hết tâm tư của mình, khi được thấy, được nghe thiện tri thức chỉ dạy, tìm cho ra, hiểu cho thấu như vậy mới gọi là học đạo. Chứ nghe rồi bỏ đó, không quan tâm, không tìm kiếm thì không biết chừng nào mới đến nơi đến chốn, tu chừng nào cho có kết quả.

Nói xong ngài hỏi: *Trong nước Đại Đường chẳng có Thiền sư sao?* Hỏi cả nước Đại Đường này chẳng có Thiền sư nào sao? Bởi vì nếu học hiểu nghiên cứu không được gì hết, tức là không có thầy nào xứng đáng để học.

Có một vị tăng ra hỏi: Bậc tôn túc ở các nơi họp chúng chỉ dạy, tại sao nói không Thiền sư? Ngài bảo: Chẳng nói không Thiền, chỉ nói không Sư. Thiền có sẵn, từ Phật chí Tổ, cho đến chúng ta ngày nay ai cũng có sẵn hết, nên đâu phải không Thiền, mà chỉ không Sư thôi.

Xà-lê chẳng thấy sao, dưới Mã Tổ đại sư có tám mươi bốn người ngồi đạo tràng, song được chánh nhãn của Mã Tổ chỉ có hai ba người, hòa thượng Lô Sơn là một trong số ấy. Hòa thượng Lô Sơn là ngài Quy Tông. Chúng ta thường nghe nói "ngài Quy Tông ỉa chảy đầy đất". Có nhiều người tu học, nhưng đến nơi đến chốn không được mấy người, trong đó ngài Quy Tông được khen nhất, bằng câu nói Quy Tông ỉa chảy đầy đất. Đọc sách Thiền, người không có tí mùi vị Thiền không làm sao nếm, hiểu được. Đó là điểm khó của người mới tu học Thiền.

Ngài nói dưới Mã Tổ có tám mươi bốn người được nhận là thiện tri thức, nhưng rốt cuộc dưới con mắt của ngài, chỉ có hai ba vị tuyệt vời thôi, còn lại bao nhiêu cũng thường.

Chánh văn:

Phàm người xuất gia phải biết có sự phần từ trước lại. Vả như, dưới Tứ Tổ, đại sư Ngưu Đầu Pháp Dung nói ngang nói dọc vẫn chưa biết then chốt hướng thượng, có con mắt trí này mới biện được tông đảng tà chánh. Người hiện giờ không hay thể hội, chỉ biết học ngôn ngữ, nghĩ đến những việc trong đãy da xưng là ta hội Thiền. Nó có thể thay ông việc sanh tử chăng?

Giảng:

Ngài Pháp Dung ở núi Ngưu Đầu cũng ngộ được nơi Tứ Tổ, nhưng ngài thấy chưa phải tột, chưa phải người thấu đáo đến chỗ rốt ráo của lý thiền. Cho nên ngài bảo người học thiền phải có con mắt trí tuệ, phân biệt rõ ràng đâu là tà đâu là chánh, đâu là tột cùng, đâu là chưa tột cùng v.v... Ngài nói người thời nay tức thời Đường *học ngôn ngữ, nghĩ đến những việc trong đãy da xưng là ta hội Thiền,* chỉ biết lẩn quẩn trong thân này cho là hội thiền. Như vậy ai thay cho ông việc sanh tử?

Chánh văn:

Khinh thường bậc lão túc vào địa ngục nhanh như tên bắn. Tôi vừa thấy người vào đến cửa liền biết được ông rồi. Lại biết chăng? Cần kíp cố gắng,

chớ có dung dị. Mặc y ăn uống mà để một đời luống qua, người trí chê cười.

Giảng:

Lời này rất tha thiết. Ngài khuyên chúng ta đừng coi thường bậc lão túc, những bậc thầy trước kia có đạo đức, đã nhận được chánh pháp. Nếu mình có tâm *khinh thường thì đọa địa ngục nhanh như tên bắn. Ngài tự nói: Tôi vừa thấy người vào đến cửa liền biết được ông rồi.* Tôi thấy người tới cửa là biết rồi, khỏi cần bàn luận gì hết. Đây là điểm kỳ đặc của ngài. Cho nên tổ Lâm Tế tới có thảo luận gì với ngài đâu, hỏi liền đánh, không cần nói chi. Đó là thấy tới cửa liền biết.

Lại biết chăng? Cần kíp cố gắng, chớ có dung dị. Các ông phải nhanh chóng cố gắng, chớ có xem thường. *Mặc y ăn uống mà để một đời luống qua, người trí chê cười.* Chúng ta đắp y Phật, ăn chay, sống trong đạo mà tu không tiến được, để cho người trí chê cười, thật uổng một đời. Câu nhắc nhở này thắm thiết làm sao! Một đời bỏ cha bỏ mẹ, bỏ thân bằng quyến thuộc, bỏ tất cả việc nước việc nhà để đi tu. Tâm cao thượng ấy quý báu vô cùng. Gan dạ bỏ hết những thứ thường tình để tìm con đường siêu thoát, thế mà vào đạo rồi cũng lẩn quẩn trở lại như người tầm thường, có khi còn tệ hơn nữa, thì có đau không, có uổng một đời không?

Chúng ta đi tu để làm gì mà bỏ cha bỏ mẹ, bỏ hết tất cả để rồi không làm ra trò trống chi? Nếu tu không ra gì thì thôi về nuôi cha nuôi mẹ còn có ý nghĩa hơn, có giá trị hơn. Nếu can đảm dứt hết, vào chùa tu thì phải

đạt tới cái gì, chứ không thể thả lỏng uổng đi một đời. Nhìn lại thấy rất thương nhiều người tu riết không biết mình tu ra sao nữa. Cứ khuya công phu, chiều Tịnh độ rồi chơi bình thường, chừng ấy việc và chờ tới già tới chết, thật uổng một đời.

Cho nên chúng ta không tu thì thôi, tu thì phải đến nơi đến chốn cho xứng danh nghĩa người tu. Nên lời ngài nhắc nhở rất là chí lý: *Cần kíp cố gắng, chớ có dung dị. Mặc y ăn uống mà để một đời luống qua, người trí chê cười.* Cho nên chúng ta phải tu làm sao cho có hiệu quả, xứng đáng một đời hy sinh của mình. Phải nhớ phải biết rõ ràng như vậy, chứ đừng xem thường. Chúng ta xét lại lời người xưa tha thiết nhắc nhở mà ý thức được việc làm của mình, sao cho xứng đáng một ngày ở chùa là một ngày cao quý, một năm mặc y nhà Phật là một năm xứng đáng người tu chứ đừng lôi thôi.

Chánh văn:

Ông thời gian sau hẳn sẽ bị người tục lôi đi, phải tự xem xa gần cái gì là việc trên mặt. Nếu hội tức là hội, nếu không hội thì giải tán đi.

Giảng:

Ngài nói cương quyết, hiểu được thì ở, nếu không hiểu thì rút lui, đừng ở đây nữa. Chúng ta thấy lối dạy của ngài Hoàng Bá thật là mạnh mẽ.

Chánh văn:

Sư Lâm Tế Nghĩa Huyền đến hỏi:

- Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?

Ngài liền đập một gậy. Đến ba phen hỏi đều bị đập một gậy. Sau cùng Lâm Tế từ giã ngài đi nơi khác. Ngài dạy qua tham vấn Đại Ngu. Sau này Lâm Tế đắc ngộ ý chỉ của ngài.

Chỗ chỉ dạy của ngài đều nhắm vào bậc thượng căn, người trung căn và hạ căn khó thấy được yếu chỉ.

Giảng:

Chúng ta thấy lối dạy của ngài quá kỳ đặc. Hỏi *thế nào là ý tổ sư từ Ấn Độ sang?* Liền đập cho một gậy rồi đuổi xuống, không nói gì hết. Lần thứ hai hỏi lại đập cho một gậy nữa, đuổi xuống. Lần thứ ba hỏi cũng đập một gậy đuổi xuống. Như thế ai còn gan dạ nào ở đó mà tu. Chúng ta chỉ cần đập một gậy lần thứ nhất là xách gói đi tuốt, chứ đâu tới lần thứ hai thứ ba. Ngài Lâm Tế ráng ẩn nhẫn đến lần thứ ba bị đập một gậy nữa, ngài chỉ biết khóc, không còn cách gì khác. Ngài vừa khóc vừa dọn hành lý ra đi. Bấy giờ ngài Trần Tôn Túc làm Quản chúng bảo: "Trước khi đi huynh lên từ giã Hòa thượng rồi hãy đi." Khi từ giã, Hòa thượng hỏi: "Ông đi đâu." Ngài thưa: "Con không biết đi đâu nữa, thấy không có duyên ở đây thì con đi vậy thôi." Tổ Hoàng Bá bảo: "Ông qua Đại Ngu dạy cho." Ngài liền đi tới thiền sư Đại Ngu.

Như vậy ngài Hoàng Bá có công hay có tội với Lâm Tế? Ba lần hỏi "thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang", ba lần đánh rồi đuổi đi, chứ không dạy một câu. Sau cùng chỉ qua ngài Đại Ngu học.

Qua tới Đại Ngu, ngài Đại Ngu hỏi:

- Ông từ đâu đến?

- Dạ con từ Hoàng Bá đến.

Đại Ngu hỏi:

- Hoàng Bá đã dạy ông lời gì?

- Ba lần con hỏi "thế nào là ý tổ sư từ Ấn Độ sang" đều bị ăn gậy, con không biết có lỗi hay không lỗi?

Đại Ngu bảo:

- Hoàng Bá đã đem tâm lão bà chỉ cho ông đến chỗ tột cùng, ông còn thấy có lỗi, không lỗi.

Ngay đó, ngài Lâm Tế lãnh hội được chỉ ý của tổ Hoàng Bá dạy, liền nói:

- Phật pháp Hoàng Bá rất ít.

Chỉ đánh thôi, không nói chi nên rất ít. Ngài Đại Ngu biết Lâm Tế đã thấm, nên gạn lại:

- Con quỷ đái dưới sàng! Hồi nãy nói có lỗi không lỗi, Bây giờ thấy cái gì mà nói Phật pháp Hoàng Bá rất ít?

Ngài thoi cho Đại Ngu một thoi vô hông. Đại Ngu xô ra nói:

- Thầy của ông là Hoàng Bá, chẳng can hệ gì đến ta.

Ngài liền trở về Hoàng Bá.

Tổ Hoàng Bá đánh Lâm Tế ba gậy mà được làm thầy. Quý vị thấy hay ở chỗ nào? Nhờ ăn ba gậy của Hoàng Bá mà dòng Lâm Tế truyền tới ngày nay,

hơn một ngàn năm chưa dứt. Kỳ đặc ở chỗ nào? Thời nay chúng ta không thể sử dụng thủ thuật của ngài Hoàng Bá được. Bởi vì thời nay là thời khoa học, thời tôn trọng nhân quyền... đủ thứ hết. Đập người ta, người ta sẽ kiện mình. Cho nên thời này chỉ có cách ráng mà nói, nói tới khô cổ để cho người ta hiểu. Hiểu thì tốt, không hiểu thì thôi, chứ không dám đánh, sợ mang tội.

Như vậy *thế nào là ý tổ sư từ Ấn Độ sang?* Chủ đích của tổ Đạt-ma sang đây, mình làm sao giải thích được? Mở miệng nói là đã mất ý của Tổ sư rồi. Tổ sư muốn chỉ mình cái chân thật không có ngôn ngữ đối đãi. Nếu còn thấy có ngôn ngữ đối đãi, còn phải quấy đúng sai thì không thấy được ý Tổ sư. Phải qua hết đối đãi mới thấy được ý Tổ sư. Vì vậy ngài Đại Ngu phương tiện nói "Hoàng Bá vì ông chỉ thẳng mà ông còn nói có lỗi không lỗi", tức là còn kẹt trong đối đãi. Đánh đó là chỉ thẳng rằng Tổ sư đem Thiền tông sang Trung Quốc, chỉ dạy chỗ không còn ngôn ngữ, không còn đối đãi. Bây giờ ông lại hỏi việc đối đãi, làm sao nhận ra được ý Tổ sư. Nghe đến đây ngài Lâm Tế hiểu ngay, liền nói Tổ sư dạy đơn giản quá. Ngài Đại Ngu nắm lại hỏi: "Hồi nãy ông nói có lỗi không lỗi, bây giờ lại nói Phật pháp Hoàng Bá rất ít là sao?" Đến đây Lâm Tế thấy Phật pháp rất đơn giản mà còn nói là trật, nên chỉ thoi một thoi trả lời. Bị đánh ba gậy để chỉ, bây giờ muốn trình chỗ thấy của mình cũng dùng cái thoi để trình. Như vậy mới thấy rõ chỗ người đệ tử đã thấu triệt được ý của thầy.

Người thời nay đọc sử tới mấy đoạn này thấy Thiền sư ngày xưa quá thô bạo, chỉ có đánh đập chứ không nói

đạo lý, nhưng thật tình hành động của các ngài có ý nghĩa rất thâm trầm. Bởi vậy nếu chúng ta không lãnh hội được lý thiền thì không bao giờ tìm thấy được cái hay của nhà thiền. Chủ ý của tổ Hoàng Bá là chỉ thẳng, chứ không chỉ quanh co. Người nào ngài mới chỉ thẳng như vậy? Người có căn khí đại thừa, có thể thừa đương đại sự mới được chỉ thẳng như thế. Như cả quyển Uyển Lăng Lục, chúng ta đọc đâu thấy ngài đánh ai. Tướng quốc Bùi Hưu hỏi, ngài trả lời đâu đó rõ ràng. Là vì tướng quốc mà bị đánh thì từ giã liền, cho nên phải giải cho ông hiểu. Còn Lâm Tế là một con người rất kỳ đặc, ít nói thâm trầm cho nên Tổ đã thầm nhận, nhưng chưa nói ra. Khi Lâm Tế hỏi ngài liền dùng thủ thuật đó. Nhờ thủ thuật này, Lâm Tế sau khi ngộ rồi không còn ý niệm lăng xăng nữa. Vì vậy hệ Lâm Tế truyền bá rất lâu dài.

Chánh văn:

Đời Đường khoảng niên hiệu Đại Trung (847 - 860 TL), ngài tịch ở núi Hoàng Bá. Nhà vua sắc thụy là Đoạn Tế thiền sư, tháp hiệu Quảng Nghiệp.

Giảng:

Do vậy có nơi gọi ngài là Đoạn Tế thiền sư, có nơi gọi Hoàng Bá hoặc Hy Vận. Chỗ nào đúng? Chỗ nào cũng đúng hết. Ngài có bài kệ răn dạy những người tu thiền rất hay:

Trần lao quýnh thoát sự phi thường,
Hệ bả thằng đầu tố nhất trường,
Bất thị nhất phiên hàn triệt cốt,
Tranh đắc mai hoa phốc tỹ hương.

Dịch:

Vượt khỏi trần lao việc chẳng thường,
Đầu dây nắm chặt giữ lập trường,
Chẳng phải một phen xương lạnh buốt,
Hoa mai đâu dễ ngửi mùi hương.

Tất cả người tu chúng ta *cốt ra khỏi trần lao,* còn lăn lộn tử sanh là còn ở trong vòng trần lao. Lao là khổ là nhọc, muốn ra khỏi vòng khổ nhọc trầm luân là *việc phi thường*. Tại sao phi thường? Bởi vì con người sanh ra ai cũng theo thói thường, lớn lên học hành rồi có gia đình, có con cái, lớn nữa có cháu chắt rồi tới già chết. Cứ đều đều như vậy mà không ai nghĩ cách nào khác hơn để thoát ra luật lệ ấy.

Người tu không chấp nhận sự trói buộc, sanh đi tử lại mãi mãi như thế, cho nên chúng ta quyết định phải thoát ra vòng trần lao. Quyết định thoát khỏi vòng trần lao là kẻ thường hay phi thường? Là phi thường. Vậy mà ai nói động một chút thì buồn, ai chê liền giận. Con người phi thường mà vậy sao? Đã là người phi thường thì nghe chửi không thèm giận, nghe khen không mừng mới được. Quý vị thử kiểm lại xem mình phi thường chưa? Đã đi tu là làm việc phi thường, tại sao chưa chịu thực hiện việc phi thường?

Đó là những câu hỏi chúng ta phải luôn tự đặt, tự vấn để vươn lên, chứ không thể tu mà vẫn đặt mình trong cái tầm thường. Tất cả chúng sanh đều chấp nhận cuộc đời sanh ra, lớn lên, lập gia đình rồi tới già chết.

Ai cũng như ai, giỏi lắm làm được chuyện từ thiện chút ít cho đời là quý rồi. Người trước như vậy, người sau như vậy, mãi mãi như vậy. Có người sớm thức tỉnh, muốn thoát ra khỏi cái tầm thường đó, vì vậy nên nói là phi thường. Không chấp nhận việc tầm thường thì phải làm việc khác hơn, làm việc phi thường. Muốn làm việc phi thường đòi hỏi con người cũng phải phi thường. Người ta đi đường bằng phẳng suôn sẻ, mình muốn đi trên mây trên gió thì phải phi thường hơn người ta chứ, phải có cái gì kỳ đặc mới được.

Chúng ta đồng ý là người phi thường thì phải có tư cách phi thường. Tư cách phi thường thì bị chê không buồn, bị chọc không giận v.v... Chứ động tới giống hệt những người tầm thường, than tôi tu mấy năm nay mà không ai quan tâm, thiếu thốn, nghèo, bệnh hoạn hoài, buồn quá. Những thái độ đó đâu phải là người phi thường. Ở đây ngài nói chúng ta muốn ra khỏi trần lao là việc phi thường, nên phải vượt khỏi thói thường tình của người đời. Như vậy mới xứng đáng là người xuất gia.

Hệ bả thằng đầu tố nhất trường tức là đầu dây nắm chặt giữ lập trường. Mình tu pháp nào thì cứ một pháp ấy bám chặt cho tới nơi tới chốn. Như câu chuyện trong kinh Phật dạy: Có một anh chàng phạm tội tử hình. Trên một con đường dài mấy cây số, mà hai bên đường nào là các cảnh ca hát, rượu chè, cờ bạc, đủ thứ trò cám dỗ. Nhà vua ra lệnh anh bưng một dĩa dầu đầy đi từ đầu đường đến cuối đường mà không rơi một giọt, không nghiêng không đổ thì sẽ tha anh khỏi tội tử hình.

Nếu nghiêng đổ ở chỗ nào thì lập tức tên đao phủ phía sau chặt cổ anh liền. Quý vị nghĩ nếu trong trường hợp như vậy chúng ta dám liếc ngó hai bên đường không? Chắc chắn là không. Vì biết tên đao phủ phía sau sẵn sàng vung đao, để chảy một chút dầu là bị rơi đầu ngay, cho nên chăm chăm đi tới cuối đường. Khi đi hết con đường mà không nhỏ một chút dầu, tên tử tội mới thoát khỏi tội tử hình.

Phật ví dụ dĩa dầu là pháp tu, còn tên tử tội là tất cả phàm phu chúng ta. Có người nào không bị án tử hình không? Những án treo ba chục năm, năm chục năm, sáu bảy chục năm... rồi sẽ tử hình, ai cũng bị án hết. Đang bị án mà muốn thoát khỏi án phải làm sao? Phật dạy phải dùng một pháp tu, chuyên tâm thực hành cho tới nơi tới chốn, không sơ sót thì sẽ giải thoát khỏi tử hình. Tử hình là sanh tử. Muốn ra khỏi sanh tử thì phải nắm vững pháp tu của mình, từ đầu tới cuối, không vì duyên của sáu trần mà mình lơi lỏng, phải chăm chăm đi tới mới được giải thoát. Cũng như anh tử tội chăm chăm nhìn dĩa dầu không cho nghiêng đổ vậy. Chúng ta tu ai cũng có hướng của mình, phải theo dõi luôn, không chút lơ là thì sẽ thoát khỏi sanh tử.

Chú lính cầm cây đao đi bên cạnh là quỷ vô thường chực sẵn, mình sơ sẩy một chút là nó chặt đầu liền. Chúng ta đi đứng, tới lui, qua lại... sơ sẩy đạp con rắn, nó cắn sôi đờm chết. Ra đường xe đụng ngã đùng chết... Quỷ vô thường nó chực lúc nào mình không hay, miễn sơ sẩy thì rồi đời. Vì vậy đi đâu cũng phải nhiếp tâm giữ chánh niệm, mới thoát chết. Thường mình đi ra

thì ngó trời, ngó mây, ngó thiên hạ kẻ này người kia... về kể lại cho huynh đệ nghe. Cho nên không biết quỷ vô thường nó chụp lúc nào. Vì vậy người tu phải cố làm sao đi cho tới nơi tới chốn, đem hết tâm lực tập trung vào mỗi việc tu hành, khả dĩ thoát được luật sanh tử vô thường.

Bất thị nhất phiên hàn triệt cốt tức là chẳng phải một phen xương lạnh buốt. Nhờ tới mùa đông xương lạnh buốt chúng ta mới thấy hoa mai nở rộ. Có chịu cái lạnh buốt của mùa đông, mới hưởng được mùi thơm của hoa mai. Đừng nghĩ mình tu thảnh thơi vui vẻ sẽ đạt được kết quả mỹ mãn, không bao giờ có chuyện đó. Phải chăm chỉ, quyết tâm tu không lúc nào lơi lỏng, mai kia mới có thể giải thoát sanh tử. Ngoài thế gian, một đứa học trò muốn mỗi năm mỗi lên lớp cho tới thi đậu, nó phải làm sao? Phải cố gắng học đêm học ngày mới được. Chúng ta tu cũng vậy, phải chịu cực chịu khổ, để hết sức lực, hết tâm trí mình vào sự tu thì mai kia mới được kết quả tốt đẹp, không thể lơ là đùa cợt ngày này tháng kia mà được kết quả.

Bài kệ này nhắc nhở chúng ta thấy bổn phận của mình phải làm gì, đạt được gì, chứ không phải chuyện làm cho có chừng, làm để mà làm, làm trò cười cho thiên hạ. Đó là lời nhắc nhở rất chí thiết của thiền sư Hoàng Bá. Mong tất cả nhớ và làm tròn bổn phận của mình.

TRUYỀN TÂM PHÁP YẾU GIẢNG GIẢI

TỰA

Hà Đông Bùi Hưu

Chánh văn:

Có vị đại thiền sư pháp hiệu Hy Vận ở dưới ngọn Thứu Phong, núi Hoàng Bá huyện Cao An, Hồng Châu. Ngài là đích tôn của Tào Khê Lục Tổ, là pháp điệt (con cháu) của Bách Trượng, Tây Đường. Ngài riêng mang ấn Tối thượng thừa, rời văn tự, chỉ truyền dạy một tâm, không có pháp gì khác, tâm thể cũng không, muôn duyên đều lặng, như mặt trời lên trên hư không sáng suốt chiếu soi không có một mảy bụi.

Giảng:

Bài tựa này do ông Bùi Hưu viết. Ông là vị cư sĩ đắc pháp nơi thiền sư Hoàng Bá, nên rất mực quy ngưỡng Sư. Thiền sư Hy Vận ở núi Hoàng Bá, chúng ta gọi ngài là Hoàng Bá tức gọi theo tên núi, vì quý kính ngài nên gọi tránh như thế. *Ngài là đích tôn của Tào Khê Lục Tổ* tức cháu lớn của Lục Tổ. Dưới Lục Tổ có Nam Nhạc Hoài Nhượng, dưới Nam Nhạc Hoài Nhượng có Mã Tổ Đạo Nhất, dưới Mã Tổ Đạo Nhất có Bách Trượng Hoài Hải, ngài là đệ tử của tổ Bách Trượng. Như vậy ngài là cháu đời thứ tư của Lục Tổ, nên gọi là đích tôn, *là pháp điệt của Bách Trượng, Tây Đường,* tức cháu của thiền sư Tây Đường Trí Tạng.

Ngài riêng mang ấn Tối thượng thừa, rời văn tự, chỉ truyền dạy một tâm, không có pháp gì khác. Chỗ này nói đến lý rời văn tự. Duyên do vì ông Bùi Hưu tới chùa Khai Nguyên, gặp ngài đang ẩn nghỉ nơi đây. Tướng quốc Bùi Hưu bấy giờ là một vị đại quan đời Đường, nên thầy trụ trì đón tiếp rất đàng hoàng. Bùi Hưu tới nhà Tổ thấy hình các vị cao tăng vẽ trên vách, ông hỏi thầy trụ trì:

- Hình Cao tăng ở đây, mà Cao tăng ở đâu?

Thầy trụ trì không có câu trả lời. Bùi Hưu hỏi tiếp:

- Trong đây có Thiền sư không?

- Mới có người tới, dáng vẻ giống như Thiền sư.

Bùi Hưu bảo:

- Xin Thầy mời vị đó ra cho.

Thầy trụ trì mời ngài Hoàng Bá ra. Thấy ngài, Bùi Hưu thưa:

- Khi nãy tôi có một câu hỏi Hòa thượng trụ trì, nhưng ngài tiếc lời không đáp, giờ xin hỏi Thiền sư: Hình Cao tăng ở đây mà Cao tăng ở đâu?

Ngài Hoàng Bá gọi:

- Bùi Hưu!

Bùi Hưu ứng thanh:

- Dạ.

Ngài Hoàng Bá hỏi:

- Ở đâu?

Ngay đây, Bùi Hưu biết chỗ ở của Cao tăng.

Ở đây nói *rời văn tự*, vì câu đáp trên của ngài Hoàng Bá không có trong kinh văn nào cả. Chúng ta ngày nay phần nhiều giải thích rồi dẫn kinh làm chứng. Còn ngài kêu "Bùi Hưu", cư sĩ ứng thanh "dạ", ngài hỏi "ở đâu" liền xong. Có kinh nào dạy câu đó không? Không. Cho nên nói "giáo ngoại biệt truyền" là nghĩa này vậy. Nói *rời văn tự, chỉ truyền dạy một tâm,* tức không có văn tự mà chỉ thẳng tâm, chứ không có gì khác. Giai thoại này cho chúng ta thấy rõ thêm tướng quốc Bùi Hưu và tổ Hoàng Bá có liên hệ với nhau như thế.

Chánh văn:

Người chứng đó, không mới cũ, không sâu cạn. Người nói đó, không lập nghĩa giải, không lập

tông chủ, không mở cửa nẻo, thẳng đó là phải, động niệm liền trái, nhiên hậu mới là bản Phật. Cho nên lời nói kia rất gọn, lý ấy chỉ thẳng, đạo cao vót, hạnh này riêng biệt.

Giảng:

Người chứng đó, không mới cũ, không sâu cạn. Sao không mới cũ, không sâu cạn? Bởi vì tâm thể không hai, nó vốn có sẵn, không phải cũ cũng không phải mới, không sâu cũng không cạn. Biết được tâm thể thì tâm thể là vậy thôi.

Người nói đó, không lập nghĩa giải, không lập tông chủ, không mở cửa nẻo, thẳng đó là phải, động niệm liền trái, nhiên hậu mới là bản Phật. Như trường hợp ngài Hoàng Bá chỉ cho Bùi Hưu cao tăng ở đâu, là chỉ bằng tông chỉ nào? Ngài gọi một tiếng, Bùi Hưu liền dạ, ngài hỏi ở đâu là rồi. Cho nên nói *không lập tông chủ, không mở cửa nẻo, thẳng đó là phải,* ngay nơi chỗ vừa thốt lên, dạ đó là phải. *Động niệm liền trái,* dấy niệm là trật rồi, *nhiên hậu mới là bản Phật,* thấy được như vậy mới là ông Phật gốc của mình.

Cho nên lời nói kia rất gọn, lý ấy chỉ thẳng, đạo cao vót, hạnh này riêng biệt, vì vậy lời nói quá gọn, lý thì chỉ thẳng, đạo lại cao vót, hạnh thành riêng biệt.

Chánh văn:

Học giả bốn phương trông núi này đua nhau đến, nhìn thấy tướng là ngộ, hải chúng tới lui thường hơn ngàn người.

Giảng:

Dưới hội ngài Hoàng Bá chúng hơn một ngàn. Đó là nói đạo đức và lối chỉ dạy của ngài Hoàng Bá cảm hóa được rất nhiều người.

Chánh văn:

Hội Xương năm thứ hai (842 TL), tôi trấn nhậm Chung Lăng (Hồng Châu) đích thân lên núi rước ngài đến bản châu, nghỉ ở chùa Long Hưng, sớm chiều hỏi đạo. Đại Trung năm thứ hai (848 TL), tôi đổi đến Uyển Lăng (Tuyên Châu) cũng đi lễ thỉnh ngài đến sở bộ an cư ở chùa Khai Nguyên. Tôi sớm chiều đến thọ pháp, trở về ghi lại mười phần được một hai, đeo làm tâm ấn không dám bày ra. Nay sợ e tinh nghĩa nhập thần đời sau không được nghe, bèn trao nó cho môn hạ tăng Đại Châu, Pháp Kiến trở về núi xưa chùa Quảng Đường, hỏi Trưởng lão pháp chúng những ngày trước gần gũi được nghe, đồng khác thế nào.

Ngày tám tháng mười một năm Đại Trung thứ mười một (857 TL).

Giảng:

Tướng quốc Bùi Hưu thỉnh ngài Hoàng Bá đến Uyển Lăng, rồi về chùa Khai Nguyên v.v... tức những nơi ngài trực tiếp giảng dạy cho ông. Ông nghe nhận và ghi chép, cho đó là *tinh nghĩa nhập thần* của ông, nhưng sợ cái nghe của mình không được trọn vẹn, không sáng sủa,

nên đưa cho đệ tử của tổ Hoàng Bá coi lại, tức các trưởng lão trong Pháp chúng, so sánh với những lời của các vị này được nghe, có đồng với lời của ông đã nghe hay không.

Các vị trưởng lão thấy lời ông ghi chép rất hay, rất đúng nên đưa vào phần Ngữ lục, gọi là "Pháp yếu truyền tâm Thiền sư Đoạn Tế Hoàng Bá". Như vậy quyển luận Truyền Tâm Pháp Yếu này ra đời là do ông Bùi Hưu ghi chép lời dạy của tổ Hoàng Bá.

PHÁP YẾU TRUYỀN TÂM

Thiền sư Đoạn Tế ở núi Hoàng Bá

Chánh văn:

Sư bảo Hưu rằng:

Chư Phật cùng tất cả chúng sanh chỉ là một tâm, không có pháp riêng. Tâm này từ vô thủy tới nay không từng sanh không từng diệt, không xanh không vàng, không hình không tướng, không thuộc có không, không kể mới cũ, chẳng dài chẳng ngắn, chẳng lớn chẳng nhỏ, vượt qua tất cả hạn lượng danh ngôn dấu vết đối đãi, chính thẳng đó là phải, động niệm liền trái.

Giảng:

Chư Phật cùng tất cả chúng sanh chỉ là một tâm. Phải hiểu chữ "một tâm" này cho rõ, đừng bị lầm. Phật với chúng sanh chỉ có một tâm, nếu Phật giác ngộ lẽ ra

chúng sanh cũng giác ngộ, nhưng tại sao Phật giác ngộ mà chúng ta lại không giác ngộ? Nếu một tâm thì tất cả chư Phật không hai, tại sao lại có Phật Di-đà, Phật Ca-diếp, Phật Thích-ca, vô số Phật như vậy? Chỗ này người ta dễ lầm, như Bà-la-môn giáo cho rằng chỉ có một Phạm thiên, khi tu đại ngã của họ thể nhập vào đại ngã Phạm thiên, thế là xong. Như vậy chỉ có một đại ngã, bao nhiêu người tu đều nhập về đó hết. Nếu Phật nói một tánh giác chung thì ngài thành Phật chúng ta cũng được ảnh hưởng, sao Phật thành Phật lâu quá mà mình còn ngồi đây? Đó là một lý.

Lý thứ hai, nếu là một thì chỉ có một vị Phật, như Bà-la-môn giáo chỉ có một Đại Phạm thiên gọi là đại ngã, sao chúng ta lại có vô số Phật, vậy vị Phật nào là chủ? Chỗ này kinh Viên Giác dùng ví dụ thật hay. Nói rằng trong một ngôi nhà tối có đốt một trăm ngọn đèn riêng khác, nhưng ánh sáng của một trăm ngọn đèn đó hòa nhập vào nhau chỉ có một, không sai khác. Như vậy ngọn đèn tuy khác nhưng ánh sáng thì đồng. Cho nên chữ một là nói về ánh sáng chứ không phải nói về ngọn đèn. Một mà không phải một, mới có vô số chư Phật. Mỗi vị giáo hóa mỗi nơi, giống như các ngọn đèn để ở những vị trí khác nhau, nhưng tánh chất của ánh sáng vẫn đồng.

Bây giờ chúng ta có thể hiểu hằng hà sa số chúng sanh là hằng hà sa số chư Phật. Quý vị có dám nhận mình là Phật không? Nếu bây giờ nhận mình là Phật thì bị tội tăng thượng mạn, nhưng nghĩ mình không có Phật tánh thì tu tiến không? Không. Chúng ta ai cũng có

tánh Phật nhưng chưa phải Phật quả. Phật tánh không rời mình, nhưng ta còn mê còn quên nên làm chúng sanh. Như người có hòn ngọc quý mà quên, cất đâu không biết thì người đó giàu hay nghèo? Có ngọc quý nhưng không biết để đâu thì giàu cũng thành nghèo. Chừng nào lấy được hòn ngọc quý ra dùng mới giàu. Chúng ta cũng vậy, có tánh giác là có Phật nhưng bây giờ quên, không biết Phật ở đâu, cứ thấy toàn là chúng sanh. Chừng nào chúng ta thấy ông Phật của mình một cách cụ thể rõ ràng, chừng đó mới biết mình vốn là Phật mà xưa nay quên. Như vậy tâm thể chúng ta có tánh Phật đồng với tánh Phật của chư Phật, nên nói là một.

Tâm này từ vô thủy tới nay không từng sanh, không từng diệt, không xanh không vàng, không hình không tướng v.v... Tâm thể này từ thuở nào tới giờ, không sanh không diệt, không màu sắc không hình tướng. Chỗ này nói suông thì quý vị rất khó hiểu, vì sao tâm lạ vậy? Ở đây có hai trường hợp để chúng ta nhận biết được tâm.

Trường hợp thứ nhất rất bình thường giản dị, chỉ ai khéo tinh mắt một chút sẽ nhận ra ngay. Như chúng ta ngồi bình tĩnh trước sân chùa nhìn tất cả cảnh vật, mà không có niệm số một số hai nào dấy động hết, lúc đó có tâm không? Nếu không tâm thì ai biết nhìn, ai biết thấy, có tiếng động biết nghe. Cái thấy nghe không dấy niệm đó là tâm chưa từng sanh chưa từng diệt. Vừa khởi khen chê hay ưa ghét liền qua tướng sanh diệt. Cho nên ở đây nói cái đó không có danh ngôn mà *động niệm liền trái.* Chỉ khi không dấy niệm, tâm đó hiện tiền.

Tâm không nghĩ gì hết diễn tả làm sao? Hình tướng làm sao? Dáng dấp làm sao? Vì nó không hình tướng nên không xanh vàng đỏ trắng mà vẫn thấy vẫn nghe. Vừa khởi một niệm như cây tùng này đẹp thì tâm ẩn khuất liền. Cho nên dùng chữ *động niệm liền trái,* động niệm là mất tâm chân thật liền.

Chúng ta nhìn là nhìn, thấy là thấy, không khởi niệm thì tâm hiện tiền. Có khi nào quý vị cảm nhận điều đó không? Ai cũng cảm nhận được hết, như vậy đâu có người nào vô phần. Đã có phần nhưng không biết giữ của báu nên rồi xao lãng quên mất, cứ chạy theo cái nghĩ đông nghĩ tây cả ngày. Nhiều người rất tội nghiệp, ngồi một lát chợt vui lên muốn cười, sau đó lại quạu. Dáng vui dáng quạu của họ hiện ra tại cái gì? Tại ôn lại quá khứ, quá khứ đẹp thì vui, quá khứ thù địch thì quạu. Như vậy họ ngồi đó mà không có ngồi đó, vì ngồi đó mà sống với quá khứ. Chúng ta sống với cái đã qua là sống với cái mất. Hoặc không sống với cái đã qua thì sống với cái chưa tới, chưa tới cũng là ảo tưởng. Cái thật hiện tại chúng ta không sống, thành ra sống cả ngày mà thật ra không sống gì hết.

Vì vậy nhà thiền bắt chúng ta phải sống với hiện tại; quá khứ đã qua, vị lai chưa đến, chỉ hiện tại là chủ yếu. Như vậy mới thấy sống với hiện tại quá khó. Tại sao khó? Vì chúng ta quen nuôi dưỡng quá khứ, vị lai. Lấy quá khứ làm kinh nghiệm, lấy vị lai làm mơ ước. Mơ ước cái sẽ tới đẹp hơn bây giờ, nên thấy nó hấp dẫn, còn hiện tại thì coi thường.

Chánh văn:

Ví như hư không không có giới hạn, không thể đo lường. Duy một tâm này tức là Phật. Phật cùng chúng sanh không riêng khác. Chỉ vì chúng sanh chấp tướng cầu bên ngoài, càng cầu càng mất, khiến Phật đi tìm Phật, đem tâm bắt tâm, mãn đời cùng kiếp trọn không thể được.

Giảng:

Tâm lặng lẽ, tự sáng suốt biết rõ mà không suy nghĩ, tâm đó có tướng mạo không? Không. Bởi không tướng mạo nên giống như hư không, giống như hư không nên không giới hạn, vì vậy nói nó lớn không thể đo lường.

Duy một tâm này tức là Phật. Phật cùng chúng sanh không riêng khác. Chỉ cái tâm lặng lẽ không động niệm đó là Phật. Phật cùng chúng sanh không khác.

Chỉ vì chúng sanh chấp tướng cầu bên ngoài, chạy theo hình thức nên *càng cầu càng mất.* Nghe chùa nào thờ Phật đẹp, muốn tới chiêm bái. Nghe chùa nào Phật linh cầu gì cũng được, muốn chạy lại cầu. Chỉ cầu cái bên ngoài, mà càng cầu càng mất. *Khiến Phật đi tìm Phật* tức sai ông Phật thật đi tìm ông Phật giả. Ông Phật thật là ông Phật tâm tỉnh giác của mình, ông Phật giả là ông Phật xi-măng ngồi trên bàn. Có đau không? Nói vậy có người bảo tôi không lạy Phật nữa, sợ tội vì đem Phật thật lạy Phật giả. Hiểu như vậy càng lầm. Tuy biết mình có Phật thật nhưng chưa sống được với Phật thật mà sống với chúng sanh, thì thôi đem

chúng sanh lạy Phật giả, để tỉnh nhớ ông Phật của mình. Lạy Phật giả để nhớ đến Phật thật nơi mình, chứ không phải lạy Phật để cầu xin. Đó là ý nghĩa người biết tu Phật.

Đem tâm bắt tâm, mãn đời cùng kiếp trọn không thể được. Tức đem tâm này tìm tâm khác, cứ đuổi bắt nhau không có ngày cùng. Ví dụ chúng ta vừa dấy niệm xấu, liền dùng niệm tốt đuổi niệm xấu đi. Niệm xấu đi rồi chỉ còn niệm tốt, như vậy cũng là tu kha khá. Nhưng vẫn còn cái này đuổi cái kia, chỉ khi nào niệm tốt niệm xấu đều lặng thì cái thật nó hiện tiền.

Chánh văn:

Họ chẳng biết, dứt nghĩ quên tính, Phật tự hiện tiền. Tâm này tức là Phật, Phật tức là chúng sanh. Khi làm chúng sanh tâm này không giảm, khi làm chư Phật tâm này không thêm, cho đến lục độ vạn hạnh công đức như hà sa tự sẵn đầy đủ, chẳng nhờ tu mà thêm, gặp duyên liền thi thố, duyên dứt liền vắng lặng.

Giảng:

Câu này nói trắng ra, không giấu giếm gì hết. *Họ chẳng biết, dứt nghĩ quên tính, Phật tự hiện tiền,* tức mình dứt hết suy nghĩ, dứt hết tính toán thì Phật tự hiện tiền. Quý vị một ngày Phật hiện được mấy giờ? Hay mấy phút? Sáu tiếng ngồi thiền, tôi cho mất hết năm tiếng, ít ra cũng còn một tiếng Phật hiện, chứ chẳng lẽ không có chút nào. Tu là để chúng ta trở về Phật của mình,

mà muốn trở về tâm Phật thì phải dứt nghĩ, quên hết tính toán, Phật mới hiện tiền.

Tâm này tức là Phật, Phật tức là chúng sanh. Tâm hiện tiền đó là Phật, tâm này đâu có rời thân người, cho nên Phật tức là chúng sanh.

Khi làm chúng sanh tâm này không giảm, khi làm Phật tâm này không thêm. Tâm hằng tri hằng giác của mình lúc đang làm chúng sanh nó vẫn hiện tiền, khi ta thành Phật nó vẫn hiện tiền, đâu có thêm bớt. Cũng chính tâm này khi gặp duyên nó ứng hiện nào là *lục độ vạn hạnh công đức như hà sa, tự đầy đủ, không nhờ tu mà thêm, gặp duyên liền thi thố, duyên dứt liền vắng lặng*. Cho nên nói chân không mà diệu hữu. Tâm này không một tướng, một bóng dáng nên gọi là chân không. Từ chân không đó tùy duyên, ứng cơ lợi vật không thiếu nên gọi là diệu hữu.

Chánh văn:

Nếu người không quyết định tin tâm này là Phật, chấp tướng tu hành để cầu được công dụng đều vọng tưởng, cùng đạo trái nhau. Tâm này tức là Phật lại không có Phật khác, cũng không có tâm khác.

Giảng:

Nếu người không quyết định tin tâm này là Phật, cứ chấp tướng bên ngoài tu hành để cầu được công dụng, thì những công dụng đó đều là vọng tưởng, cùng đạo trái nhau.

Tâm này tức là Phật lại không có Phật khác, cũng không có tâm khác. Tâm không dấy niệm, không suy tính, không so đo v.v... tâm đó là Phật, không có tâm nào khác nữa. Chúng ta thấy một đoạn này tổ Hoàng Bá dạy Bùi Hưu rất rõ ràng, không giấu giếm tí nào hết. Cũng ngài Hoàng Bá mà khi Lâm Tế tới hỏi thì đánh, không nói gì hết, còn Bùi Hưu tới hỏi ngài lại dạy. Tại sao? Chỗ này phải nắm cho vững, nếu không chúng ta hiểu lầm: chắc gặp quan, ngài nể nên chỉ dạy, còn gặp tăng ngài đánh.

Nếu đi sâu chúng ta sẽ thấy thâm ý người xưa. Vì Bùi Hưu là quan, không có thời giờ, nếu hiểu được đạo ông sẽ ủng hộ đạo. Còn Lâm Tế, Tổ biết là một người có tương lai, nếu nói rõ cho nghe thì nhận một cách quá nhẹ nên dễ quên. Như mấy chú nghe tôi giảng có thể ngay lúc đó hiểu, nhưng một lát quên mất, cuối cùng chỉ nhớ hơn thua tốt xấu phải quấy lăng xăng, mà quên cái thật. Muốn cho con người kỳ đặc kia được chỗ thâm nhập mãi mãi không quên, cho nên dồn ép bằng cách đánh.

Hỏi thế nào là đại ý Phật pháp, Tổ liền đánh. Hỏi ba lần, đánh ba lần, đánh cho khóc mò vì không biết lỗi tại chỗ nào mà ăn đòn. Nhưng tới chừng gặp ngài Đại Ngu chỉ nói một cách hết sức nhẹ: "Hoàng Bá thật là tâm lão bà, chỉ tột cùng cho ông rồi, mà ông còn nghĩ có lỗi không lỗi", ngay đó ngài Lâm Tế nhận ra, thấy rõ ràng. Cho nên nói "Từ khi nhận được rồi tới sau không bao giờ quên, không bao giờ mất". Vì vậy tông Lâm Tế

kéo dài mãi hơn một ngàn năm. Như vậy không phải vì vị nể Bùi Hưu mà Tổ xử sự nhẹ nhàng, không vì ác cảm với Lâm Tế mà đánh đập. Hành động đánh là gây một ảnh hưởng sâu đậm lâu dài cho ngài Lâm Tế. Còn vị cư sĩ kia hiểu bao nhiêu tốt bấy nhiêu, không sao hết. Nếu đánh Bùi Hưu, ông sẽ oán chùa, có lợi gì. Cho nên hai trường hợp khác nhau.

Biết như vậy nhưng sao bây giờ tôi không đánh mấy chú? Bây giờ người ta đồn tu thiền điên, mà tôi lại đánh hét nữa thì người ta nói tôi điên mất rồi, ai dám tu thiền. Do đó tôi phải giảng nói để mấy chú lãnh hội được phần nào hay phần ấy, cộng thêm sách vở nghiên cứu. Từ đó quý vị mới tin Phật pháp hay mà ráng tu, chứ làm như người xưa không thể được. Tùy thời cơ, tùy hoàn cảnh mà linh động, chúng ta không thể chấp một bề. Có nhiều người nói Đức Sơn đánh, Lâm Tế hét, đó là Thiền tông Trung Hoa. Mình bây giờ cũng tu thiền, tại sao không biết đánh biết hét gì hết? Như vậy là hiểu lầm. Mỗi trường hợp có cái khác nhau, chúng ta phải linh động, không thể chấp cứng một bên.

Chánh văn:

Tâm này sáng sạch ví như hư không, không có một điểm tướng mạo, khởi tâm động niệm liền trái pháp thể, tức là chấp tướng. Từ vô thủy tới nay không có Phật chấp tướng. Tu lục độ vạn hạnh muốn cầu thành Phật, tức là thứ lớp. Từ vô thủy đến nay không có Phật thứ lớp.

Giảng:

Ở đây cho chúng ta thấy lối tu đốn ngộ không có thứ bậc, không từ Bồ-tát Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa v.v..., mà đi thẳng. Mê là chúng sanh, ngộ là Phật. Đốn là đốn chỗ đó, chỉ có một bước mê và ngộ thôi. Nhưng trong cái ngộ có người ngộ cạn có người ngộ được sâu, hoặc người ngộ nhưng giữ không được và người ngộ mà giữ được, khác nhau như vậy. Ở đây không đặt thứ bậc thấp cao, chỉ thẳng cái tâm thể chân thật, chúng ta nhận được gọi là thấy đạo. Thấy đạo rồi cứ thế mà tu.

Lúc lặng lẽ mà rõ ràng thường biết, tâm đó không có một chút tướng mạo, nên *ví như hư không*. Song hư không thì vô tri, còn tâm thể hằng tri hằng giác, khác nhau chỗ đó. Vừa *khởi tâm động niệm liền trái pháp thể*. Vì khi dấy niệm, chúng ta chạy theo niệm nên ông chủ ẩn mất. Bởi vậy cả ngày nói tu mà tu với tướng bên ngoài. Nhớ chuyện này, nhớ chuyện kia, rồi phê phán người này hay người kia dở. Sự tu nằm trên tướng sanh diệt thì không đi tới chỗ chân thật. Nếu được điều gì chẳng qua do chấp tướng mà được. Nên ở đây nói *không có Phật chấp tướng*. Phật thật thì không chấp tướng, đã chấp tướng thì không phải Phật thật. Chúng ta tu khó vì lâu nay quen huân tập nhiều thứ nên buông không được.

Tu lục độ vạn hạnh muốn cầu thành Phật, tức là Phật thứ lớp, nghĩa là từ Phật Thập tín, Phật Thập trụ, Phật Thập hạnh cho tới Phật Thập địa v.v... đó là Phật thứ lớp. Từ vô thủy tới nay Phật là Phật, chứ không có Phật thứ lớp.

Chánh văn:

Chỉ ngộ một tâm lại không có một chút pháp có thể được, đây tức là chân Phật. Phật cùng chúng sanh một tâm không khác.

Giảng:

Ngộ được tâm không dấy niệm đó thì *không một chút pháp có thể được,* vì tâm ấy không phải pháp gì hết. *Đây tức là chân Phật, Phật cùng chúng sanh một tâm không khác.* Phật đó với Phật của tất cả chúng sanh chỉ một Phật tâm, không có hai.

Chánh văn:

Ví như hư không, không xen lẫn, không hư hoại. Như vầng mặt trời soi bốn phương thiên hạ. Khi mặt trời lên ánh sáng chiếu khắp cả thiên hạ, hư không không từng sáng; khi mặt trời lặn, bóng tối che trùm thiên hạ, hư không không từng tối. Cảnh tối sáng tự đuổi cướp nhau, tánh hư không rỗng lặng chẳng đổi.

Giảng:

Ví dụ này xét kỹ thật hay. *Ví như hư không,* không có xen lẫn, không bị thứ gì làm hư hoại. Như vầng mặt trời soi bốn phương thiên hạ, lúc mặt trời lên nhìn trong hư không thấy sáng. Khi mặt trời lặn nhìn trong hư không thấy tối. Như vậy hư không có tối sáng không? Nếu nó sáng thì khi tối lẽ ra cái sáng hòa lẫn trong cái tối, nhưng thực tế không phải như vậy, nên biết hư không không tối không sáng.

Cảnh tối sáng tự đuổi cướp nhau, tánh hư không rỗng lặng chẳng đổi. Tối đến thì sáng ẩn, tối ẩn thì sáng đến, hai thứ cứ đuổi cướp nhau, chứ hư không không đổi. Thực tế một chút, chúng ta thấy khi trong tâm mình nghĩ điều thiện thì cái thiện hiện ra, nghĩ điều ác thì cái ác hiện ra. Khi nghĩ thiện thì không có ác, khi nghĩ ác thì không có thiện. Tâm chân thật giống như hư không, thiện ác giống như tối sáng. Tối tới thì sáng ẩn, sáng đến thì tối ẩn, không cái nào dính với hư không hết. Tâm thể cũng vậy, không có thiện ác. Khi hai thứ thiện ác lặng thì tâm thể hiện tiền.

Bây giờ dù sáng dù tối cũng không liên hệ gì với hư không, nếu không sáng không tối thì cũng là hư không. Tâm nghĩ thiện nghĩ ác là tâm sanh diệt, khi tâm sanh diệt ấy dừng lặng thì tâm thể nguyên vẹn hiện tiền, không tìm kiếm ở đâu. Cho nên gọi nó là "Bản lai diện mục". Diện là mặt, mục là mắt, mặt mắt thật của chúng ta sẵn có từ thuở nào.

Chánh văn:

Phật và chúng sanh tâm cũng như thế. Nếu xem Phật thấy tướng giải thoát thanh tịnh sáng suốt, xem chúng sanh thấy tướng nhơ bẩn tối tăm, người thấy biết như vậy trải qua số kiếp hà sa trọn không được Bồ-đề, vì chấp tướng vậy.

Giảng:

Người thấy Phật là giải thoát thanh tịnh, còn chúng sanh nhơ bẩn tối tăm, như vậy tu *trải qua số kiếp*

hà sa trọn không được Bồ-đề, vì chấp tướng vậy. Nếu nghĩ nhớ thân Phật là thanh tịnh sáng suốt, thân chúng ta nhơ bẩn tối tăm thì được, chứ tâm Phật và tâm chúng ta, tâm thể đó không có bên sáng bên tối. Chỉ vì chúng ta quên, chạy theo vọng tưởng nên thấy có nhơ bẩn tối tăm, chứ thể thanh tịnh của Phật và thể thanh tịnh của chúng sanh vốn không hai. Người nào thấy hai là chấp tướng.

Chánh văn:

Chỉ một tâm này, trọn không có pháp bằng hạt bụi nhỏ có thể được, tức tâm là Phật. Như nay người học đạo không ngộ tâm thể này, bèn ở trên tâm sanh tâm, hướng ra ngoài cầu Phật, chấp tướng tu hành đều là pháp ác, chẳng phải đạo Bồ-đề.

Giảng:

Chỉ một tâm này, tâm này là tâm nào? Tâm từ bi phải không? Tâm Bát-nhã phải không? Tất cả tâm có danh có tướng đều không phải. Chỉ là tâm thể thanh tịnh sẵn có của mình, không có pháp bằng hạt bụi có thể được. Tâm đó là tâm Phật.

Như nay người học đạo không ngộ tâm thể này, bèn ở trên tâm sanh tâm. Nghĩa là chúng ta không ngộ, không nhận được tâm chân thật, rồi sanh khởi tưởng Phật thế này Phật thế nọ, đó là ở trên tâm sanh tâm. *Hướng ra bên ngoài cầu Phật,* chạy nơi này nơi kia tìm Phật. *Chấp tướng tu hành đều là pháp ác*, tại sao? Vì pháp đó không phải là pháp chân thật, cho nên nói là ác.

Chẳng phải đạo Bồ-đề vì đạo Bồ-đề là đạo giác ngộ. Giác ngộ cái gì? Giác ngộ tâm Phật của chính mình. Phật tử thường có những sai lầm như nghe ai có gì huyền bí lạ lùng thì ngỡ người đó đã đạt đạo. Sự thật đạo là tâm chân thật sẵn có nơi mình. Nhận được tâm đó là ngộ đạo, không nhận được là mê.

Chánh văn:

Cúng dường chư Phật mười phương không bằng cúng dường một đạo nhân vô tâm. Tại sao? Vì người vô tâm là không tất cả tâm, thể như như, trong như cây đá không động không lay, ngoài như hư không chẳng bít chẳng ngại, không năng sở, không chỗ nơi, không tướng mạo, không được mất. Người thú hướng mà không dám vào pháp này, sợ lạc vào không, không có chỗ nơi nương tựa, trông thấy mé rồi thối lui, so sánh để tìm thấy biết rộng. Thế nên người thấy biết như lông, người ngộ đạo như sừng.

Giảng:

Đây là dẫn kinh Tứ Thập Nhị Chương, Phật nói *cúng dường chư Phật mười phương không bằng cúng dường một đạo nhân vô tâm.* Có người thắc mắc cúng dường chư Phật mười phương nhiều như vậy sao không bằng cúng dường đạo nhân vô tâm? Ở đây chỉ cho chúng ta thấy, người phát tâm cúng dường chư Phật mười phương là xoay ra ngoài tìm Phật cầu Phật, còn đạo nhân vô tâm là chính mình đi tới chỗ vô tâm, đó là chỗ cúng dường tuyệt đỉnh. Trở về để thấy ông Phật nơi mình

còn hơn ra ngoài làm trăm ngàn Phật sự, gọi là cúng dường Phật không bằng trở về mình nhận chân được mình. Nhận chân được mình là vô tâm, vô tâm là đạo, đạo tức là Phật. Nên nhớ người học đạo là trở về mình, chứ không phải chạy ra ngoài.

Vì người vô tâm là người không tất cả tâm, thể như như, trong như cây đá không động không lay, ngoài như hư không chẳng bít chẳng ngại, không năng sở, không chỗ nơi, không tướng mạo, không được mất. Người thú hướng mà không dám vào pháp này, sợ lạc vào không, không có chỗ nơi nương tựa, trông thấy mé rồi thối lui. Chỗ này nói chúng ta có hai cái khó. Thứ nhất là làm sao cho được không tâm, tức không tất cả tâm. Không tất cả tâm rồi lại bị cái khó thứ hai là sợ lạc vào không, đâm ra hoảng hốt. Đó là hai cái khó của người tu.

Khó thứ nhất chúng ta có thể qua được, vì tin lặng hết tất cả niệm sẽ giác. Khi hết tất cả niệm, sao không thấy gì hết, sợ rơi vào không, đâm ra hoang mang. Nhưng họ quên rằng không có gì hết tức là không tất cả vọng niệm, không tất cả lăng xăng mà thường biết rõ ràng. Thường biết rõ ràng làm sao lạc về không được! Nếu không biết như cây như gỗ thì lạc về không là phải, nhưng không tất cả niệm, còn vẫn thấy biết rõ ràng mà nói lạc về không thì vô lý. Nhiều người tu tới đây muốn thối lui, tưởng thấy hào quang mới thích thú, chứ không thấy gì hết thì tu làm chi. Hiểu như vậy thật là lầm to. Chỗ đó vô nhất vật, rỗng thênh, làm sao thấy cái gì. Khi tâm chúng ta trong sáng nên biết nó rỗng thênh. Tâm đang biết rỗng thênh làm sao nói không biết gì hết!

Chỗ này quý vị tu lâu phải chú ý, nếu không tới đây giật mình, sao lâu nay mình tu nhiều quá mà không còn gì hết, đâm ra hoang mang. Không còn tất cả niệm, tất cả dấy động, chứ tâm thênh thang vẫn còn. Song có nhiều người thích tới đó có hào quang hoặc thấy Phật sờ đầu mới vừa ý, không thấy Phật sờ đầu, không thấy hào quang, họ hoảng hốt sợ tu tới đây thành không ngơ. Như vậy để biết chúng ta tu tới đây không còn tất cả niệm sanh diệt, chỉ còn cái biết rỗng lặng, trùm khắp không nơi chốn. Cái biết rỗng lặng đó là tâm thể, là Phật thật của mình chứ không phải gì lạ. Nhận được như thế rồi, tu thuần thục mới có diệu dụng vô cùng, cho nên nói "chân không mà diệu hữu". Đi tới đó Phật mới có tam minh lục thông v.v... Còn chúng ta chưa tới đó mà đã hoảng muốn thối lui, làm sao được? Chỗ này hết sức quan trọng, người tu không biết rất dễ lầm lẫn.

So sánh để tìm thấy biết rộng. Thế nên người thấy biết như lông, người ngộ đạo như sừng. Sở học nhiều, hiểu biết rộng ví như con nai, lông thì nhiều nhưng sừng chỉ có hai thôi. Ở thế gian học để trở thành một người khôn mất chừng bao nhiêu năm? Học suốt đời suốt kiếp, đủ trăm ngàn muôn thứ, biết được phần này thì không biết phần khác, cho nên học càng rộng thấy biết càng nhiều, nhưng chỉ là lông. Như lông con nai, chúng ta đếm hết không? Không, vì quá nhiều nhưng lại không có giá trị, còn sừng nhìn thấy hai cái thôi, đơn giản và rất có giá trị.

Chánh văn:

Văn-thù xứng lý, Phổ Hiền xứng hạnh. Lý là lý chân không vô ngại. Hạnh là hạnh lìa tướng không cùng. Quan Âm xứng đại từ, Thế Chí xứng đại bi. Duy-ma là Tịnh Danh. Tịnh là tánh, danh là tướng. Tánh tướng không khác nên hiệu là Tịnh Danh. Các vị đại Bồ-tát tiêu biểu nơi người đều sẵn có, không rời một tâm, ngộ đó tức phải.

Giảng:

Ngài *Văn-thù xứng lý,* lý tức là trí, trí hợp với lý. *Phổ Hiền xứng hạnh,* hạnh đi đôi với nguyện, nên thường nói hạnh nguyện. Người lý, người hạnh. Ở đây ngài nói lý là lý gì? Là *lý chân không vô ngại,* vì trí tuệ chân thật đạt được lý chân không. Hạnh là hạnh gì? Là *hạnh lìa tướng không cùng,* tất cả tướng đều lìa, đó là hạnh. Chúng ta bây giờ nói trí nói hạnh lại khác. Trí biết nhiều nhưng biết toàn những thứ giả danh giả tướng, hạnh là làm tất cả việc nhưng chỉ là những việc không thật. Ở đây ngài trở về tâm, lý là chân không vô ngại, hạnh là lìa tướng không cùng.

Quan Âm xứng đại từ, Thế Chí xứng đại bi. Bồ-tát Quán Thế Âm xứng với hạnh đại từ, Bồ-tát Đại Thế Chí xứng với hạnh đại bi.

Duy-ma là Tịnh Danh. Tịnh là tánh, danh là tướng. Tánh tướng không khác nên hiệu là Tịnh Danh. Ngài Duy-ma-cật dịch theo nghĩa chữ Hán là Tịnh Danh. Tịnh là tịnh cái tánh, còn Danh là tướng. Danh tướng đều thanh tịnh, tánh tướng không khác nên hiệu là Tịnh Danh.

Nói tới Bồ-tát Văn-thù là nói lý chân không vô ngại nơi tâm chúng ta. Nói Bồ-tát Phổ Hiền là nói hạnh lìa tất cả chấp tướng, chấp bóng dáng nơi nội tâm của mình. Nói Bồ-tát Quan Âm là nói tới lòng đại từ nơi mỗi chúng ta. Nói Bồ-tát Thế Chí là nói hạnh đại bi của mình. Nói tới ngài Duy-ma-cật là nói tới Tịnh Danh, tức tánh tướng đều thanh tịnh. Như vậy tất cả Bồ-tát đều biểu trưng sẵn có nơi mỗi chúng ta.

Chúng ta thường được học Bồ-tát Văn-thù là căn bản trí, Bồ-tát Phổ Hiền là sai biệt trí. Căn bản trí là trí thấu suốt lý chân không vô ngại, sai biệt trí là trí lìa tất cả tướng không cùng. Vì có trăm ngàn thứ tướng sai biệt nên dùng sai biệt trí để dẹp. Tại sao ở đây nhắc đến ngài Văn-thù, Phổ Hiền trước rồi mới tới Quan Âm, Thế Chí? Vì đạt được lý chân không vô ngại, lìa các tướng vô cùng, chừng đó mới phát đại bi tâm, đại từ tâm là Quan Âm, Thế Chí.

Tuy nhiên, nhận được lý chân không vô ngại, còn phải đợi ngài Phổ Hiền. Ngài Phổ Hiền gạt hết tất cả niệm sanh diệt rồi mới tới chỗ vô tâm. Vô tâm, có người nghe một lần liền được, có người phải nhiều năm nhiều tháng, nhiều đời mới được. Chúng ta nhớ Lục tổ Huệ Năng khi ngộ rồi, từ đó về sau không cần ngồi thiền như mình nữa. Thấy chú nào ngồi thiền ngài lại nắm lỗ tai thổi. Tại sao vậy? Vì ngài đi đứng ngồi nằm đều vô tâm, ngồi chi cho thừa. Tổ Lâm Tế khi được vô tâm rồi, ngài nói không cần dụng công mà cũng không có một niệm.

Chúng ta bây giờ chưa được chỗ cứu cánh cho nên gỡ lần mấy chú vọng tưởng. Đầu tiên gỡ mấy chú xấu trước,

lần lần mấy chú tốt cũng lùa đi luôn. Chừng nào lùa hết tốt xấu mới thảnh thơi nhẹ nhàng. Đó là gốc của sự tu. Nếu không như vậy sự tu hành của chúng ta sẽ không đi tới đâu.

Hiện giờ chúng ta còn phàm phu, nếu giúp được ai thì dễ có bệnh gì? Giúp được người liền thấy mình có công ơn, nếu người không đề cao, không ca tụng, mình không vui. Được danh thì vui, không được danh thì buồn, vì chúng ta còn kẹt trên danh tướng. Người ngộ được lý chân không, thấu suốt tất cả pháp sanh diệt, bỏ hết thì tâm rỗng rang sáng suốt. Người ấy thấy chúng sanh mê muội kẹt trên hình tướng liền khởi tâm từ thương cứu giúp, thấy họ đi trong vòng danh lợi tử sanh, khởi tâm bi xót xa không nỡ bỏ, nên nguyện cứu vớt chúng sanh. Chúng ta bây giờ lo cứu những cái có hình có tướng, càng cứu lại càng sa lầy.

Làm việc thiện là tốt, nhưng làm trong danh trong tướng nên dễ mắc kẹt. Đã mắc kẹt thì nó dẫn chúng ta đi trong luân hồi sanh tử. Vì vậy, chúng ta có tâm đại từ tâm đại bi khi nào đạt được lý chân không vô ngại, khi nào hạnh lìa tướng không cùng, chừng đó mới là đại từ đại bi chân thật. Vì vậy đức Quan Âm, Thế Chí được nhắc sau Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền. Bồ-tát Văn-thù đi đầu vì nhận được tâm chân thật, sau mới lìa hết vọng niệm, lìa hết các tướng. Nếu không có trí tuệ dẫn đầu làm sao chúng ta lìa các tướng. Không nghĩ cái này thì nghĩ cái kia. Bởi vậy tu thiền khó nhất là buông bỏ, niệm nào cũng bỏ. Nếu không nhận được mình có tâm thể chân thật rỗng lặng thì không chắc gì mình bỏ trọn

vẹn, lìa trọn vẹn được, cho nên nói đốn ngộ tiệm tu là thế. Đốn ngộ là nhận được tâm thể của mình, rồi sau mới lìa bỏ vọng niệm. Vì vậy Bồ-tát Văn-thù đi trước, Bồ-tát Phổ Hiền đi sau. Được Văn-thù, Phổ Hiền nhập tâm rồi, sau mới tới hạnh của Bồ-tát Quan Thế Âm, Đại Thế Chí. Bốn vị Bồ-tát này có sẵn nơi mình hết. Hiểu như vậy mới thấy giá trị tu, mỗi vị Bồ-tát là mỗi hạnh có sẵn nơi mình.

Ngài kết luận: *Các vị đại Bồ-tát tiêu biểu nơi người đều sẵn có, không rời một tâm, ngộ đó tức phải.* Nhận ra được như thế tức là phải.

Chánh văn:

Nay người học đạo không hướng trong tâm mình mà ngộ, bèn ở ngoài tâm chấp tướng theo cảnh đều trái với đạo.

Giảng:

Ngài quở trách chúng ta học đạo mà không hướng vào trong tâm để ngộ, cứ chạy theo tướng bên ngoài, đó là trái đạo.

Chánh văn:

Cát sông Hằng, Phật nói là cát. Chư Phật Bồ-tát, Thích Phạm, chư thiên đạp giẫm đi qua, cát cũng chẳng mừng; trâu dê trùng kiến giày xéo lên trên, cát cũng chẳng giận. Trân bảo thơm tho, cát cũng chẳng tham; phẩn uế hôi thối, cát cũng chẳng ghét. Tâm này tức tâm mà không tâm, lìa tất cả tướng, chúng sanh chư Phật không có sai biệt, chỉ hay vô tâm liền là cứu cánh.

Giảng:

Có bài kinh đức Phật nói chúng ta tu hạnh nhẫn nhục cũng như cát vậy. Người giẫm đạp lên, trâu lừa ngựa đi qua, cát không la rầy. Giả sử có người đem trân bảo hay hoa thơm bỏ xuống, cát không mừng. Hoặc ai đó đem đồ hôi thối quăng trên mặt cát, cát cũng không buồn. Tâm thể giống như cát, bởi nó không niệm làm sao có mừng có giận. Người sống được với tâm đó thì cả ngày không buồn, không giận, không thương, không ghét. Ai mắng cũng không giận, ai khen cũng không mừng thì có ngu không? Thế gian nói kẻ đó là kẻ ngu, nhưng với đạo đó là bậc thánh. Vì không bị tâm sanh diệt lôi cuốn chạy theo thanh trần bên ngoài, nên thản nhiên tự tại. Tâm đó là tâm thể biết tất cả, mà không dấy niệm thương ghét giận hờn, nên đâu có vui buồn.

Tâm của chúng sanh luôn so sánh phân biệt, vừa có lời khen liền vui, có lời chê liền giận, được thì mừng, mất thì buồn v.v... cả ngày đổi thay vùn vụt, không dừng. Vui buồn thương ghét là nhân tạo nghiệp luân hồi sanh tử. Nếu không vui buồn thương ghét là nhân gì? Nhân giải thoát sanh tử. Cái không đi trong luân hồi sanh tử không phải Phật là gì?

Tâm này tức tâm mà không tâm, lìa tất cả tướng, chúng sanh chư Phật không có sai biệt, chỉ hay vô tâm liền là cứu cánh. Ở đây bảo vô tâm là vô tâm nào? Vô tâm là vô cái tâm sanh diệt, còn tâm bất sanh vẫn hiện tiền. Chỉ vô cái tâm sanh diệt, thì tâm chân thật hiển hiện.

Chánh văn:

Người học đạo nếu không thể thẳng đó vô tâm thì nhiều kiếp tu hành trọn không thành đạo, bị công hạnh tam thừa ràng buộc, không thể được giải thoát.

Giảng:

Nếu người học đạo không thể thẳng đó vô tâm, dù nhiều kiếp tu hành trọn không thành đạo. Bởi vì vô tâm mới được chỗ chân thật. Chân thật là gì? Là chân không vô ngại, đó mới là gốc thành Phật. Nếu chúng ta còn có một hình một tướng trạng nào đều là bị ràng buộc, không thể giải thoát.

Người tu trải qua nhiều bậc và người ngay một đời này nhận ra, chỗ vô tâm như nhau. Quý vị hay so sánh người ở chùa hai chục năm, với người mới vào đạo một năm, nếu cả hai đều được vô tâm thì cho là người hai chục năm cao hơn người một năm. Thật ra chỗ được đó không khác, trừ công tạo lập, gầy dựng, đạo đức mới khác. Nói như vậy để chúng ta biết rằng tới chỗ vô tâm, dù người tu nhiều năm hay người chỉ tu một thời gian ngắn mà đến được đó đều như nhau.

Chánh văn:

Nhưng, chứng tâm này có nhanh chậm. Có người nghe pháp một niệm liền được vô tâm. Có người đến Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng mới được vô tâm. Dài hay ngắn được vô tâm mới trụ, lại không có thể tu, không có thể chứng,

thật không sở đắc, chân thật không dối. Người chỉ một niệm mà được, cùng người đến Thập địa mới được, công dụng tương đương, không có sâu cạn, chỉ là nhiều kiếp luống chịu khổ nhọc vậy.

Giảng:

Nói người chứng được chân tâm có nhanh chậm. Có người nghe pháp một niệm liền được vô tâm. Có người tu đến Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa mới được vô tâm. Tại sao thứ bậc khác nhau như vậy? Bởi vì nếu ngay đó trực nhận được bản tâm thì mạnh mẽ buông hết vọng niệm, chỉ còn một tâm hiện tiền, đó là nhanh. Nếu tu từ từ, mỗi ngày giảm một chút, lâu ngày bước lên từng cấp bậc, đó là chậm. Hai lối đi đến chỗ ngộ khác nhau vì tâm mạnh yếu của mỗi người, nên nói *dài hay ngắn được vô tâm mới trụ*.

Lại không có thể tu, không có thể chứng, không sở đắc, chân thật không dối. Nói không có thể tu, không có thể chứng, không sở đắc, chân thật không dối, đó là lẽ thật. Nghe đến đây có ai vui không? Tu mà không tu, không chứng, không đắc. Không tu không chứng không đắc thì làm gì đây? Nếu bỏ một thời khóa liền bị rầy, như vậy quý thầy bắt tu hay không tu? Bắt tu. Tại sao ở đây nói không tu? Quý thầy còn khuyên Phật tử cố gắng tu để chứng thành Phật quả là có chứng, tại sao ở đây nói không chứng? Nếu tu nhận được bản tâm là trụ là đắc, sao nói vô trụ vô đắc?

Chúng ta quen quan niệm chữ Tu nghĩa là sửa, là chừa bỏ. Những gì xấu chúng ta sửa lại thành tốt,

cái gì hư chúng ta bỏ không dùng nữa. Như vậy chừa bỏ cái xấu để tiến lên cái hay cái tốt, đó là tu. Tâm thể chân thật đâu có hư xấu mà sửa bỏ, chẳng qua chúng ta quên nó nên bây giờ chịu khó nhận nó. Nhận ra, nhớ lại đừng quên là được rồi, không nói tu gì cả. Nhưng bây giờ chúng ta lận đận lao đao trên đường tu là vì sao? Vì quên tâm chân thật, cả ngày chạy theo mấy chú vọng tưởng thành ra lao đao lận đận. Bảo tu là đừng chạy theo vọng tưởng nữa, chứ đâu phải tu cái chân thật sẵn có. Như vậy trên mặt chân thật không có tu, mà tu là sửa lại đừng chạy theo vọng tưởng điên đảo thôi. Không chạy theo vọng tưởng điên đảo là dừng lại, chứ có tu sửa gì đâu.

Như sân là một nghiệp ai cũng sợ. Nhiều vị tu năm năm, mười năm vẫn còn ngán cái sân. Lâu lâu bị thiên hạ kích động trái ý thì mặt mày đỏ hừng lên, miệng nói bậy nói bạ. Như vậy đáng sợ không? Nhưng qua cơn điên khùng rồi, ngồi lặng lại tìm xem cái sân hồi nãy ở đâu, tìm không ra. Nếu nó thật thì khi lặng xuống phải có chỗ ẩn núp, nhưng tìm lại không có. Khi dấy động thì rối loạn lung tung, khi lặng xuống không còn dấu vết, cái đó thật hay giả? Giả, vậy mà lâu nay chúng ta vì khùng điên chạy theo nó. Khùng điên vì không có nền tảng trí tuệ. Người ta không trí tuệ nên nói bậy, mình cũng không trí tuệ mới chạy theo cái bậy ấy. Từ đó sanh ra đủ thứ hỗn loạn, đủ thứ đau khổ. Chúng ta tu là đừng lầm đừng mê những lời điên khùng. Nghe việc gì cũng cười thì có chuyện gì xảy ra. Nhưng nghe trái tai chịu không nổi liền sanh đủ thứ chuyện.

Một người điên cộng thêm hai người điên, rốt cuộc cả chùm điên hết thì khổ, rồi kêu Ta-bà khổ. Ta-bà khổ tại chỗ nào?

Nếu ngồi yên lặng nhìn lại sẽ thấy rõ ràng, tất cả chúng ta sống trong điên đảo, nên Bát-nhã gọi là *vọng tưởng điên đảo*. Cái tưởng điên đảo mà cứ chạy theo nó, vì vậy cả đời điên đảo. Điên đảo từ bé đến già đến chết, cho nên lộn lên lộn xuống làm người làm vật đủ thứ. Bây giờ mỗi lần vọng tưởng dấy lên, biết nó vọng không theo thì hết điên đảo. Hết điên đảo mới nhớ cái thật của chính mình, như thế tạm gọi là tu, chứ sự thật có gì để tu.

Nói tu là chúng ta đừng chạy theo suy nghĩ lăng xăng, sống thật với cái sẵn có của mình. Không có gì để tu thì có gì để chứng không? Không có cái tu làm sao có cái chứng. Không có cái chứng nên cũng không có đắc. Do vậy ở đây nói *không có thể tu, không có thể chứng, thật không có sở đắc*. Không tu, không chứng, không đắc nhưng nhà thiền dạy thường tỉnh, đừng mê, đừng quên. Vọng tưởng lên biết vọng tưởng không theo thì sống lại cái thật của mình. Đó là tỉnh và nhớ lại gốc nơi mỗi chúng ta. Người tu phải khéo nhận cho chín chắn, hiểu thật tường tận thì sự tu hành không khó lắm.

Ở đây nói *chỉ là nhiều kiếp luống chịu khổ nhọc vậy*. Tại sao? Vì chúng ta không nhận ra cái thật, cứ chạy theo thứ lớp cấp bậc hình thức thành ra nhiều thứ nhọc.

Chánh văn:

Tạo ác tạo thiện đều là chấp tướng. Chấp tướng tạo ác luống chịu luân hồi; chấp tướng tạo thiện luống chịu nhọc nhằn, thảy đều không bằng một câu nói tự nhận được bản pháp. Pháp này tức là tâm, ngoài tâm không có pháp. Tâm này tức là pháp, ngoài pháp không có tâm. Tâm tự vô tâm, cũng không vô tâm, đem tâm cầu vô tâm, tâm trở lại thành hữu (có). Thầm khế hội mà thôi. Dứt các nghĩ bàn, nên nói dứt đường ngôn ngữ, diệt chỗ tâm hành. Tâm này là cội nguồn thanh tịnh. Phật và người đều có. Các loài bò bay máy cựa cùng chư Phật Bồ-tát một thể không khác. Chỉ vì vọng tưởng phân biệt tạo các thứ nghiệp. Trên quả Phật sẵn có, thật không một vật, rỗng suốt vắng lặng sáng sủa, nhiệm mầu an lạc. Phải sâu tự ngộ nhập, thẳng đó là phải, tròn đầy sẵn đủ không có thiếu sót.

Giảng:

Ngài nói *Tạo ác tạo thiện đều là chấp tướng.* Câu này bị người ta phản đối lắm. Tạo ác là chấp tướng, tại sao tạo thiện cũng chấp tướng? Vậy không cho làm thiện sao? Thật ra với cái nhìn đối đãi, tạo ác là tội lỗi, tạo thiện là phước lành. Tạo ác bị luân hồi ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Tạo thiện bị luân hồi ở cõi người, a-tu-la, trời. Cả hai đứng về mặt luân hồi đều như nhau, chỉ khác luân hồi ở chỗ khổ và luân hồi ở chỗ ít khổ hơn.

Ví dụ được sanh về cõi trời như trời Đế-thích, lâu lâu cũng hết phước. Khi hết phước năm tướng suy hiện,

lúc đó khổ hay vui? Cũng khổ như thường. Như vậy tất cả khổ vui trong vòng luân hồi tuy có khác nhưng gốc vẫn là luân hồi. Vì vậy ở đây nói *tạo ác tạo thiện đều là chấp tướng,* một bên bị tướng luân hồi trong tam ác đạo, một bên được tướng luân hồi trong tam thiện đạo. Nên nói *làm thiện thì luống chịu nhọc nhằn* vì còn phải lên xuống trong các đường, *không bằng một câu nói tự nhận bản pháp, pháp này tức là tâm.*

Ngày nay thiên hạ chịu tạo thiện để đời sau sung sướng hơn đời này. Nói đời sau nhập Niết-bàn thấy xa vời quá, chỉ muốn sướng hơn đời này một chút là vui rồi. Hoặc nói mất không có đời sau thì buồn chết. Do đó người đời thích làm thiện, không thích tu giải thoát sanh tử. Vì vậy khuyến khích làm lành người ta dễ chấp nhận, còn bảo tu cho thoát khỏi sanh tử, người ta không biết sẽ ra sao nên không nghe theo.

Ở đây các Tổ dạy muốn ra khỏi sanh tử phải nhận được bản pháp. Pháp tức là bản tâm của mình. Khi tâm khởi nghĩ xấu đó là tạo nghiệp ác, nghĩ lành là tạo nghiệp thiện. Người mới tập tu phải bỏ nghĩ ác, nuôi nghĩ lành. Tuy nhiên nghĩ ác sanh ba đường dữ, nghĩ lành sanh ba đường thiện thì cũng là sanh. Còn có nghĩ là còn tạo nghiệp, chừng nào tâm không còn nghĩ hai bên, lúc đó ta vẫn biết mà không có niệm, đó chính là tâm chân thật. Không có niệm thì không có nghiệp, không có nghiệp thì thoát ly sanh tử. Cho nên muốn ra khỏi vòng sanh tử phải dứt cả hai bên. Cái nghĩ hai bên đều buông xả hết, rốt cuộc còn một tâm thể thanh tịnh hằng tri hằng giác, không bị sanh tử. Không bị sanh tử

thì nó có hay không? Không phải có, không phải không. Tại sao? Vì còn thấy có thấy không cũng là hai bên.

Khi hai niệm thiện ác không nghĩ thì còn cái biết không? Biết rõ ràng là còn tâm, chứ đâu phải không tâm. Tâm ấy không bị nghiệp dẫn nên nói giải thoát. Điều này hết sức cụ thể, không phải chuyện mơ màng thiếu thực tế. Chúng ta không chịu nghiệm xét, cứ chạy theo nghĩ ác nghĩ thiện, như vậy mà tạo nghiệp luân hồi. Lục Tổ nói hết sức thẳng: "Không nghĩ thiện không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?" Câu này ngài đã chỉ trắng ra, không còn một chút gì giấu giếm. Dứt cả nghĩ thiện nghĩ ác thì hiện hữu bản lai diện mục của mình, thoát ly sanh tử.

Như người tu theo hạnh Thanh văn chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Tới A-la-hán rồi tiến lên Diệt tận định, không còn niệm thiện ác. Vì Diệt tận định thì đâu còn niệm thiện niệm ác. Rõ ràng không có vị A-la-hán nào còn niệm. Diệt tận định là định không còn một chút tăm dạng niệm khởi, như vậy mới tới vô sanh nhập Niết-bàn. Ngay đây nếu chúng ta không còn hai niệm thiện ác thì dù chưa nhập Niết-bàn nhưng cũng như ở Niết-bàn. Quý vị chịu ở Niết-bàn không? Ai cũng mơ ước được giải thoát nhập Niết-bàn, trong khi Niết-bàn ngay trước mắt không chịu nhận.

Ở đây chỉ thẳng: tâm sanh diệt tạo nghiệp luân hồi, tâm không sanh diệt đi đến Niết-bàn. Ai có gan không thèm nghĩ thiện nghĩ ác thì gần Niết-bàn rồi, khỏi cần nhập Diệt tận định. Chúng ta hiểu cho tường tận

mới thấy đường lối của Phật tổ dạy, tuy khác nhau từ cấp bậc, nhưng chỗ cứu cánh vẫn gặp nhau, không thể khác được. Nên nói *Tâm này tức là pháp, ngoài pháp không có tâm.* Thường thường nhà Phật hay dùng từ "pháp" để chỉ muôn sự muôn vật, mà cũng dùng từ "pháp" để chỉ cho chánh pháp của Phật dạy. Tất cả pháp đều từ tâm này mà ra nên biết tâm này tức là pháp, ngoài pháp không có tâm.

Tâm tự vô tâm, cũng không vô tâm, đem tâm cầu vô tâm, tâm trở lại thành có. Tâm này tự vô tâm. Tại sao? Vì đứng trên hai mặt, niệm hữu niệm vô hay niệm thiện niệm ác, người ta nói có tâm. Hết những niệm đó thì tâm mà vô tâm. Tâm là sao? Vì không có niệm mà vẫn biết, vẫn tri giác đó là tâm. Vô tâm là sao? Vì không có niệm thiện niệm ác đó là vô tâm. Vô tâm mà không phải không ngơ, vô tâm tạo nghiệp nhưng tâm chân thật vẫn hiện tiền. Vì vậy nói *tâm tự vô tâm.*

Cũng không vô tâm là sao? Bởi vì tâm hằng tri giác làm sao vô được. *Đem tâm cầu vô tâm, tâm trở lại thành có,* nếu khởi tâm để tìm tâm chân thật, tâm ấy trở thành có rồi. Chỗ tâm này là tâm mà vô tâm. Tại sao? Vì hằng biết mà không nghĩ thiện không nghĩ ác, không nghĩ phải không nghĩ quấy v.v... đó là vô tâm. Vô tâm tức là tâm. Tại sao? Vì vô tâm sanh tử hay vô tâm tạo nghiệp, mà còn tâm chân thật. Cho nên vô tâm mà vẫn là tâm, không phải vô tâm là không có gì hết.

Tâm dấy niệm tìm thuộc về dấy động, lấy dấy động tìm tâm chân thật, làm sao tìm được. Cho nên nói

nếu dùng tâm tìm tâm, tâm trở lại thành hữu, nghĩa là tâm bị tìm trở thành có. Trong mười mục chăn trâu, ban đầu còn trâu còn chăn, cuối cùng trâu mất chăn cũng không còn. Nếu còn một thằng chăn hay còn con trâu cũng chưa tới chỗ cứu cánh, phải cả hai đều mất mới đi tới chỗ viên mãn. Vì vậy nói tâm này chỉ *thầm khế hội,* thầm nhận thầm biết, chứ không tìm kiếm.

Dứt các nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn tới chỗ đó, *nên dứt đường ngôn ngữ,* chỗ ấy không nói năng gì được, *diệt chỗ tâm hành,* dứt tâm theo đuổi tìm kiếm. Câu *nên dứt đường ngôn ngữ, diệt chỗ tâm hành* là chỉ cho muốn đến nơi chân thật thì không còn ngôn ngữ, không còn tâm hành. Thiền sư Đả Địa khi có người hỏi "thế nào Phật", ngài chỉ cầm gậy đập dưới đất một cái, hỏi "thế nào pháp" cũng đập một cái, không trả lời gì hết. Tại sao? Vì Phật và pháp là chỗ không có ngôn ngữ, vừa có ngôn ngữ liền trật rồi. Ngài chỉ thẳng nhưng chúng ta không biết nên không nhận ra yếu chỉ của Thiền sư.

Ngài Lâm Tế tới hỏi tổ Hoàng Bá "thế nào là đại ý Phật pháp", ngài Hoàng Bá không nói mà chỉ đập thôi. Bởi vì đây là chỗ ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt, bây giờ phải trả lời làm sao! Trả lời là có ngôn ngữ, thành ra Tổ cầm gậy đập. Như vậy thấy tàn nhẫn quá. Hỏi một câu có nghĩa có lý đàng hoàng, không chỉ lại đánh. Khi Lâm Tế tới ngài Đại Ngu, ngài bảo: "Hoàng Bá thật là tâm lão bà vì ông mà chỉ chỗ tột cùng, ông còn nghĩ có lỗi không lỗi." Bởi chỉ chỗ tột cùng nên không thể mở miệng, không cho hành giả suy nghĩ. Có nói là có suy nghĩ, vì vậy ngài chỉ đánh, đó là tâm lão bà.

Bây giờ tôi cũng đánh, không nói gì hết, quý vị chịu không? Chắc ít tháng xách gói đi hết. Tâm lão bà không đúng chỗ thiên hạ cũng không chịu nổi. Chỉ người đến nơi rồi mới thấy được tâm lão bà, còn chưa đến thì thấy tàn nhẫn. Chúng ta nhìn hành động ấy cũng thật bất bình, cho nên Lâm Tế khóc là phải. Tức quá mà, hỏi có ý nghĩa đàng hoàng không dạy không trả lời, còn đánh nữa. Đâu phải đánh một lần, ba lần đều như vậy, không tức sao được. Chính chỗ dồn ép đó, sau này ngài Lâm Tế ngộ được mới truyền bá hơn ngàn năm. Đó là thủ thuật đại tài của những bậc đại thiền sư, chúng ta bây giờ chỉ là tiểu thiền sư nên không dám dùng thủ thuật ấy.

Tâm này là cội nguồn thanh tịnh. Khi không nghĩ thiện, không nghĩ ác, không nghĩ phải, không nghĩ quấy mà thường biết thì cái biết đó thanh tịnh không? Thanh tịnh. Cái biết thanh tịnh này có người nào thiếu không? Nếu không, tại sao không dám nhận, phải chờ nhắc tới nhắc lui! Tại vì quên. Bây giờ nhờ thiện hữu tri thức nhắc nhở mới nhớ, mỗi lần nhắc tin thêm một chút, nhận ra một chút, lâu ngày thấm dần, chừng đó mới nhận toàn diện. Vì vậy phải chịu cực.

Phật và người đều có, chư Phật có tâm đó, chúng ta cũng có tâm đó, cho đến loài bò bay máy cựa cùng Bồ-tát đều có tâm ấy. Tại sao? Vì các loài đều có tánh biết.

Chỉ vì vọng tưởng phân biệt tạo các thứ nghiệp, chúng ta còn vọng tưởng nên còn tạo nghiệp, lên hay xuống thì tùy mỗi người. Muốn hết nghiệp phải hết

vọng tưởng. Nếu hết vọng tưởng lúc đó chúng ta khùng hay sáng suốt? Không vọng tưởng biết nấu cơm ăn không? Cũng biết vo gạo, biết lặt rau vậy. Đợi vọng tưởng mới biết thì làm sao? Khi tất cả chúng ta đều hết vọng tưởng thì Thiền viện trở thành Cực lạc rồi, không cần ai nhắc ai, ai rầy ai, cứ tự do làm việc theo tâm thanh tịnh bản nhiên thôi, không chuyện gì hết. Còn bây giờ phải nghe rầy tới rầy lui, nhắc qua nhắc lại là tại mỗi người đều khởi vọng tưởng, thi thố vọng tưởng của mình. Người này vừa vọng tưởng liền muốn thi thố ra, người khác cũng thi thố đối lại, riết thành cả đám cãi nhau hoài. Cãi là gốc từ vọng tưởng, không có cái nào ngoài vọng tưởng hết. Nếu tất cả tăng ni sống mà không vọng tưởng thì có chuyện gì phải cãi phải rầy nữa. Thật nhẹ nhàng biết mấy! Nên con đường thành Phật không phải xa, xa là chỉ vì vọng tưởng mà ra.

Trên Phật quả sẵn có, thật không một vật, rỗng suốt vắng lặng sáng sủa, nhiệm mầu an lạc. Trên quả Phật sẵn có là sẵn có cái gì? Không một vật gì hết, bản lai vô nhất vật, rỗng suốt vắng lặng, nhiệm mầu an lạc. Bây giờ vị nào thử trong một ngày không vọng tưởng, từ sớm tới chiều ở Thiền đường ra ngoài làm công tác, đừng có một chút vọng tưởng, người đó có thể sống được với cái sáng suốt rỗng lặng của mình không? Nghe nói sáng suốt rỗng lặng, thiên hạ tưởng tới đó bế tắc, không hiểu biết, nhưng không ngờ đến đó mới được nhiệm mầu an lạc. Cho nên đức Phật nhập định sâu, sau đó mới chứng tam minh lục thông. Từ chân không mới có diệu hữu. Chân không là chỗ không tất cả vật,

không tất cả nghiệp, rỗng suốt vắng lặng, đến đây rồi mới có tam minh lục thông tức là diệu hữu.

Phải sâu tự ngộ nhập, thẳng đó là phải, tròn đầy sẵn đủ không có thiếu sót. Tất cả chúng ta ai cũng đủ cũng sẵn có tâm Phật, tất nhiên ai cũng có quyền làm Phật. Cho nên Bồ-tát Thường Bất Khinh gặp ai cũng bái, nói: "Tôi không dám khinh các ngài, vì các ngài đều sẽ thành Phật." Đó là lời Bồ-tát nhắc khéo, chúng ta có đủ khả năng thành Phật mà quên nên phải nhắc. Nhiều người nghĩ ngài nói câu đó với tư cách khiêm nhường, nhưng sự thật đó là bài pháp ngắn, đánh thức khả năng thành Phật nơi mỗi người, để chúng ta vững niềm tin tiến tu, chứ không phải câu nói khiêm nhường.

Học tới đây chúng ta đã biết vì sao mình đi trong luân hồi, làm sao để ra khỏi sanh tử. Như vậy có cần coi bói xem mình được giải thoát không? Chính thầy bói cũng luân hồi sanh tử, làm sao coi được. Phải tự thấy mình tường tận, nếu đang tạo nghiệp trong sanh tử thì sẽ đi đường sanh tử. Nếu nuôi dưỡng toàn những niệm xấu thì sẽ đi trong ba đường địa ngục ngạ quỷ, súc sanh. Nếu thuần niệm thiện, thương người này giúp kẻ kia, thì biết mình sẽ đi trong ba đường lành. Còn cả ngày từ sớm tới chiều như ngây như ngu, tâm thanh tịnh không một niệm nào dấy khởi là biết ngang đây dứt đường sanh tử. Rõ ràng như vậy khỏi cần hỏi, khỏi cần cầu xin ai hết. Chúng ta đủ thẩm quyền để chọn lối đi. Lối thứ nhất xuống ba đường dữ, lối thứ nhì sanh ba đường lành, lối thứ ba ra khỏi sanh tử. Mỗi vị tự chọn lấy, không ai chọn thế được.

Vì vậy các thiền sư nói tới nói lui, nói qua nói lại đều bảo đừng dính hai bên. Vì đó là gốc của luân hồi sanh tử. Chừng nào hai bên lặng, dù chúng ta ra vườn nhổ cỏ mà cũng là đang ở trong đại định. Lục Tổ dạy đại định là làm tất cả việc mà không có niệm dính hai bên. Trong đại định có tuệ, vì không dấy động là định, mà hằng tri hằng giác là tuệ. Đây gọi là định tuệ không hai. Còn định trước rồi lần lần sanh tuệ, không gọi là đại định. Đó là chỗ thâm sâu mà người học đạo cần phải biết cho rõ, mới thông cảm được với người xưa.

Chánh văn:

Giả sử người tinh tấn tu hành trải qua ba vô số kiếp, qua các địa vị, cùng người do một niệm chứng được, chỉ là chứng cái sẵn có. Kỳ thật, trên Phật của mình không thêm được một vật gì, xem lại công dụng nhiều kiếp thảy đều là việc làm trong mộng. Cho nên Như Lai nói: "Ta đối với A-nậu-bồ-đề (Vô thượng chánh giác) thật không có sở đắc, nếu có sở đắc, đức Phật Nhiên Đăng ắt không thọ ký cho ta." Lại nói: "Pháp ấy bình đẳng không có cao thấp, ấy gọi là Bồ-đề."

Giảng:

Nếu tu hành theo kinh dạy thì phải trải qua ba vô số kiếp mới được thành Phật. Ở đây nói *trải qua ba vô số kiếp,* qua các địa vị Thập tín, Thập trụ v.v... *cùng người do một niệm chứng được, chỉ là chứng cái sẵn có* của mình, *kỳ thật trên Phật của mình không thêm một vật gì.* Chừng đó mới thấy công phu tu hành qua ba vô số kiếp, *thảy đều là việc trong mộng.* Bởi vì tu khổ hạnh

thế này, làm lợi ích cho chúng sanh thế kia, nhưng tất cả đều là sanh diệt. Vì vậy dẫn kinh nói: *Ta đối với A-nậu-bồ-đề thật không có sở đắc, nếu có sở đắc, đức Phật Nhiên Đăng ắt không thọ ký cho ta.* Bởi vì chân thật là cái sẵn có của mình, có thêm bớt gì đâu mà sở đắc. Nếu còn sở đắc là còn kẹt hình tướng, kẹt thứ bậc, Phật đâu thọ ký cho người kẹt chấp. Chừng nào chúng ta nhận chân được chỗ chân thật cứu cánh, Phật mới thọ ký.

Lại nói: "Pháp ấy bình đẳng không có cao thấp, ấy gọi là Bồ-đề." Bởi vì trên tâm thể chân thật, Phật và chúng sanh không khác nên nói bình đẳng, ấy gọi là Bồ-đề.

Chánh văn:

Tức tâm bản nguyên thanh tịnh này, chúng sanh, chư Phật, núi sông, thế giới, có tướng, không tướng, khắp cả mười phương thế giới, tất cả đều bình đẳng không có tướng ta và kia.

Giảng:

Khi nhận được tâm bản nguyên thanh tịnh rồi, chừng đó chúng ta thấy chúng sanh, Phật cho tới tất cả muôn pháp ở thế gian đều không hai.

Chánh văn:

Tâm bản nguyên thanh tịnh này thường tự tròn sáng soi khắp, mà người đời không ngộ, chỉ nhìn cái thấy nghe hiểu biết làm tâm, bị cái thấy nghe hiểu biết che đậy, cho nên không thấy được bản thể tinh minh.

Giảng:

Chúng ta có tâm bản nguyên thanh tịnh tự tròn sáng soi khắp hết, mà không nhận không ngộ được nó, *chỉ nhận cái thấy nghe hiểu biết làm tâm.* Vì vậy *bị cái thấy nghe hiểu biết che đậy, nên không thấy được bản thể tinh minh.* Bản thể tinh minh là cái trong sáng của chính mình. Chỗ này không khéo quý vị sẽ nhận lầm rằng tất cả cái thấy nghe hiểu biết không ảnh hưởng gì với bản thể tinh minh, vì ngài nói chỉ nhìn cái thấy nghe hiểu biết làm tâm. Nhưng nhớ, thấy nghe hiểu biết tức là *kiến văn giác tri,* nó là giặc mà nó cũng là tâm mình. Đoạn dưới sẽ nói rõ.

Chánh văn:

Chỉ nên thẳng đó vô tâm thì bản thể tự hiện. Như vầng mặt trời lên trên hư không soi sáng khắp mười phương không có chướng ngại. Người học đạo chỉ nhận cái thấy nghe hiểu biết động tác thi vi, không dẹp cái thấy nghe hiểu biết tức là con đường tâm bặt dứt không lối vào. Chỉ nơi cái thấy nghe hiểu biết nhận bản tâm. Song bản tâm không thuộc cái thấy nghe hiểu biết, cũng không rời cái thấy nghe hiểu biết.

Giảng:

Nói đi nói lại, sở dĩ chúng ta lầm là vì quen cái thấy nghe hiểu biết là tội, mà không nhận ra cái thấy nghe hiểu biết cũng là công. Như vậy thấy nghe hiểu biết thế nào là tội, thấy nghe hiểu biết thế nào là công?

Thấy bình hoa rồi khởi nghĩ bình hoa đẹp xấu đó là tội. Thấy bình hoa biết mình có cái hay thấy đó là công. Tội hay công đều do nơi mình. Nghe nói nhận cái thấy nghe hiểu biết rồi bị nó che đậy nên bịt mắt, bịt tai...; hiểu như vậy là lầm.

Đây nói *chỉ nên thẳng đó vô tâm thì bản thể tự hiện,* thẳng đó vô tâm tức là đối với tất cả sự việc xảy ra chung quanh, ngay đó chúng ta vô tâm. Được vô tâm thì *như vầng mặt trời lên trên hư không, soi sáng khắp mười phương không có chướng ngại.* Ngược lại, nếu có tâm thì như nhìn lên bầu trời thấy áng mây, chiếc máy bay hay cánh chim..., lúc đó ta chú ý vào áng mây, máy bay, cánh chim... nên quên mất bầu trời thênh thang. Tâm mình cũng vậy, tự nó thênh thang, nhưng vừa dấy niệm, chạy theo niệm thì lặng mất tâm thênh thang.

Chúng ta thường cho cái nghĩ của mình đúng, rồi phê phán đủ chuyện. Cả ngày làm việc không công mà siêng lắm, hết chuyện này tới chuyện kia, thấy người này phê bình, thấy người kia phê bình, đủ thứ. Chuyện họ mặc họ, mình có cái thật đây mà không nhớ. Tu đòi thành Phật, mà Phật ngay đây không nhớ, cứ nhớ hết chúng sanh này tới chúng sanh khác, cả ngày như vậy. Ông Phật ngồi trên bàn chắc cười hoài: mấy chú lạy tôi, muốn thành Phật như tôi, mà cứ chạy theo chúng sanh hoài thì chừng nào thành Phật? Rõ ràng chúng ta quá sức dại khờ.

Như người ta đi ngoài đường thì kệ người ta, mắc mớ gì mình mà suy ngẫm xem tâm tư người đó thế nào,

như vậy chắc gì đúng. Vậy mà cũng bám vào suy ngẫm, có phải dại khờ không? Hoặc ai vô tình hay cố ý nói gì đó, thì thôi cho qua đi, tội gì phải suy nghĩ câu ấy khen hay chê cho cực. Chúng ta có bệnh cái gì cũng ôm vô hết, rồi than khổ than mất ăn mất ngủ. Chuyện ở đâu cũng cứ ôm vô làm sao ngủ được. Người tu phải sáng suốt khôn ngoan, việc gì đáng thì làm, không đáng thì bỏ qua, đừng bận rộn, đừng phiền hà, đừng can thiệp chuyện của người ta. Thấy huynh đệ đi chơi hơi lững thững, vô mách quý thầy lớn ông đó vầy kia. Như vậy là can thiệp chuyện của người ta rồi, mình tôn trọng tự do của mình, sao không tôn trọng tự do của người ta. Thấy người cắm đầu làm việc không nói năng gì hết, liền can thiệp vô "người đó làm việc buồn quá, không nói câu nào hết, thật là con người khó hiểu". Người nói nhiều thì can thiệp theo nói nhiều, người không nói thì can thiệp theo không nói, cả ngày cứ can thiệp chuyện người ta. Chuyện của mình đang rối nùi nè, bảo bỏ đi đừng nghĩ nữa mà không nghe, cứ can thiệp chuyện người ta, rồi sanh phiền não đủ thứ. Đó là bệnh chung của chúng sanh, ai cũng mắc phải hết. Tu là gỡ bỏ những điên đảo vô ích như vậy.

Người tu chỉ một việc là phải nhớ ông Phật thanh tịnh của mình, còn tất cả niệm tạo nghiệp hãy buông đi. Tu là cốt thành Phật, cả ngày giữ cho thanh tịnh trọn vẹn thì phước đức biết mấy, tu mau thành Phật biết mấy. Chúng ta nhớ câu kệ của ngài Trần Nhân Tông nói "đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền". Đối cảnh là mắt

tai mũi lưỡi thân ý đều tiếp xúc với cảnh mà không có niệm phân biệt chạy theo, đó là vô tâm, đó là Thiền, là đại định. Hiện tại quý vị ngồi một chỗ ngó xuống mà còn nhớ chuyện này chuyện nọ, như vậy vô tâm chưa? Ngồi yên ngó xuống mà còn chưa vô tâm, chứ đừng nói đối cảnh. Bởi vậy chúng ta thấy thật xấu hổ, mình chưa xứng đáng là đệ tử của Tổ sư.

Tăng ni ngồi thiền mà không vô tâm là giết chết thời giờ vô ích. Khi ngồi thiền không cho phép suy nghĩ mà cũng cứ nghĩ, như vậy không phải giết chết thời giờ là gì? Cho nên chúng ta tu phải sáng suốt, quý báu thời giờ của mình, đừng để hoang phí một cách vô ích. Trong kinh Lăng-nghiêm, ngài A-nan hỏi Phật về căn bản phiền não và căn bản Bồ-đề Niết-bàn, bấy giờ mười phương chư Phật dị khẩu đồng âm, phát ra câu nói: "Này A-nan! Căn bản phiền não là sáu căn của ông, mà căn bản Bồ-đề Niết-bàn cũng là sáu căn của ông." Như vậy sáu căn là công mà sáu căn cũng là tội. Chúng ta phải dùng sáu căn thế nào cho nó thành căn bản Bồ-đề Niết-bàn, đừng dùng theo căn bản phiền não luân hồi sanh tử.

Chánh văn:

Cốt yếu là chớ ở trên cái thấy nghe hiểu biết khởi phân biệt, cũng chớ ở trên cái thấy nghe hiểu biết mà động niệm, cũng chớ lìa thấy nghe hiểu biết mà tìm tâm, cũng chớ bỏ cái thấy nghe hiểu biết mà nhận pháp. Không tức, không ly, không trụ, không trước, tung hoành tự tại đều là đạo tràng.

Giảng:

Chỗ này nói hết sức rõ. *Cốt yếu là chớ ở trên cái thấy nghe hiểu biết khởi phân biệt,* vì như vậy là bệnh. Thấy nghe hiểu biết cứ thấy nghe hiểu biết thôi, đó là Thiền, là trở về bản tâm. *Cũng chớ ở trên cái thấy nghe hiểu biết mà động niệm,* phân biệt là động niệm. Nên biết lỗi ở cái thấy nghe hiểu biết liền khởi phân biệt, khởi động niệm. *Cũng chớ lìa thấy nghe hiểu biết mà tìm tâm, cũng chớ bỏ cái thấy nghe hiểu biết mà nhận pháp,* chính cái thấy nghe hiểu biết là dụng của tâm, nên không thể lìa nó tìm tâm. Phật nói: "Nhất tinh minh sanh lục hòa hợp." Lục hòa hợp là sáu căn. Từ một nhất tinh minh khởi ra sáu hòa hợp, thì sáu hòa hợp là dụng của nhất tinh minh. Nhất tinh minh là thể. Thấy nghe hiểu biết là dụng của nhất tinh minh, nó từ thể mà ra, bỏ dụng tìm thể làm sao được.

Ví dụ ban đêm cái nhà có sáu cửa mở hoác, ở trong đốt đèn, ánh sáng phát ra nơi sáu cửa là ánh sáng của ngọn đèn. Nếu nhìn ánh sáng nơi cửa sổ thì ánh sáng vuông, cửa cái thì ánh sáng dài v.v... Nhìn qua cửa thì thấy khuôn thế này thế nọ, nhưng ánh sáng một hay nhiều? Dáng phát ra sai biệt là vì cửa lớn nhỏ khác nhau, chứ ánh sáng không hai. Muốn biết có đèn đang thắp sáng trong nhà thì phải từ ánh sáng ở cửa phát ra. Cũng vậy, muốn nhận được tâm thể thanh tịnh sẵn có của mình, phải nhờ sáu căn. Từ sáu căn có tánh biết mới nhận ra mình có tâm thể tròn đầy. Cho nên tu muốn được Bồ-đề Niết-bàn gốc từ sáu căn. Thấy cảnh vật biết vậy thôi chứ không động niệm, đó là Bồ-đề Niết-bàn.

Nếu thấy người thấy cảnh khởi niệm suy nghĩ rồi thị phi, tham đắm v.v..., đó là gốc của sanh tử.

Cho nên ở đây nói *không tức, không ly,* không tức nơi sáu căn mà cũng không rời sáu căn. *Không trụ, không trước,* không ở một chỗ, không dính mắc một chỗ. Như vậy mới gọi *tung hoành tự tại đều là đạo tràng.* Phật tổ nói không khác, đều chỉ dạy đến nơi đến chốn chỗ trọng tâm, ngay cốt tủy cho chúng ta thấy.

Chánh văn:

Người đời nghe nói "chư Phật đều truyền tâm pháp", cho là trên tâm riêng có một pháp có thể chứng có thể thủ, bèn đem tâm tìm pháp. Họ không biết tâm tức là pháp, pháp tức là tâm, không thể đem tâm lại cầu tâm, trải ngàn muôn kiếp trọn không có ngày được. Đâu bằng chính nơi đó vô tâm, tức là bản pháp.

Giảng:

Người đời nghe nói chư Phật đều truyền tâm pháp, như Phật truyền tâm pháp cho ngài Ca-diếp v.v... *rồi cho rằng trên tâm có một pháp,* đó là lầm lẫn. Pháp đó tức là tâm, nói truyền tâm tức là ấn chứng người đó nhận bản tâm đúng như thật, như Phật đã nhận, ấy gọi là truyền, là ấn chứng.

Họ không biết tâm tức là pháp, pháp tức là tâm, không thể đem tâm lại cầu tâm, trải ngàn muôn kiếp trọn không có ngày được. Pháp và tâm thật sự không hai, tâm tức là pháp, pháp tức là tâm. Nếu chúng ta lầm

không nhận ra tâm đó, đi tìm cầu pháp, tưởng pháp là cái gì khác, không ngờ cũng là tâm của mình. Như vậy tìm cầu đến muôn kiếp không biết chừng nào mới được.

Đâu bằng chính nơi đó vô tâm, tức là bản pháp. Như vậy thì hết sức gọn, chính nơi đó vô tâm. Nơi đó vô tâm là sao? Tức là ngay khi duyên theo cảnh, duyên theo trần mà mình không dấy niệm chạy theo, không dấy niệm dính mắc thì ngay đó là vô tâm. Mà vô tâm là bản pháp, tức pháp gốc.

Chánh văn:

Như người lực sĩ quên hạt châu trên trán, hướng ra ngoài tìm kiếm, chạy khắp mười phương trọn không thể được. Người trí chỉ cho, liền đó tự thấy bản châu như cũ.

Giảng:

Ví dụ như lực sĩ trên trán có hạt châu. Người ấy bỗng quên hạt châu trên trán, cứ chạy đầu này đầu nọ tìm hạt châu. Nếu có người trí thấy rõ hạt châu trên trán, chỉ cho anh ta, bấy giờ anh rờ lên trán liền đụng hạt châu, khỏi phải chạy tìm kiếm nữa. Trong nhà thiền, các thiền sư dùng đủ cách chỉ hoặc Phật tức là ông, hoặc Phật ở dưới gót chân ông v.v... Nói thế nghe dễ quá người ta không chịu, nên phải nói Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thần thông này kia... họ mới chịu. Như vậy chạy tìm cực khổ hay đứng một chỗ nhận ra cực khổ? Vậy mà thiên hạ chịu cái khổ, không chịu ngồi lại nhận ra, rốt cuộc tìm hoài không ra chỗ chân thật.

Chánh văn:

Người học đạo mê bản tâm mình không nhận là Phật, bèn hướng ra ngoài tìm cầu khởi công dụng hạnh, y thứ lớp chứng, nhiều kiếp cần cầu hằng không thành đạo.

Giảng:

Ở trên là ví dụ, đến đây hợp pháp. Người học đạo quên mất bản tâm giống như chàng lực sĩ quên hòn ngọc. Không nhận mình là Phật, chàng lực sĩ không nhận ngay nơi trán có hòn ngọc. Chạy ra ngoài tìm cầu, dùng đủ thứ công đủ thứ hạnh để tu, nhiều kiếp cần cầu mà hằng không thành đạo, vì cầu bên ngoài làm sao được.

Chánh văn:

Không bằng thẳng đó vô tâm, quyết định biết tất cả pháp vốn không sở hữu, cũng không sở đắc, không y không trụ, không năng không sở, không động vọng niệm, liền chứng Bồ-đề.

Giảng:

Như vậy chi bằng chúng ta được vô tâm, vô tâm thì quyết định tất cả pháp vốn không có sở hữu, không năng, không sở. Không sở hữu thì không sở đắc, không chỗ y trụ, không động vọng niệm, đó là Bồ-đề. Bồ-đề không phải chuyện ở xa, mà Bồ-đề là giác, là Phật của mình.

Chánh văn:

Đến khi chứng đạo, chỉ là chứng bản tâm. Phật nhiều kiếp dụng công đều là tu suông, như lực sĩ khi được châu chỉ được hạt châu sẵn trên trán, không quan hệ gì sức chạy ra ngoài tìm cầu.

Giảng:

Lực sĩ chạy cả ngày cả tháng cả năm tìm hạt châu. Nhưng tới chừng rờ lại thì thấy hạt châu sẵn trên trán. Như vậy anh có kể nhờ công chạy đầu này góc nọ mà được châu không? Chạy chỉ uổng công phí sức thôi, chứ thật hạt châu trên trán sẵn. Chúng ta cũng vậy, chạy nơi này tìm nơi kia cho thấy Phật, thấy đạo. Thật ra Phật đạo ngay nơi mình không ở đâu xa hết, chịu khó nhận thì được. Muốn nhận ông Phật của mình phải làm sao? Phải vô tâm.

Ở đây nói vô tâm, song tôi nói khác một chút là "nhớ tâm". Nói vô tâm với nói nhớ tâm có mâu thuẫn không? Vô là vô tâm nào? Nhớ là nhớ tâm nào? Vô tâm là không có tâm lăng xăng điên đảo vọng tưởng. Nhớ tâm là nhớ nhận ra mình có ông Phật sẵn. Chúng ta vô mà không phải vô, vẫn có tâm chân thật hiện tiền. Nhớ tâm chân thật hiện tiền, đó là chúng ta nhận ra ông Phật của chính mình.

Chánh văn:

Cho nên Phật nói: "Ta đối với A-nậu-bồ-đề thật không sở đắc." Sợ e người không tin nên dẫn ngũ nhãn đã thấy, năm câu đã nói, chân thật không dối là đệ nhất nghĩa đế.

Giảng:

Đây dẫn trong kinh Kim Cang. Phật vì sợ người không hiểu hoặc hiểu lầm nên nói: *Ta đối A-nậu-bồ-đề thật không sở đắc,* vì cái đó đã sẵn rồi còn gì sở đắc. Nhưng sợ người không hiểu nên Phật nói về ngũ nhãn v.v... cho tới năm câu, *chân thật không dối là đệ nhất nghĩa.*

Chánh văn:

Người học đạo chớ nghi tứ đại làm thân, tứ đại không ngã (không thường còn và làm chủ), ngã cũng không chủ, cho nên biết thân này không ngã cũng không chủ. Chớ nghi năm ấm làm tâm, năm ấm không ngã cũng không chủ, cho nên tâm này không ngã cũng không chủ. Sáu căn, sáu trần, sáu thức hòa hợp sanh diệt cũng lại như vậy. Mười tám giới đã không thì tất cả đều không, chỉ có bản tâm thênh thang trong sạch.

Giảng:

Ngài chỉ cho chúng ta phân biệt thân này do tứ đại giả hợp nên không có ngã, tức không có chủ thể. Nhưng đa số người đời không chịu như thế, vì thấy thân rành rành đây mà nói vô ngã làm sao chấp nhận. Bởi chúng ta mê nên lời dạy của bậc giác ngộ khó nhận được. Tứ đại là đất nước gió lửa, thân này do bốn chất đó kết hợp lại thành. Đã bốn chất kết hợp thành, làm sao có chủ. Nói tứ đại là nghiêng về sắc thân, nói ngũ uẩn thì gồm cả thân và tâm. Sắc thuộc về thân, thọ tưởng hành thức thuộc về tâm.

Xét thân năm uẩn, đứng về mặt sắc chất nó không có chủ thể, không có ta. Đứng về tâm, thọ tưởng hành thức cũng không có chủ. Hai thứ thân và tâm đều không có chủ thể. Nói tâm tôi đang nghĩ thế này thế kia, đó đều là thọ tưởng hành thức mà ra. Thân và tâm chúng ta đang chấp đây đều không có chủ thể, không thật mà chúng ta bám vào đó cho là thật. Ở đây có người nào can đảm dám nói tôi tin chắc thân này không phải tôi và tâm lăng xăng không phải tôi không? Chỉ nói tôi hiểu mang máng, tin sơ sơ vậy, chứ không dám tin chắc không dám hiểu thật. Bởi vì không can đảm nhận nó giả dối tạm bợ, cứ ngỡ nó là thật mình. Cho nên nghe nói nó giả dối tạm bợ đau lắm, không ai chịu nổi.

Người mê mà chỉ cái thật cho, họ chịu nhận không? Không chịu nhận. Họ không chịu nhận, người chỉ có buồn có giận không? Chỉ bao nhiêu lần, nhắc bao nhiêu phen mà cứ nói thật hoài, có tức không? Nếu phàm phu thì tức, còn Phật không tức. Phật thương chúng sanh ngu mê nhiều đời, nghe tai bên này lọt qua tai bên kia. Bởi vậy nên cứ lạy Phật khóc hoài, Phật làm sao được bây giờ.

Sáu căn, sáu trần, sáu thức hòa hợp sanh diệt cũng lại như vậy. Mười tám giới đã không thì tất cả đều không, chỉ có bản tâm thênh thang trong sạch. Mười tám giới tức sáu căn sáu trần sáu thức. Sáu căn là thân, sáu trần là cảnh, sáu thức là tâm. Ba cái này đều là nhân duyên hòa hợp, là tướng sanh diệt. Như vậy mười tám giới không thật, chỉ có bản tâm thênh thang trong sạch mới thật thôi. Mười tám giới là nhân duyên hòa hợp

mà sanh nên nó giả hợp, còn tâm thênh thang trong sạch đó biết được mười tám giới giả hợp, nó mới là thật, thênh thang, trong sạch. Biết sáu căn, sáu trần, sáu thức như vậy nhưng cả ngày chúng ta đuổi theo căn trần thức mà không chịu nhận ra cái chân thật của mình.

Chư tổ rút gọn chỉ thẳng, nghe hơi khó hiểu nhưng thấm được thì thấy đơn giản vô cùng. Ngồi lại học lời giảng của chư tổ thế này mới thấy ba tạng kinh quá nhiều công phu, còn ở đây thật là đơn giản. Các ngài đem hết tâm can chỉ thẳng cho mình thấy, không để chúng ta phải lang thang trong tam tạng giáo điển mất thời giờ. Đôi khi nhiều quá, rộng quá chúng ta không biết pháp nào chỉ thẳng cội nguồn cho mình nhận ra để tu.

Bây giờ làm sao cho ông Phật của mình hiển lộ ra? Chỉ vô tâm thì Phật hiển lộ thôi. Chỉ cần nỗ lực thực hiện đúng như lời chỉ thẳng của chư tổ, nhất định chúng ta sẽ thành công.

Chánh văn:

Có thức thực, có trí thực. Thân tứ đại là bệnh ghẻ đói, tùy thuận nuôi dưỡng không sanh tham đắm, gọi là trí thực. Buông lung ý, chấp mùi vị vọng sanh phân biệt, chỉ cầu món ngon không sanh nhàm chán, gọi là thức thực.

Giảng:

Thức thực là chạy theo vọng tình, thích món ngon vật lạ, thỏa mãn mong cầu của thân. Trí thực là nhận chân

lẽ thật của cuộc sống, chẳng hạn như chúng ta ăn uống chẳng qua là mượn phương tiện, rồi phải trả. Nhờ mượn mới sống nên biết rõ ăn là vay mượn không thật. Đây gọi là trí thực.

Thân tứ đại là bệnh ghẻ đói, tùy thuận nuôi dưỡng không sanh tham đắm, gọi là trí thực. Chúng ta biết thân tứ đại luôn luôn đòi hỏi, thiếu nước nó đòi nước, thiếu cơm nó đòi cơm, thiếu cái gì nó đòi cái nấy. Nhiều khi nó đòi quá sức chứa của nó nữa. Nên người ta thường nói ăn bằng con mắt, thấy là thèm mà sức chứa không nổi. Người chạy theo đòi hỏi ngon dở của thức ăn, để thỏa mãn thân gọi là thức thực. Nếu biết thân hư giả tạm bợ, tùy thuận nuôi dưỡng nó qua ngày để sống tu hành, làm lợi ích chúng sanh gọi là trí thực.

Buông lung ý, chấp mùi vị vọng sanh phân biệt, chỉ cầu món ngon không sanh nhàm chán, gọi là thức thực. Tại sao cầu món ngon gọi là thức thực? Bởi vì tìm món ngon vật lạ để thưởng thức, thưởng thức là phân biệt chê khen ngon dở. Vì vậy người buông lung ý mình, đòi hỏi những món ngon gọi là thức thực.

Chánh văn:

Thanh văn là nhân tiếng được ngộ, nên gọi là Thanh văn. Bởi không rõ tự tâm, nên trên lời dạy sanh hiểu biết, hoặc nhân thần thông, hoặc nhân tướng tốt, ngôn ngữ vận động, nghe có Bồ-đề Niết-bàn tu hành trải qua ba vô số kiếp mới thành Phật đạo, đều thuộc đạo Thanh văn, gọi đó là Thanh văn.

Giảng:

Sao gọi là Thanh văn? Chữ thanh hay thinh là tiếng, nhân nghe tiếng Phật dạy mà ngộ đạo, gọi là Thanh văn. Thời Phật còn tại thế, ngài nói pháp Tứ đế cho nên năm anh em Kiều-trần-như nghe, sau khi nghe xong năm vị liền ngộ đạo, chứng quả A-la-hán, gọi là Thanh văn. Không ngộ tự tâm, chỉ nhân lời nói của Phật mà hiểu, nhân hiểu rồi tu hành được thành đạo, gọi là Thanh văn.

Chánh văn:

Phật duy chỉ thẳng chóng rõ tự tâm xưa nay là Phật, không có một pháp có thể được, không có một hạnh có thể tu, đây là đạo vô thượng, đây là chân như Phật.

Giảng:

Tất cả pháp tu thứ bậc từ thấp lên cao, như từ Tu-đà-hoàn đến A-la-hán, hay Bồ-tát từ Thập tín, Thập trụ cho tới Thập địa v.v... đều là pháp tùy thuận tâm của chúng sanh. Chỗ này Phật chỉ thẳng cho chúng ta nhận rõ tự tâm, *tự tâm xưa nay là Phật, không có một pháp nào khác có thể được, không có một hạnh nào khác có thể tu, đây gọi là đạo vô thượng, là chân như Phật.* Ở đây chúng ta đi thẳng một con đường Phật thừa, mê thì làm chúng sanh, giác thì trở về với Phật. Vậy Phật là chỉ cho tâm thể thanh tịnh sẵn có của mình. Gọi chân như Phật tức là Phật chân thật như như sẵn có nơi mình, đi thẳng con đường đó gọi là đạo vô thượng, không gì hơn.

Chánh văn:

Người học đạo chỉ sợ một niệm có, tức cùng đạo ngăn cách; niệm niệm không tướng, niệm niệm vô vi tức là Phật.

Giảng:

Chỗ này Tổ nói đơn giản vô cùng: *Người học đạo chỉ sợ một niệm có, tức cùng đạo ngăn cách.* Một niệm nghĩ về pháp Tứ đế, về Thập nhị nhân duyên có cùng đạo xa cách không? Niệm nghĩ về Tứ đế, về Thập nhị nhân duyên có lỗi lầm gì? Vậy mà ở đây ngài lại nói dứt khoát có một niệm thì cùng đạo ngăn cách.

Niệm niệm không tướng, niệm niệm vô vi tức là Phật. Vì chúng ta lâu nay hầu hết lấy niệm để tu. Niệm thiện để tu pháp lành, niệm chánh pháp để tu giải thoát. Niệm chánh pháp như niệm gì? Niệm Tứ đế, Tứ niệm xứ v.v... Tứ niệm xứ có niệm không? Tứ niệm xứ hoặc Mười hai nhân duyên hoặc niệm Phật cũng là niệm. Còn có niệm để tu thì niệm đó có phải cứu cánh không? Không, vì Phật như như của mình không động. Nếu động không phải như. Có niệm thì đã động rồi, nên không phải như, vì vậy có động là cách với Phật. Chỗ này khó nếu quý vị không nắm vững dễ bị lầm lắm.

Kinh nghiệm bản thân tôi thấy rất rõ. Như mình ngồi bình tĩnh sáng suốt không dấy một niệm nào, lúc đó mình đang sống với cái gì? Bình tĩnh sáng suốt mà không dấy nghĩ, lúc đó mình sống với tâm chân như. Vừa nhớ Phật, nhớ Bồ-tát, nhớ A-la-hán thì cái như

động liền. Hoặc nhớ pháp này pháp kia tâm vẫn động như thường, động thì mất như.

Vừa có một niệm dấy lên, dù niệm đó quý cũng đã cách với Phật của mình rồi. Nếu niệm dấy lên, chúng ta biết nó ảo giả bỏ đi thì trở về ông Phật của mình. Dấy niệm nhớ về đức Phật ra đời làm sao, lúc đó gần Phật hay xa Phật? Gần đức Phật Thích-ca mà xa ông Phật của mình. Niệm chánh còn không thể được, huống là niệm tà. Vì vậy đến chỗ cuối cùng niệm niệm đều phải vô vi tức không sanh không diệt. Nếu được niệm niệm vô vi, không một hình ảnh để mình dính mắc, đó là Phật. Nếu có một niệm nào dính mắc thì đã cách xa Phật rồi.

Ngồi yên tĩnh tâm trong sáng nghe thấy rõ ràng, ai cũng cho là quá tầm thường, nhưng không ngờ cái tầm thường ấy chính là phi thường. Chúng ta khéo tu thì biết rõ Phật không xa. Bởi vì Phật là tánh hằng giác hằng tri của mình. Hằng giác hằng tri chính là ông Phật gốc. Sống được với Phật gốc mới có diệu dụng, tam minh lục thông v.v... Nếu mình quên gốc thì muôn đời không được tam minh lục thông. Người tu thời nay muốn được tam minh lục thông hơn là trở về ông Phật gốc của mình, phải vậy không? Nói tam minh lục thông nghe oai quá, còn hằng tri hằng giác mà không nghĩ suy gì hết, nghe khờ quá.

Chính chỗ này, các thiền sư khi đạt đạo rồi như ngây như ngô, các ngài khờ khạo với cái thức phân biệt chia chẻ của thế gian, nhưng đang sống với thể thanh tịnh của mình. Sống với thể thanh tịnh thì có vẻ

khờ khạo, sống với thức phân biệt thế gian thì lanh lắm. Cho nên lanh không phải là cái hay đối với đạo, mà cái thật mới gần với đạo. Chúng ta tu phải làm sao tâm yên tĩnh lặng lẽ, không chạy theo những lăng xăng lộn xộn bên ngoài, đó mới là tâm Phật, còn càng chạy thì càng xa.

Chánh văn:

Người học đạo nếu muốn thành Phật thì tất cả Phật pháp thảy đều không dụng học, chỉ học không cầu, không đắm trước. Không cầu tức tâm không sanh, không đắm trước tức tâm không diệt, không sanh không diệt tức là Phật.

Giảng:

Người học đạo muốn thành Phật, thì tất cả Phật pháp thảy đều không dụng học, không học tam tạng giáo lý mà chỉ học *không cầu không đắm trước.* Năm chữ "không cầu không đắm trước", hết sức giản đơn. Còn học tam tạng cả đời chưa rồi. Nếu không cầu không đắm trước thì tâm chúng ta yên tịnh, không dính mắc gì hết. Đó là như, là trở về chân thật. Nhớ không cầu không đắm trước đủ rồi. Còn học tam tạng giáo điển Kinh, Luật, Luận v.v... nói thao thao bất tuyệt mà cầu danh cầu lợi thì cái học đó thật chưa, được thành Phật không?

Ở đây nói thẳng trọng tâm của sự tu. Tất cả kinh điển dạy đều hướng về chỗ chỉ cho chúng ta thấy rõ, không tham cầu không đắm trước tất cả pháp thế gian, tất cả hình tướng thế gian, đó là thật học đạo. Còn nếu

đắm trước hình tướng thế gian, dính mắc các pháp, đó là chúng ta bị kẹt chứ không phải học đạo. Hiểu như vậy mới thấy gốc của sự tu.

Không cầu tức tâm không sanh, không đắm trước tức tâm không diệt, không sanh không diệt tức là Phật. Tại sao không cầu? Không cầu để tâm không mong mỏi, không dấy động muốn cái này cái kia. Tâm không dấy động là tâm không sanh. Do không sanh nên không diệt. Tâm không sanh không diệt là tâm Phật. Vậy chỉ có bốn chữ "không cầu, không đắm" đủ cho chúng ta tu rồi. Có cái gì chúng ta nắm giữ mà không bị vô thường đâu. Đắm danh mất danh thì khổ, đắm sắc mất sắc thì khổ. Do vậy tâm không cầu không đắm là tâm gần với Phật.

Chánh văn:

Tám muôn bốn ngàn pháp môn đối trị tám muôn bốn ngàn phiền não, chỉ là môn giáo hóa tiếp dẫn. Vốn không tất cả pháp, lìa tức là pháp, người biết lìa là Phật. Chỉ lìa tất cả phiền não là không pháp có thể được.

Giảng:

Ngài dẫn trong kinh Phật nói tới tám muôn bốn ngàn pháp môn. Tại sao Phật chia chẻ nhiều như vậy? Bởi vì để đối trị chúng sanh có bệnh nào thì Phật có pháp ấy. Như sân có mấy bệnh? Nóng là một, động tới nổi nóng là sân. Kế đó hận, hận là thù. Nếu nóng giận mà không thỏa mãn cái giận đó thì thành thù. Ngoài thù còn hờn nữa. Như vậy chỉ sân thôi đã có ba bốn pháp rồi.

Khi nóng giận Phật dạy phải tu pháp nhẫn, chặn đừng cho nó nổi dậy. Khi hận thù Phật dạy tu pháp xả, bỏ đi. Mỗi một bệnh có mấy thứ pháp, vì bệnh quá tế nhị. Như trong tham cũng có nhiều pháp đối trị. Tham tài tu pháp gì, tham sắc tu pháp gì, tham danh tu pháp gì, tham lợi tu pháp gì, mỗi thứ tham có một pháp tu. Bệnh căn bản rồi tới chi li nữa, bệnh nào cũng trăm ngàn thứ. Vì vậy Phật phải dạy nhiều pháp để đối trị.

Tám muôn bốn ngàn pháp môn là để trị tám muôn bốn ngàn phiền não. Sở dĩ Phật chia nhiều pháp để trị nhiều bệnh là vì muốn giáo hóa, tiếp dẫn chúng sanh. Ai có bệnh gì thì dùng thuốc đó trị cho lành từ từ, chứ chưa lành tận gốc. Đang sốt thì uống thuốc cảm cho hạ sốt, có các thứ thuốc là để trị các thứ bệnh, đến thuốc cuối trị hết tất cả bệnh. Ở đây ngài nói pháp cuối cùng là gì?

Vốn không tất cả pháp, lìa tức là pháp, người biết lìa là Phật. Chỉ một chữ "lìa" thôi. Tại sao chúng ta phải lìa? Bởi vì tất cả pháp đều không thật, pháp không thật theo giữ nó làm sao được, cho nên phải lìa. Người nào biết lìa, không chấp, người đó là Phật. *Không pháp có thể được* nghĩa là tất cả cảnh mình lìa thì không dính, tất cả phiền não dấy lên mình lìa thì không có. Bỏ tất cả chúng ta sẽ thấy ông Phật hiện tiền. Câu chuyện nhà thiền nói có vẻ thô một chút là ngài Hoàng Bá khen đệ tử của Mã Tổ: "Dưới Mã Tổ có tám mươi bốn thiện hữu tri thức, nhưng người ỉa chảy đầy đất chỉ có ngài Quy Tông." Ỉa chảy đầy đất là xả hết tuôn sạch hết.

Nói nghe thô nhưng lối khen đó rất chí lý. Người biết lìa biết xả hết là ngài Quy Tông, còn những vị khác tuy cũng lìa nhưng lìa chưa thật sạch.

Ở đây chỉ một chữ lìa là tất cả đều hết. Vì lìa thì không dính, không còn. Trong không dính phiền não, ngoài không dính các pháp, đó là Phật hiện tiền.

Chánh văn:

Người học đạo muốn được biết yếu quyết thì chớ ở trên tâm để một vật nói là Phật. Chân pháp thân ví như hư không. Đây là dụ pháp thân tức hư không, hư không tức pháp thân. Người thường bảo pháp thân đầy khắp hư không, trong hư không gồm chứa pháp thân. Họ không biết pháp thân tức hư không, hư không tức pháp thân.

Giảng:

Người học đạo muốn được biết yếu quyết, tức chỗ quyết định trọng yếu, *thì chớ ở trên tâm để một vật nói là Phật.* Nghĩa là sao? Tức là trên tâm của mình mình tưởng có ông Phật đang ngự, như vậy chưa phải thật. Tại sao? Tâm thanh tịnh là Phật, mình lại để ông Phật danh tự đè ông Phật thật của mình. Chỗ này thật rõ nhưng cũng thật khó. Ai không có gan, không dám nhận thì không thấy được.

Chân pháp thân ví như hư không. Tại sao? Quý vị kiểm lại thử xem khi chúng ta ngồi bình an, không nghĩ suy thì cái biết có không? Gió thổi nghe mát, người đi thấy rõ, cái biết bàng bạc đó có hình tướng không?

Nó không hình tướng nên như hư không. Pháp thân như hư không, không trụ chỗ nào, trùm khắp mọi nơi. *Đây là dụ pháp thân tức hư không, hư không tức pháp thân.*

Người thường bảo pháp thân đầy khắp hư không. Câu nói đó đúng hay sai? Pháp thân có dáng gì mà đầy? Hư không có chỗ chứa không? Không tướng mà nói đầy thì lấy đâu biết đầy. Cho nên từ "đầy" thuộc về hình tướng, ngài không chấp nhận. Nếu nói đầy thành ra hư không giống như cái vựa, còn pháp thân đổ vào vựa. Đó là lối nói không rõ ràng. Ở đây ngài bảo pháp thân không tướng nên đồng với hư không.

Họ không biết pháp thân tức hư không, hư không tức pháp thân. Bởi hai thứ ấy cùng không hình không tướng, không phân biệt không tách rời, nên nói "tức".

Chánh văn:

Nếu quyết định nói có hư không thì hư không chẳng phải pháp thân. Nếu quyết định nói có pháp thân thì pháp thân chẳng phải hư không. Chớ khởi hiểu hư không thì hư không tức pháp thân. Chớ khởi hiểu pháp thân thì pháp thân tức hư không. Hư không cùng pháp thân không có tướng khác.

Giảng:

Nếu nói có hai thứ riêng biệt thì pháp thân không phải là hư không, hư không không phải là pháp thân. Hai chỗ này chỉ khác bởi khởi hiểu và không khởi hiểu thôi. Không khởi hiểu thì pháp thân - hư không không tách rời. Vừa khởi hiểu thì đã có sai lầm.

Chớ khởi hiểu pháp thân thì pháp thân tức hư không. Chớ khởi hiểu hư không thì hư không tức pháp thân. Nếu khởi hiểu hư không, khởi hiểu pháp thân thì hư không và pháp thân đó bị cụ thể bằng niệm của mình, thành ra không đúng.

Chánh văn:

Phật cùng chúng sanh không có tướng khác. Sanh tử cùng Niết-bàn không có tướng khác. Phiền não cùng Bồ-đề không có tướng khác. Lìa tất cả tướng tức là Phật.

Giảng:

Tới chỗ cuối cùng ngài bảo *Phật cùng chúng sanh không có tướng khác.* Nói như vậy có thực tế không? Bây giờ nhìn trong giảng đường này, xem chúng sanh với chúng sanh có tướng khác không? Có người gầy có người béo, có người đen có người trắng... đủ thứ hết, làm sao không có tướng khác. Vậy mà ở đây nói Phật cùng chúng sanh không có tướng khác, đó là căn cứ trên chỗ chân thật của mình, chứ không phải căn cứ trên giả tướng tạm bợ. Tướng giả tạm của chúng sanh thì có sai biệt, nhưng tâm chân thật như như thì ai cũng như nhau.

Bây giờ tôi chỉ ngọn đèn sáng, ai cũng thấy sáng. Khi chúng ta nhìn bức tranh thấy màu sắc không khác nhau. Như vậy cái thấy không khác, cái nghe không khác, nhưng khác cái phân biệt. Phân biệt người nhanh kẻ chậm, người so sánh khéo, người không biết so sánh v.v..., sai biệt chỗ đó, chứ thật ra cái biết ban đầu không khác nhau. Vì vậy nói Phật chúng sanh không có tướng khác.

Sanh tử cùng Niết-bàn không có tướng khác. Nếu ngay trong sanh tử mà mình nhận được cái thật, đó là Niết-bàn, đâu có gì khác. *Phiền não cùng Bồ-đề không có tướng khác.* Phiền não Bồ-đề cũng đều là giả danh, làm gì có tướng khác.

Lìa tất cả tướng tức là Phật. Như vậy muốn làm Phật khó hay dễ? Giản đơn quá, có một chữ "lìa". Lìa tất cả tướng tức là chư Phật. Chúng ta học đạo bao lâu rồi? Thuộc chữ thì mau mà làm được không mau. Thuộc chữ "ly" dễ quá, nhưng hành được chữ "ly" thật khó. Nếu nói ở miệng thì chưa thuộc, như mấy con sáo bắt chước người nói vậy thôi chứ không có giá trị. Chừng nào nói ly thì tất cả đều ly, ai chửi cũng ly, khen cũng ly, lúc nào cũng ly hết. Đó là chuyện hết sức dễ mà cũng hết sức khó.

Chánh văn:

Phàm phu chấp cảnh, đạo nhân chấp tâm. Tâm cảnh cả hai đều quên mới là chân pháp. Quên cảnh vẫn dễ, quên tâm rất khó. Người không dám quên tâm, sợ rơi vào chỗ không, không sờ mó đến. Không biết không vốn chẳng không, chỉ một chân pháp giới.

Giảng:

Phàm phu chấp cảnh, cứ chạy theo cảnh này đẹp, cảnh kia xấu, cảnh này bền chắc, cảnh kia tạm bợ v.v... *Đạo nhân chấp tâm.* Chấp tâm là sao? Người tu phần nhiều hay chấp tâm. Biết cảnh ở ngoài hư giả, nhưng cho

tâm nghĩ thiện nghĩ ác, tâm đang trì chú, đang tụng kinh... đó là tâm chân thật. Một bên chấp cảnh, một bên chấp tâm, hai bên chấp có khác nhưng đều là chấp hết. Muốn trị chữ "chấp" thì dùng chữ "ly". Ly thì không chấp cảnh, không chấp tâm nên không phải phàm phu không phải đạo nhân. Không phải phàm phu, không phải đạo nhân thì là gì? Là Phật. Chỉ một chữ ly thôi, hết sức đơn giản. Bởi vậy nên *Tâm cảnh cả hai đều quên mới là chân pháp.*

Quên cảnh vẫn dễ, quên tâm rất khó. Cảnh ở ngoài chúng ta bỏ dễ hơn là tâm. Cái tâm cho là sáng suốt, tâm hiểu đúng v.v... bỏ thật là khó.

Người không dám quên tâm, sợ rơi vào chỗ không, không sờ mó đến. Có người tu sợ buông hết không còn gì nên không dám bỏ tâm. Lúc nào cũng giữ tâm của mình đang biết, đang thấy, đang nghe, đang nghĩ v.v... cho đó là tâm thật. Tổ bảo người này không biết quên tâm.

Không biết không vốn chẳng không, chỉ một chân pháp giới. Chúng ta không biết rằng cái không ấy vốn chẳng phải không. Tại sao? Vì nó là chân pháp giới, tức pháp giới chân thật, là chỗ không chấp tâm không chấp cảnh.

Chánh văn:

Tánh linh giác này từ vô thủy đến nay tuổi đồng với hư không, chưa từng sanh chưa từng diệt, chưa từng có chưa từng không, chưa từng uế chưa từng tịnh, chưa từng ồn náo chưa từng vắng lặng,

chưa từng bé chưa từng già, không chỗ nơi không trong ngoài, không số lượng không hình tướng, không sắc tượng không âm thanh, không thể tìm không thể cầu, không thể dùng trí tuệ mà biết, không thể dùng ngôn ngữ mà nhận, không thể dùng cảnh vật mà hội, không thể dùng dụng công mà đến.

Giảng:

Chỗ này ngài chỉ tâm chân thật của chính mình. Tâm chân thật chính là tánh linh giác của mình từ vô thủy tới giờ, tuổi nó đồng với tuổi hư không. Hư không bao nhiêu tuổi? Hư không không có tuổi. Tại sao? Hư không là hư không, nó không có ngày đêm, không năm tháng nên không có tuổi. Ngày đêm năm tháng, đặt thành thời gian là căn cứ trên vòng quay của trái đất, hư không có quay không? Hư không không quay, không quay làm sao có năm tháng, không có năm tháng làm sao có tuổi.

Tánh linh giác cũng không có tuổi. Tại sao? Vì tánh linh giác không phải là cái sanh cái diệt. Sanh diệt là nghiệp tướng của chúng sanh chứ tánh giác không sanh không diệt. Quý vị tự nghiệm lại sẽ thấy rõ, cái hằng tri giác của mình chưa từng dấy niệm. Khi chúng ta dấy niệm tức là chạy theo niệm sanh diệt, tạo nghiệp lành dữ, tái sanh vào chỗ lành dữ. Nghiệp lôi kéo tánh linh giác cùng đi vào chỗ tốt chỗ xấu. Khi sanh ra rồi, tùy nơi đặt thời gian không gian, chứ tánh linh giác chưa từng sanh chưa từng diệt, làm sao có tuổi, làm sao già chết, làm sao có sắc tượng... Tánh linh giác bất sanh bất diệt nên là Niết-bàn vô sanh.

Thân sanh diệt tạm bợ mấy chục năm, người đời quý trọng vui tươi khi nó còn khỏe, chứ nó sắp hoại diệt thì khổ. Thân hoại đi nhưng tánh linh giác không hoại. Đức Phật chỉ cho chúng sanh nhận ra mình có tánh linh giác để thoát ly sanh tử. Nếu đứng trên tánh giác nhìn lại thân này, chẳng khác nào một con phù du trên mặt nước, mới chạy lăng xăng đó liền chết. Trong kinh Phật hay trong lời các Tổ thường ví dụ tánh giác có sẵn nơi chúng ta như hoa sen trong lò lửa. Lửa cháy hừng hực mà nó vẫn tươi, không vì lửa mà bị tàn hoại. Đó là chỉ cho ngay nơi thân tâm vô thường này, tánh giác vẫn sẵn đó không gì làm hoại, không gì chi phối được nó.

Thường chúng ta không nhận tánh giác, mà chỉ nhận thân tâm lăng xăng thiện ác, chạy theo nó để tạo nghiệp sanh tử. Chừng nào không chấp thân này là lìa ngã, không chạy theo niệm sanh diệt là lìa tâm vọng tưởng. Lìa hai thứ chấp đó là trở về tánh thật. Ngược lại cứ chạy đuổi theo hai thứ ấy thì bảo đảm chúng ta sẽ sanh tử liên miên. Thế nên đức Phật thương chúng sanh, nói pháp suốt bốn mươi chín năm không chán, ngài thấy mình mê muội quá mới ráng nói cho biết, vậy mà cho tới bây giờ chúng ta vẫn chưa biết hết, chỉ biết chút chút thôi.

Chánh văn:

Chư Phật Bồ-tát cùng tất cả hàm linh xuẩn động đồng tánh đại Niết-bàn này. Tánh tức là tâm, tâm tức là Phật, Phật tức là pháp. Một niệm lìa chân đều là vọng tưởng. Không thể đem tâm

lại tìm tâm, không thể đem Phật lại cầu Phật, không thể đem pháp lại cầu pháp. Người học đạo thẳng đó vô tâm, thầm khế hội mà thôi. Nghĩ tâm tức là sai, (lấy tâm truyền tâm đây là chánh kiến.)

Giảng:

Mấy chữ "tức" này thật là khó. *Tánh tức là tâm*, tại sao tánh tức là tâm? Tánh nói đủ là tánh giác, giác tức là biết, biết tức là tâm, cho nên tánh tức là tâm. *Tâm tức là Phật*, cái biết giác đó là Phật nên tâm tức là Phật. *Phật tức là pháp*, tánh giác đó là pháp chân thật trùm khắp cả pháp giới, chứ không phải không ngơ, nên Phật tức là pháp.

Một niệm lìa chân đều là vọng tưởng. Niệm lìa chân là niệm gì? Như chúng ta đang ngồi an tịnh, không nghĩ không suy lúc đó là chân. Vừa dấy niệm nghĩ cái gì đó là niệm lìa chân. Chúng ta tu để cầu chân mà luôn luôn khởi niệm lìa chân, vì chân là phẳng lặng mà dấy lên là động rồi, tức lìa cái chân thật. Cho nên ngài nói *một niệm lìa chân đều là vọng tưởng,* người tu phải chiếu soi vọng tưởng cho nó lặng xuống, trở về thể chân thật.

Không thể đem tâm lại tìm tâm, không thể đem Phật lại cầu Phật, không thể đem pháp lại cầu pháp. Chúng ta phải hiểu Phật là tánh giác sẵn của mình nên không thể khởi niệm hiểu biết, cũng không thể khởi đi cầu Phật vì chính tâm lặng lẽ hằng giác hằng tri là Phật. Không thể đem pháp cầu pháp. Như vậy tâm, Phật, pháp là cái không thể cầu.

Người học đạo thẳng đó vô tâm, thầm khế hội mà thôi. Người học đạo khôn ngoan thấu hiểu ngay đó đừng dấy niệm khởi nghĩ, là vô tâm. Vô tâm thì khế hội được tánh linh giác. Nếu có tâm nghĩ suy, có tâm tìm kiếm là mất tánh linh giác, rõ ràng như vậy. Như chúng ta muốn nhìn thấy mặt nước hồ phẳng thì cứ yên lặng nhìn nó, chứ lấy cục đá chọi xuống để tìm mặt hồ phẳng lặng thì mặt hồ phẳng mất ngay.

Chúng ta đang là Phật, khởi niệm cầu Phật thì mất Phật rồi. Tâm đang phẳng lặng sáng suốt là Phật, bây giờ chúng ta dấy niệm cầu Phật, chẳng khác nào ôm đá quăng xuống mặt hồ phẳng để thấy mặt hồ phẳng. Thấy được không? Đó là lầm lẫn của chúng sanh nhiều đời. Vì vậy Tổ nói: *Người học đạo thẳng đó vô tâm, thầm khế hội mà thôi.* Ngay đó buông tất cả niệm thì tự khế hội chứ không có gì lạ.

Nghĩ tâm tức là sai, (lấy tâm truyền tâm đây là chánh kiến.) Lấy tâm mà khởi nghĩ về tâm đã là sai. *Lấy tâm truyền tâm là chánh kiến.* Vì sao lấy tâm truyền tâm là chánh kiến? Vì tâm người truyền và tâm người được truyền đều thanh tịnh. Hai bên thông cảm nhau nên nói lấy tâm truyền tâm. Như tổ Huệ Khả trình với tổ Đạt-ma: "Bạch Hòa thượng, con dứt hết các duyên." Tổ Đạt-ma bảo: "Coi chừng rơi vào không." Tổ Huệ Khả thưa: "Rõ ràng thường biết, làm sao không được." Tổ Đạt-ma bảo: "Ông như thế, ta như thế, chư Phật cũng như thế." Đó là lấy tâm truyền tâm. *Ông như thế* là tâm ông không còn dính các duyên, rõ ràng thường biết. Ta cũng thế, tâm Phật cũng thế. Truyền như vậy mới là

chánh kiến, chứ nói truyền tâm ấn bằng cách làm phép gì đó để truyền tâm là trật lất, xa lắm rồi, không phải lẽ thật.

Chánh văn:

Dè dặt chớ hướng ra ngoài chạy theo cảnh, nhận cảnh làm tâm là nhận giặc làm con. Vì có tham sân si nên lập giới định tuệ. Vốn không có phiền não thì đâu có Bồ-đề. Cho nên Tổ sư nói: *"Phật nói tất cả pháp vì trừ tất cả tâm, ta không tất cả tâm đâu dùng tất cả pháp."*

Giảng:

Ngài dạy chúng ta đừng chạy ra ngoài tìm cầu, *nhận cảnh làm tâm là nhận giặc làm con.* Nếu thấy cảnh rồi cho cảnh này đẹp, cảnh kia tốt v.v... để khen chê, là tâm đang duyên theo cảnh, đó là nhận giặc làm con.

Tại sao Phật nói giới định tuệ? Vì chúng sanh có tham sân si nên Phật nói giới định tuệ. Nếu chúng sanh hết tham sân si thì cần giữ giới, cần thiền định trí tuệ nữa không? Hết tham sân si thì khỏi gì cả. Người nào tham sân si nhiều giữ giới phải nhiều, người nào tham sân si ít giữ giới ít, người nào hết tham sân si thì khỏi giữ giới. Giới định tuệ là để kìm tâm, bây giờ tâm lặng rồi còn gì nữa mà kìm, thì giới định tuệ cũng không dùng. Cho nên ở đây ngài dẫn lời *vốn không có phiền não thì đâu có Bồ-đề*. Phiền não là mê lầm khổ sở, còn Bồ-đề là giác ngộ thanh tịnh. Có giác ngộ thanh tịnh vì có mê lầm đau khổ, nếu hết mê lầm đau khổ thì cũng không nói đến giác ngộ thanh tịnh làm gì.

Lục Tổ nói: *Phật nói tất cả pháp vì trừ tất cả tâm, ta không tất cả tâm đâu dùng tất cả pháp*. Mới nghe dường như Tổ không cần tới giáo lý, như vậy có ngã mạn không? Không. Vì như bác sĩ tới khám bệnh, những người bệnh thấy mừng vì họ cần xem bệnh xin thuốc. Còn người không bệnh, khi bác sĩ tới, nói "tôi không cần". Nói không cần chẳng qua vì không bệnh chứ không phải xem thường bác sĩ, vì vậy không có lỗi. Bác sĩ có giá trị đối với người bệnh. Cũng vậy, pháp của Phật có giá trị đối với người còn phiền não. Nếu hết phiền não thì pháp của Phật cũng để dành đó, chứ đâu dùng làm gì. Người nào nhiều tâm vọng tưởng, Phật lấy pháp để trị, Tổ *không tất cả tâm đâu dùng tất cả pháp,* điều này rõ ràng như vậy, chứ Tổ không có ngã mạn.

Chúng ta bây giờ còn tâm lăng xăng nhiều quá nên phải học pháp nhiều, chừng nào tâm lặng hết thì khỏi học, khỏi ngồi thiền luôn. Nếu không được thế thì thôi chịu khó ngồi thiền, học pháp lâu ngày sẽ thấm. Bởi vì giáo lý là phương tiện trị tâm bệnh cho chúng sanh. Người ta chế thuốc là vì người bệnh chứ không vì người mạnh. Chúng ta còn bệnh buộc lòng phải uống thuốc. Lúc nào hết bệnh thì thuốc cũng bằng thừa. Chỉ có giáo lý Phật mới dám nói một cách quả quyết rằng giáo lý giống như ngón tay chỉ mặt trăng. Khi chưa thấy mặt trăng thì cần ngón tay, nương đó để thấy mặt trăng. Khi thấy mặt trăng rồi thì ngón tay thừa. Như muốn qua bên bờ kia chúng ta dùng chiếc bè đưa qua sông. Tới bờ kia rồi thì chiếc bè trôi đâu mặc nó,

không quan trọng nữa. Nên hiểu pháp Phật là phương tiện chứ không phải chân lý, chưa xong việc thì không bao giờ bỏ được.

Người học đạo thấy được gốc rồi, sự tu không khó khăn, chỉ cần bền chí. Bền chí gánh đất, nhổ cỏ hay bền chí làm gì? Bền chí thường tỉnh đừng mê đừng quên. Thường tỉnh đừng chạy theo các vọng niệm, đó là chúng ta thành công.

Chánh văn:

Trên bản nguyên thanh tịnh Phật lại không để một vật. Ví như hư không, dù lấy trân bảo vô lượng để trang nghiêm, trọn không thể được. Phật tánh đồng hư không, dù lấy công đức trí tuệ vô lượng để trang nghiêm, trọn không thể được. Chỉ mê bản tánh bèn không thấy vậy.

Giảng:

Bản nguyên thanh tịnh của chính mình là Phật, nên không để một thứ gì trên đó hết. Nói trang nghiêm tịnh độ hay trang nghiêm tự tâm là trang nghiêm tâm nào? Nếu trang nghiêm thì trang nghiêm tâm sanh diệt thôi, chứ tâm bản nguyên không có gì để trang nghiêm, vì nó không thiếu không dư làm sao trang nghiêm? Chỉ trên tự tâm biết rõ, không thêm gì hết thì đúng, nếu còn để một vật gì là còn mê. Cho nên ở đây nói *chỉ mê bản tánh bèn không thấy vậy*.

Chỗ này có tu mới thấy vui. Khi nào chúng ta ngồi thiền tỉnh táo lặng lẽ, tâm không vướng bên này

không mắc bên kia, gương mặt tươi tỉnh, tự mình cũng thấy vui. Còn vướng còn mắc thì có buồn vui lẫn lộn. Người sống không vướng mắc sẽ tự vui, bởi vì tâm thanh tịnh bản nhiên vốn an lạc tự tại, không kẹt chi cả. Cho nên càng đi sâu, chúng ta càng thấy cụ thể mình sẵn có tâm thanh tịnh, vậy mà cứ đi tìm hoài, tìm đáo để rốt cuộc nhận ra nó ngay dưới gót chân mình chứ không đâu xa. Hiểu thế, chúng ta mới thấy tại sao Lục Tổ không chịu cho ngồi thiền nhiều. Vì với ngài không có một niệm, không có một tâm, đi đứng ngồi nằm cũng vậy, cho nên ngồi thiền chi cho cực.

Chúng ta bây giờ thì sao? Chạy ngược chạy xuôi quá nên phải ngồi. Ngồi ngó xuống cho đỡ một chút, ít nhất cũng giảm đi năm mươi phần trăm lộn xộn. Chừng nào thuần thục rồi thì đi đứng nằm ngồi đều là đạo, không có cách biệt. Tuy nhiên, nhìn lại đức Phật Thích-ca đã thành Phật rồi, ngài cũng vẫn ngồi thiền như thường. Thọ trai xong Phật đi kinh hành, xế chiều tọa thiền. Các thầy Tỳ-kheo hỏi: "Đức Thế Tôn dạy chúng con ngồi thiền để định tâm, còn ngài tâm đã thường định tại sao cũng ngồi thiền?" Thế Tôn đáp: *"Ta ngồi thiền để điều hòa thân thể và răn nhắc đệ tử sau này không lười trễ tọa thiền."* Ngài ngồi quen, ngồi cho vui cho khỏe và cũng để răn dạy các thầy Tỳ-kheo, chứ không tìm kiếm gì nữa.

Chúng ta hiểu cho tới nơi, thấy thật tường tận thì sự tu hành sẽ đơn giản vô cùng. Sống đơn giản rồi mình thấy những bày biện lăng xăng của cuộc sống có chóa mắt không, mệt đầu không? Bởi vậy nhiều khi

tôi lắc đầu hoài, tu Phật kiểu này thì không biết đời kiếp nào về cõi Phật! Như có ông sư nói: "Ai muốn tụng kinh cho cha mẹ về Cực lạc thì đặt tụng ba ngày ba đêm giá hai cây. Ai sợ cha mẹ xuống địa ngục, muốn làm lễ phá địa ngục thì năm cây." Vậy mà người ta ưa lắm, thành ra tôi cũng lắc đầu.

Chánh văn:

Nói rằng "Pháp môn tâm địa" là muôn pháp đều y tâm này dựng lập, gặp cảnh tức có, không cảnh tức không, không thể trên tánh tịnh lại khởi biết cảnh. Nói định tuệ là quán dụng thì rõ ràng vắng lặng tỉnh táo, thấy nghe hiểu biết đều phải.

Giảng:

Nói rằng pháp môn của chư Phật chỉ dạy là *pháp môn tâm địa* nên gọi là tâm địa quán. Chính chỗ này ngài Vô Ngôn Thông tới tổ Bá Trượng, một hôm tổ Bá Trượng dạy "tâm địa nhược không, tuệ nhật tự chiếu", nghĩa là đất tâm nếu không thì mặt trời trí tuệ tự sáng. Nghe câu đó ngài liền ngộ, sau sang Việt Nam truyền đạo. Tại sao nói pháp môn tâm địa? Vì tất cả pháp từ tâm sanh khởi, không có pháp nào ngoài tâm, vì vậy gọi là pháp môn tâm địa. Nếu chúng ta trở về được tâm địa, các pháp không còn sanh diệt nữa thì mặt trời trí tuệ tự sáng không nghi. Vì vậy tu là cốt trở về chỗ cứu cánh ấy.

Bởi vậy *không thể trên tánh tịnh mà khởi biết cảnh,* nghĩa là cảnh đến thì đến, cảnh đi thì đi, cảnh đến tạm có, cảnh đi tạm không, chứ không phải tánh mình có hay không.

Nói định tuệ là quán dụng thì rõ ràng vắng lặng tỉnh táo, thấy nghe hiểu biết đều phải. Nói định tuệ là quán dụng, trong khi chúng ta dụng công tu quán thì rõ ràng vắng lặng tỉnh táo, quán tất cả pháp tánh là không, không thấy có pháp thật, mình vẫn thấy nghe hiểu biết. Cho nên trong cái thấy nghe hiểu biết vẫn biết các pháp tự tánh là không, không có gì sai.

Chánh văn:

Trên cảnh khởi hiểu, tạm vì người trung hạ căn nói thì được. Nếu muốn thân chứng đều không thể khởi thấy hiểu như thế, toàn là cảnh pháp, có chỗ lặn mất thì lặn mất ắt có nơi. Chỉ đối tất cả pháp không khởi thấy có không, tức là thấy pháp.

Giảng:

Ở đây ngài nói rõ: *Trên cảnh khởi hiểu, tạm vì người trung hạ căn nói thì được.* Ví dụ đối với cái bàn, quán nó duyên hợp hư giả, hiểu như vậy không có gì sai, nhưng đó là chỉ cho người trung căn và hạ căn.

Nếu muốn thân chứng, đều không thể khởi thấy hiểu như thế, toàn là cảnh pháp, có chỗ lặn mất thì lặn mất ắt có nơi. Thân chứng là chứng đến tận nơi. Nếu cái thấy hiểu mất thì phải có chỗ để cho nó mất.

Chỉ đối tất cả pháp không khởi thấy có không, tức là thấy pháp, quán các pháp như huyễn không thật thì cũng có cái "có không" đối đãi. Vì vậy nên biết rõ rằng các pháp không phải có không phải không, đừng cố chấp bên nào, như vậy mới là chỗ chân thật.

Thế nào là người trung căn, người thượng căn? Ví như chúng ta thấy cành hoa, phân biệt đẹp xấu rồi ưa ghét, đó là đang loạn tưởng đắm nhiễm. Bây giờ nếu quán cành hoa đó duyên hợp không thật, phân tích ra từng cánh tìm cái hoa không có. Như vậy tu quán để trừ chấp hoa thật, hoa đẹp v.v..., từ từ tâm yên. Người quán thế ấy thuộc hạng trung căn. Nếu người thượng căn thấy cành hoa là cành hoa, không phân biệt đẹp xấu, thấy người là người, không phân biệt trắng đen, không cần khởi quán. Vì vừa khởi quán là trật rồi. Đối cảnh đẹp xấu không động tâm, đó là thật. Còn khởi quán để đừng dính mắc, đó là gỡ, là tu. Như vậy người tu trên phương tiện thuộc hàng trung căn, người nhìn thẳng tất cả các pháp bằng tâm chân thật không khởi quán thuộc về thượng căn.

Chúng ta bây giờ thấy hoa có quán hư giả hay thấy hoa trầm trồ đẹp xấu? Nếu thấy hoa trầm trồ đẹp xấu, đó là tâm của ai? Của phàm phu. Còn nếu thấy hoa biết là duyên hợp hư giả không thật, đó là trí quán của hàng trung căn. Vì để phá chấp phàm phu cho nên dạy quán. Còn nếu người thấy hoa là hoa, không cần dạy quán gì nữa. Dạy là thêm bệnh, tức thịt lành khoét thành thương tích. Hiểu rõ chỗ này mới thấy ý nghĩa đạo lý thâm trầm, không hiểu chúng ta tu dễ bị lầm lẫn.

Chánh văn:

Từ đại sư Đạt-ma đến Trung Quốc chỉ nói một tâm, chỉ truyền một pháp. Lấy Phật truyền Phật

chẳng nói Phật khác, lấy pháp truyền pháp chẳng nói pháp khác. Pháp tức là pháp không thể nói, Phật tức là Phật không thể thủ, mới là tâm bản nguyên thanh tịnh vậy. Chỉ một việc này thật, có hai cái khác thì chẳng phải chân.

Giảng:

Tổ Đạt-ma sang Trung Quốc truyền đạo, *chỉ nói một tâm chỉ truyền một pháp*. Tại sao nói một tâm? Tại sao nói một pháp? Vì Tổ chỉ cho chúng ta nhận ra bản tâm, đó là một tâm. Phương tiện chỉ tâm cho mình nhận ra, đó là một pháp. Chỉ một tâm chỉ một pháp, vì tâm đó là thể của muôn pháp nên cũng là một pháp chứ không khác. Nên nói truyền một tâm một pháp, không nói gì khác.

Khi tới vua Lương Võ Đế, Vua hỏi: "Trẫm làm tất cả việc như cất chùa nuôi tăng v.v... như vậy có công đức không?" Tổ đáp: "Không." Nếu bây giờ chúng ta gặp Vua hỏi thì đáp thế nào, có ai dám nói như Tổ không? Chắc là không, mà còn tán thán "Bệ hạ làm như vậy phước đức vô lượng vô biên...", vì sợ mất lòng Vua. Tổ nói thẳng "không công đức", đó là tát một gáo nước lạnh vô mặt Vua, không sợ mất lòng gì cả, đó là vì Tổ muốn truyền một pháp thôi, ngoài ra không muốn gì khác. Khi Vua hỏi: "Thánh đế đệ nhất nghĩa thế nào?" Ngài đáp: "Rỗng thênh không thánh." Thế là làm phật ý vua Lương hoàn toàn, nên không thể truyền đạo được ở đây. Đối với Tổ còn thánh phàm là hai, nên ngài nói chỗ tột "rỗng thênh không thánh", không có cái thứ hai. Biết cơ duyên truyền đạo tại đây không được, Tổ đi nơi khác.

Như vậy để hiểu người xưa truyền đạo rất trung thành với pháp của mình được, chỉ thẳng pháp đó, không nói pháp khác. Ngày nay chúng ta phương tiện nhiều quá, riết rồi xin xăm bói quẻ cũng phương tiện luôn. Tại sao? Vì có tiền, rốt cuộc không còn đạo nữa.

Pháp tức là pháp không thể nói, Phật tức là Phật không thể thủ, mới là tâm bản nguyên thanh tịnh vậy. Tâm bản nguyên là pháp không thể nói, Phật không thể thủ. *Chỉ một việc này thật, có hai cái khác thì chẳng phải chân.* Chỉ một là thật, còn hai không phải chân. Kinh Pháp Hoa nói chỉ một Phật thừa, hai chẳng phải chân. Như vậy tâm chân thật ấy không hai.

Chánh văn:

Bát-nhã là tuệ, tuệ này tức là bản tâm vô tướng. Phàm phu không đến đạo, chỉ buông lung sáu tình là đi trong sáu đạo. Người học đạo một niệm chấp sanh tử liền rơi vào ma đạo; một niệm khởi các kiến (các thứ thấy biết khác) liền rơi vào ngoại đạo; thấy có sanh tiến đến diệt liền rơi vào Thanh văn đạo; chẳng thấy có sanh chỉ thấy có diệt liền rơi vào Duyên giác đạo; không khởi cái thấy có hai, chẳng chán chẳng ưa, tất cả các pháp chỉ là một tâm, nhiên hậu mới là Phật thừa.

Giảng:

Thấy có hai thì còn mắc kẹt hai bên, người học đạo còn chấp sanh tử thì rơi vào ma đạo. Người học đạo *buông lung sáu tình thì đi trong sáu đạo.* Sáu tình là sáu căn.

Buông lung sáu căn chạy theo sáu trần thì đi trong sáu đường sanh tử. Nếu *học đạo mà một niệm chấp sanh tử thật liền rơi vào đường ma. Một niệm khởi các kiến rơi vào ngoại đạo,* kiến chấp thế này thế kia. *Thấy có sanh tiến tới diệt là rơi vào Thanh văn,* nghĩa là thấy cái này sanh lần lần diệt, nó vô thường. *Chẳng thấy có sanh chỉ thấy có diệt là rơi vào Duyên giác đạo,* tức là thấy các pháp do duyên hợp, sanh không thật sanh, chỉ đủ duyên nó tụ, hết duyên nó tan, đó là Duyên giác đạo.

Không khởi cái thấy có hai, chẳng chán chẳng ưa, tất cả các pháp chỉ là một tâm, nhiên hậu mới là Phật thừa. Chỉ tất cả pháp là một tâm, đó mới là Phật thừa. Học đạo chỉ biết đến chỗ cứu cánh là một tâm không có gì khác thì thật đơn giản. Còn học phân biệt Thanh văn bao nhiêu hạng, Bồ-tát bao nhiêu hạng, cực quá. Ở đây nói thẳng chỉ đi tới chỗ cứu cánh là Phật thôi. Muốn cứu cánh là Phật thì không hai, không ưa không ghét... Đó là chỗ chân thật cứu cánh.

Chúng ta thấy lời chỉ dạy của tổ Hoàng Bá rất thâm thiết, rất sâu kín. Thấy tường tận như vậy thì trên đường tu không khó.

Chánh văn:

Phàm phu đều theo cảnh sanh tâm, tâm bèn ưa chán. Nếu muốn không cảnh phải quên tâm ấy. Tâm quên tức là cảnh không, cảnh không tức là tâm diệt. Nếu không quên tâm mà chỉ trừ cảnh thì cảnh không thể trừ, càng thêm lăng xăng. Cho nên muôn pháp chỉ là tâm, tâm cũng không thể được,

lại cầu cái gì? Người học Bát-nhã không thấy một pháp có thể được, dứt ý nơi tam thừa, chỉ một chân thật không thể chứng được. Bảo là ta hay chứng hay đắc đều là người tăng thượng mạn. Trên hội Pháp Hoa phủi áo ra đi, đều là bọn người này. Phật nói: "Ta đối với Bồ-đề thật không sở đắc", thầm khế hội mà thôi.

Giảng:

Phàm phu đều theo cảnh sanh tâm, sanh tâm bèn ưa chán. Nếu muốn không cảnh thì phải quên tâm ấy, nghĩa là quên tâm đuổi theo cảnh. *Tâm quên tức cảnh không,* nếu quên tâm không dấy chạy theo cảnh thì cảnh tự không, cảnh tự không thì tâm cũng diệt. *Nếu không quên tâm mà chỉ trừ cảnh, cảnh không thể trừ, càng thêm lăng xăng.* Bệnh người tu bây giờ là vậy, không muốn quên tâm mà muốn dẹp cảnh. Muốn vô hang núi tu một mình để đừng thấy ai hết, đó là quên tâm hay dẹp cảnh? Chắc gì ngồi trong hang núi mà không suy nghĩ. Nhiều khi ngồi hang núi lại muốn chạy ra ngoài, cho nên cái đó không phải gốc, gốc là phải quên tâm, quên tâm tự nhiên cảnh diệt. Như vậy mới là người biết tu.

Cho nên muôn pháp chỉ là tâm, muôn pháp sanh vì tâm dấy niệm chạy theo. Tâm chạy theo cảnh không có thật. Pháp không thật, tâm không thật thì cầu cái gì? Thế nên *người học Bát-nhã không thấy một pháp có thể được,* vì không một pháp thật. *Dứt ý nơi tam thừa, chỉ một chân thật không thể chứng được,* cái chân thật đó sẵn có, không nói chứng nói đắc.

Bảo là ta hay chứng hay đắc đều là người tăng thượng mạn, bây giờ lắm người tu hay khoe, "Tôi chứng cái này đắc cái kia..." Tổ dạy thật rõ: không có cái để chứng, không có cái để đắc. Tại sao? Vì cái sẵn của mình thì làm sao nói chứng nói đắc được. Cho nên đến chỗ chân thật này Phật dạy: *Ta đối với Bồ-đề thật không sở đắc.* Ngài đối với Bồ-đề thật không sở đắc mà người ta nói ngài đắc Bồ-đề. Đọc kinh nhiều khi chúng ta thấy mâu thuẫn, như kinh Bát-nhã nói "dĩ vô sở đắc cố" nghĩa là không có sở đắc. Từ "Bồ-đề-tát-đỏa y Bát-nhã ba-la-mật-đa... chư Phật y Bát-nhã ba-la-mật-đa... đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác", nghĩa là đắc hết. Đoạn trước thì không sở đắc, đoạn sau lại đắc, như vậy là sao? *Vô sở đắc* vì tất cả pháp đều hư dối, do biết tất cả pháp hư dối nên chúng ta đầy đủ tam minh lục thông, tứ vô sở úy, đó là đắc; không đắc mà đắc. Còn nếu thấy tất cả pháp thật, thì không đạt được gì hết. Hiểu như vậy mới thấy kinh nói dường như mâu thuẫn mà không mâu thuẫn. Phật không được Bồ-đề mà thật tình ngài đã thành Chánh đẳng chánh giác.

Chánh văn:

Phàm nhân khi sắp mạng chung chỉ quán năm uẩn đều không, bốn đại vô ngã, chân tâm không tướng, chẳng đi chẳng đến, khi sanh tánh cũng chẳng đến, khi tử tánh cũng chẳng đi, yên lặng tròn bặt, tâm cảnh nhất như. Chỉ hay quán như thế liền đó chóng liễu ngộ, chẳng bị ba đời ràng buộc bèn là người xuất thế.

Giảng:

Người tu thiền khi sắp lâm chung phải làm sao? Ngài dạy: *Chỉ quán năm uẩn đều không, bốn đại vô ngã* như trong kinh Bát-nhã. *Chân tâm không tướng, chẳng đi chẳng đến, khi sanh tánh cũng chẳng đến, khi tử tánh cũng chẳng đi, yên lặng tròn bặt, tâm cảnh nhất như.*

Nói rằng *quán năm uẩn đều không, bốn đại vô ngã* điều này nhiều người quán được. Nhưng tới *chân tâm không tướng, chẳng đi chẳng đến* làm sao biết? Đã không biết, vì sao nói chân tâm không tướng, chẳng đi chẳng đến, khi sanh tánh cũng chẳng đến, khi tử tánh cũng chẳng đi? Không biết mình có chân tâm mà bảo quán chân tâm làm sao quán? Đó là một vấn đề.

Ai cũng nói có chân tâm, mà nó hiện lúc nào ra sao lại không biết. Khi đọc kinh sách tưởng như mình hiểu, thực ra chỉ hiểu trên danh từ thôi, chứ thực chất chưa nắm được. Quý vị muốn thấy chân tâm thì phải dùng trí tuệ sẵn có muôn đời của mình mà nhận. Thường mọi người luôn lấy ý thức sanh diệt làm tâm mình. Như vậy tất cả nghĩ phải nghĩ quấy, nghĩ hơn nghĩ thua, nghĩ tốt nghĩ xấu v.v... đều cho là tâm mình. Người nào nghĩ khéo, nghĩ trúng thì khen tâm họ sáng, ai nghĩ trật nghĩ sai thì nói tâm họ mù mịt, đần độn quá.

Trăm người như một đều nhận suy nghĩ phân biệt đối đãi làm tâm mình, không biết đó là tâm động, tâm sanh diệt. Nó đâu có nghĩ hoài một việc mà thay đổi luôn luôn. Nó là động là sanh diệt mà chúng ta nhận là tâm mình, nhận thân tứ đại sanh diệt làm thân mình thì đang sống với cái gì? Sống với cái tạm bợ,

hư dối sanh diệt. Đã lấy tạm bợ hư dối sanh diệt là mình, thì cái này hoại bám cái khác, cái khác hoại bám cái khác nữa, liên tục cho nên tiếp tục trong vòng sanh tử không cùng tận. Đó là nỗi khổ của chúng sanh, cứ như vậy triền miên sanh tử kiếp kiếp đời đời không dừng được. Cho nên đức Phật hết sức thương xót.

Ngày nay chúng ta tu muốn thoát ly sanh tử, mà cứ bám vào thân tâm sanh diệt ấy, làm sao thoát ly được. Như người muốn qua sông lớn mà nương chiếc xuồng lủng, chiếc ghe bể thì sao? Chết chìm. Muốn qua sông lớn ít ra cũng có thuyền chắc hay tàu lớn, cái không bền chắc mà dùng vượt sông biển thì không thế nào được. Tu hành cũng vậy, chúng ta phải biết cái gì là chân tâm, cái gì là vọng tâm hư dối. Nắm vững để chúng ta không bị kẹt trong tướng sanh diệt, mà nhận lấy cái bất sanh bất diệt, nhà Phật gọi là Niết-bàn. Chân tâm là nhân của Niết-bàn sẵn có nơi mỗi người, mà không ai chịu nhận. Thật đáng tiếc.

Lục Tổ hỏi ngài Huệ Minh: "Không nghĩ thiện không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?" Đó là ngài đã chỉ chân tâm cho thượng tọa Minh rồi. Chúng ta cứ nói tâm chân tâm vọng mà hỏi tâm là gì cũng không biết, cứ cho suy nghĩ hai bên là tâm. Sự thật ngài Khuê Phong định nghĩa rõ ràng "Tâm là cái biết". Cái biết nào thuộc về hư dối sanh diệt gọi là biết vọng. Cái biết không sanh không diệt là biết chân. Cái biết nghĩ phải nghĩ quấy, nghĩ hơn nghĩ thua là cái biết sanh diệt. Không dùng cái biết sanh diệt, mình vẫn biết, đó là chân.

Vì chúng ta không gan dạ, không dám nhìn thẳng để nhận ra cái thật, cứ chạy theo những dấy nghĩ cho là tâm mình nên quên mất cái thường biết lặng lẽ. Như vậy có tủi không? Chúng ta quả tang là chàng bất hiếu cùng tử, ông cha sung sướng giàu có mà bỏ chạy tha hương, tới chừng thức tỉnh mới tìm trở về. Đâu phải cha đuổi mà chính mình bỏ nhà đi hoang. Cũng thế, chân tâm hiện giờ ai cũng có, mà không chịu nhận. Vì vậy chúng ta ngồi thiền để dừng nghĩ phải nghĩ quấy, dừng vọng tâm. Vọng tâm dừng lúc đó chân tâm hiện ra. Biết tất cả đó là tâm, mà không động.

Các vị Tổ hồi xưa nói "đêm đêm ôm Phật ngủ", ôm ông Phật ngủ mà không nhớ Phật, lại gác tay gác chân đè Phật, "ngày ngày cùng Phật đi", mà không thèm ngó ngàng tới Phật, toàn là ngó theo chúng sanh. Thấy cây dù xanh lo nhìn cây dù xanh, thấy chậu hoa đỏ lo nhìn chậu hoa đỏ, cứ phân biệt theo cảnh bên ngoài, không nhớ mình có ông Phật đang đi theo đây. Bởi vậy đi đứng nằm ngồi không rời chân tâm, mà chúng ta lại không bao giờ nhận nó, cứ nhận cảnh vật bên ngoài, trách gì không luân hồi muôn kiếp. Bây giờ muốn dừng luân hồi phải nhớ mình có tâm chân thật. Đó là cái không nghĩ suy tính toán, lặng lẽ thường biết hiện tiền. Diễn tả nó làm sao? Nó không là gì hết, vì không có hình dáng. Có hình dáng là tướng vô thường sanh diệt. Nó không phải vô thường sanh diệt nên không hình dáng mà hằng tri hằng giác.

Mỗi ngày chúng ta ngồi thiền là để sống lại với tâm thật của mình, không tìm cầu bên ngoài. Nhưng khổ nỗi

nhiều người ngồi thiền mong thấy hào quang, mà không biết chính tâm lăng xăng loạn tưởng dừng, luôn luôn tỉnh sáng, đó là tâm chân thật hiện tiền. Cho nên nói "ôm tâm chờ ngộ là sai." Có gì đâu phải chờ, chỉ cho bọn giặc lặng xuống, đừng rối loạn lăng xăng nữa thì cái thật hiện ra. Thiền sư lúc sống với đạo thường như ngu như ngây, khờ khạo. Khờ khạo với lanh lợi phân biệt, nhưng biết thấu tột cả vũ trụ nhân sinh, thấy tường tận cội gốc của nó. Còn chúng ta ngày nay lanh lợi quá, chỉ biết chuyện hơn thua phải quấy thôi, nên tu hoài vẫn không hết vô minh phiền não.

Chúng sanh quá khờ dại, những chuyện không có quyền can thiệp, không có quyền xử sự mà cứ muốn biết, còn cái thật đang sống với mình lại bỏ qua, đáng thương không? Vì vậy chư Phật Bồ-tát thị hiện ra đời là vì chúng sanh, muốn độ chúng thoát ly sanh tử. Thoát ly sanh tử không phải thân này, không phải tâm hơn thua phải quấy. Thoát ly sanh tử là nhận ra cái chân thật mà mình bỏ quên nên cứ trầm luân mãi. Phật thương nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu kinh điển, mà nào có mấy người hưởng ứng? Như tôi nói pháp mười năm nữa cũng vậy thôi. Nói qua rồi quý vị quên, chỉ nhớ chuyện bên Tây bên Tàu, chứ không nhớ mình có ông Phật chân thật ngay đây. Tu như vậy tới gần chết quýnh lên không biết mình ra sao? Tại vì cứ bám vào thân sanh diệt, tâm sanh diệt cho là mình, tới khi nó sắp hoại mất thì sợ sệt hoảng hốt. Còn biết mình sẵn tâm chân thật rồi thì thân tạm bợ này hoại diệt có sao đâu, việc gì phải khổ.

Cho nên các thiền sư cười trước khi chết, vì thấy thân là đồ bỏ không đáng giá chi, tạm mượn nó sống tu. Bây giờ hết duyên thì đi, các ngài xem nhẹ sự sống chết như thế. Chúng sanh ngược lại, cho thân là thật nên một lần mất nó là một lần đau khổ vô cùng. Chẳng những đau khổ vì mất nó, mà đau khổ không biết sẽ đi đâu. Tổ Quy Sơn nói: "Đường trước mờ mờ chưa biết về đâu?" Vì vậy chúng ta học đạo cốt để tu, đừng phụ bạc ông chủ mình nữa. Người nào đừng để tâm chạy ngược chạy xuôi, dừng nghỉ hết lăng xăng, tỉnh táo vui vẻ đó là người sống với chân tâm. Được như vậy người đó khi nhắm mắt đi với cái không sanh diệt tức là nhập Niết-bàn. Ngược lại cứ sống với phải quấy hơn thua thương ghét, thì đi với tâm sanh diệt tạo nghiệp, dẫn trong sáu nẻo luân hồi.

Bây giờ quý vị biết quán chân tâm là sao chưa? Quán chân tâm là biết rõ tất cả niệm khởi thuộc tướng sanh diệt, cái hằng giác hằng tri không dấy động là mình. Cứ nhớ bao nhiêu đó thì sống với ông chủ, ra đi tự tại, thảnh thơi biết mấy. Tổ bảo khi sắp mạng chung chỉ quán năm uẩn không thật, bốn đại vô ngã. Cái hằng tri giác không sanh không diệt nên khi sanh tánh nó không đến, khi tử tánh nó không đi, yên lặng tròn bặt, tâm cảnh nhất như.

Người nào *quán được như vậy thì liền chóng liễu ngộ, chẳng bị ba đời ràng buộc, bèn là người xuất thế.* Bao nhiêu kinh điển đều chỉ một đoạn này, người thấy được đường tu thì rất gần. Nếu người còn đa mang tâm

sanh diệt, luyến tiếc tướng tứ đại thì đi theo chiều sanh diệt. Còn người biết những thứ đó hư giả, chỉ nhớ tâm hiện tiền hằng tri giác bất sanh bất diệt của mình, đó là người xuất thế tức giải thoát vậy.

Chánh văn:

Dù người không được ít phần thú hướng, nếu thấy tướng lành, chư Phật đến đón và các thứ hiện trước cũng không khởi tâm đi theo; nếu thấy tướng dữ và các thứ hiện trước cũng không sanh tâm kinh sợ; chỉ tự quên tâm đồng với pháp giới liền được tự tại, đây tức là điều thiết yếu vậy.

Giảng:

Chỗ này rất khó. Ai nhắm mắt gần chết, thấy Phật đến đón mà không mừng! Hầu như người tu nào cũng mơ ước được Phật đón. Nhưng ở đây dạy *nếu thấy tướng lành chư Phật đến đón và các thứ hiện trước cũng không khởi tâm đi theo.* Phật rước cũng không đi. Tại sao vậy? Vì muốn ra khỏi sanh tử nên không đi theo các tướng trạng bên ngoài, dù đó là tướng Phật. Nếu theo Phật cũng còn sanh trong hoa sen. Muốn đi thẳng tới chỗ vô sanh, thì không theo ai kể cả Phật, huống nữa là Thánh Thần hay những người thân yêu.

Các thứ hiện trước cũng không khởi tâm đi theo, các thứ hiện trước là thân tộc bà con, anh em cha mẹ đón cũng không đi. Điều này khó số một. Đa số quý vị thấy bà con thân tộc là mừng rỡ, nói gì đến đón mình. Cho nên nếu không khéo tu, lúc sắp mất đi theo những

hình ảnh này là tiếp tục thọ thân sau, có khi ma quỷ giả hình, dẫn người chết đi vào cảnh giới của chúng, chịu khổ không thể lường.

Đến khó số hai. *Nếu thấy tướng dữ và các thứ hiện trước cũng không sanh tâm kinh sợ.* Thấy những tướng dữ tức như thấy cọp rượt, cá sấu đuổi v.v... cũng không sợ. Tóm lại thấy tướng lành không theo, thấy tướng dữ không sợ.

Chỉ tự quên tâm đồng với pháp giới liền được tự tại, đây tức là thiết yếu vậy. Quên tâm là quên tâm sanh diệt, tâm thương tâm ghét. Nếu còn tâm ấy thì thấy thân nhân tới đón mừng nên đi theo, tâm sợ thì thấy quỷ sứ dọa nạt, chúng chỉ đâu liền hoảng sợ chạy theo đường đó. Thấy đồng pháp giới tức trùm khắp, bất sanh bất diệt liền được tự tại. Đây là thiết yếu, tức điểm then chốt của sự tu hành. Đó là những điều người tu phải biết, mới không sợ khi nhắm mắt bị rơi vào đường tà. Như vậy cả hai thứ, vui theo tướng lành thì sanh cõi lành, sợ tướng dữ chạy trốn thì bị sanh chỗ dữ, đều đi trong con đường sanh tử. Chỉ nhớ tâm thênh thang không hình không tướng, không sanh không diệt, không sợ hãi, luôn tỉnh táo sáng suốt thì giải thoát an vui.

Chánh văn:

Nói Hóa thành đó, Nhị thừa và Thập địa, Đẳng giác Diệu giác, đều là giáo quyền lập để tiếp dẫn, thảy là Hóa thành.

Giảng:

Đây dẫn kinh Pháp Hoa, nói Hóa thành là chỉ cho Nhị thừa, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác, đi từng bậc từng bậc *đều là giáo quyền lập*. Giáo quyền lập là giáo lý tạm lập để tiếp dẫn người, có thứ bậc cho dễ đi dễ tiến vậy thôi. Như Bộ giáo dục muốn thúc đẩy học sinh học cho giỏi nên mỗi năm tổ chức thi lên cấp. Từ cấp Tiểu học lên Trung học, Đại học rồi Tiến sĩ gì gì đó, ấy là thật lập hay quyền lập? Quyền lập như thế để đo sự hiểu biết của chúng ta qua những năm học, lập ra thứ bậc để thúc đẩy nhắc nhở sự tiến bộ trong học vấn, mục đích vì muốn chúng ta biết sâu hiểu rộng, làm lợi ích cho mọi người. Đó là mục đích phương tiện lập có thứ bậc.

Cũng vậy đạo Phật muốn dạy chúng sanh tu hành để được giác ngộ thành Phật. Giác ngộ thành Phật là thế nào? Là trở lại sống thực với tâm bất sanh bất diệt hằng tri hằng giác của mình, gọi là chân tâm hay Phật tánh. Sống được với chân tâm là bước vào cảnh giới chư Phật. Nhưng nói sống với chân tâm Phật tánh, người ta nghe cao xa quá, nên Phật dạy tu hạnh này được quả bậc Thanh văn, tu hạnh này được quả bậc Duyên giác, rồi giác được phần nào là Bồ-tát Sơ địa, Bồ-tát Nhị địa v.v... tới cuối cùng cũng trở lại chân tâm Phật tánh. Như vậy giáo lý đó là phương tiện quyền lập, còn chỗ chân thật không hai. Hiểu như vậy chúng ta mới thấy trong kinh Pháp Hoa nói Hóa thành là phương tiện quyền lập, nói Bảo sở là chỉ chân tâm Phật tánh. Chỗ đó không đối đãi nên nói không Phật, không chúng sanh, không còn tình lượng, không còn kiến lập. Nói Bảo sở là chỗ quý báu, tức chỉ thẳng chân tâm Phật tánh.

Chánh văn:

Nói Bảo sở đó là bảo chân tâm bản Phật tự tánh, cái bảo này không thuộc về tình lượng, không thể kiến lập, không Phật không chúng sanh, không năng không sở, chỗ nào có thành? Nếu hỏi, đây đã là Hóa thành; chỗ nào là Bảo sở? Bảo sở không thể chỉ, chỉ tức có chỗ nơi, không phải là chân Bảo sở. Cho nên nói "ở gần" mà thôi. Không thể định lượng nơi đó, chỉ chính đây khế hội là phải.

Giảng:

Hỏi Bảo sở chỗ nào, Phật nói "ở gần", các thiền sư nói "ở dưới gót chân ông". Chữ *Hóa thành* trong kinh Pháp Hoa là chỉ cho tu hành có thứ bậc từ thấp lên cao, còn *Bảo sở* là chỉ thẳng cho chúng ta biết cái thật nằm ngay nơi mỗi người, không ở đâu xa. Chúng ta tu là để trở về cái thật của mình, đây là con đường gần nhất. Nếu đi thứ bậc thì hơi xa, hơi quanh co. Bởi vậy chỗ thật này chỉ khéo khế hội là được.

Chánh văn:

Nói xiển-đề đó, lòng tin không đủ vậy. Tất cả chúng sanh trong sáu đạo cho đến Nhị thừa không tin có Phật quả, đều gọi là Đoạn thiện căn xiển-đề. Bồ-tát đó, tin sâu có Phật pháp, không thấy có đại thừa tiểu thừa, Phật cùng chúng sanh đồng một pháp tánh, gọi là Thiện căn xiển-đề.

Giảng:

Chữ xiển-đề là lược phiên âm tiếng Phạn (Icchāntika - Nhất-xiển-đề-ca), nghĩa là *người không đủ*

lòng tin. Không đủ lòng tin thế nào? Như những chúng sanh đi trong lục đạo luân hồi không đủ lòng tin mình có tánh Phật, *cho tới hàng Nhị thừa không tin có Phật quả.* Các ngài tu chứng Diệt tận định là nhập Niết-bàn, không nói lên Phật quả, cho nên những hạng này gọi là *đoạn thiện căn xiển-đề,* tức do không tin làm mất căn lành. Còn Bồ-tát tin sâu Phật pháp, *không thấy có Tiểu thừa Đại thừa* riêng, thấy tất cả chúng sanh đồng có tánh Phật, *đồng một pháp tánh,* gọi đó là Thiện căn xiển-đề, nghĩa là không tin mà không tin do có căn lành.

Chánh văn:

Đại để, nhân nghe giáo mà ngộ gọi là Thanh văn, quán nhân duyên mà ngộ gọi là Duyên giác. Nếu không hướng trong tâm mình mà ngộ, tuy đến thành Phật cũng gọi là Phật Thanh văn. Người học đạo phần nhiều đối trên giáo pháp mà ngộ, không ở trên tâm pháp mà ngộ, tuy trải nhiều kiếp tu hành trọn không phải là bản Phật. Nếu không nơi tâm mà ngộ, chỉ đối trên giáo pháp mà ngộ tức là khinh tâm trọng giáo, bèn thành theo khối (theo hình tướng) mà quên bản tâm. Cho nên chỉ khế hội bản tâm, chẳng cần cầu pháp, tâm tức là pháp vậy.

Giảng:

Chúng ta tu có hai cách. Một là y nơi pháp của Phật dạy, nghe quán chiếu rồi tu, gọi đó là Thanh văn. Thấy các pháp duyên sanh quán chiếu mà tu, gọi đó là Duyên giác. Nhưng nếu chỉ nương theo pháp của Phật dạy tu mà không nhận ra tâm mình, gọi đó là quên tâm

cầu Phật, hay quên tâm pháp mà chạy theo giáo pháp. Tu như vậy không thấy được ông Phật gốc của mình. *Nếu không nơi tâm ngộ, chỉ đối trên giáo pháp ngộ tức là khinh tâm trọng giáo.* Người khinh tâm trọng giáo là chạy theo hình tướng, quên mất bản tâm.

Cho nên chỉ khế hội bản tâm, chẳng cần cầu pháp, tâm tức là pháp vậy. Ai nhận được bản tâm, người đó trở lại gốc ngay nơi mình, không chạy ra ngoài. Đa số chúng ta ngày nay tu theo pháp, ít nhận tâm, vì vậy có lỗi khinh tâm trọng pháp. Mà pháp của Phật nói cốt chỉ cái gì? Chỉ tâm. Bây giờ mình trọng pháp quên tâm tức là chạy theo ngọn mà quên gốc.

Bao nhiêu kinh điển đức Phật dạy đều chỉ cho chúng ta nhận ra bản tâm là tánh giác hằng hữu của mình, từ đó tu mới thành Phật. Chúng ta không chịu nhận, chỉ chạy theo kinh điển học hết bộ này tới bộ nọ, khen bộ này hay bộ kia đặc biệt v.v... mà không biết tất cả bộ đều chỉ tâm của mình. Không nhận tâm lại đi nhận pháp, như vậy là khinh tâm trọng pháp. Trong kinh Phật dụ pháp như ngón tay chỉ mặt trăng. Mặt trăng là gì? Là chân tâm. Vì muốn chúng sanh nhận ra chân tâm nên Phật dạy giáo pháp, chúng sanh nương pháp để nhận. Bây giờ mình lại kẹt pháp không nhận ra tâm giống như người chỉ mặt trăng hướng tây, chúng ta không chịu ngó hướng tây để thấy mặt trăng, lại nhận đầu ngón tay, hài lòng với đầu ngón tay, cho đó là mặt trăng.

Người tu ngày nay giống hệt như vậy, thích tụng kinh, tụng bộ này qua bộ kia, như vậy là tu rồi đó. Phật dạy chúng ta tu để trở về tâm, không chịu trở về tâm

cứ lấy kinh đọc hoài, không khác người muốn thấy mặt trăng mà chỉ quý ngón tay, không nhìn đúng mặt trăng. Tu như vậy chừng nào thành Phật? Nói thẳng mếch lòng, mà không nói thì tội nghiệp. Gốc ở chỗ đó mà không chịu nhìn, chỉ bám ngọn ngành phương tiện, làm sao tu hành đến nơi đến chốn được.

Phật dạy cho mình nhận ra bản tâm để không còn chấp thân này là thật ngã, tâm chạy theo bóng dáng sáu trần là thật tâm. Nhờ không chấp thân chấp tâm mới trở về với thể thật sẵn có. Bây giờ cứ đọc hoài, nhưng hỏi kinh dạy gì thì không biết. Chỉ biết tụng kinh có phước vậy thôi, chứ không biết mình là cùng tử đã bỏ cha đi, bây giờ còn lang thang chưa nhận được cha già. Ông cha là chỉ tánh giác hằng hữu của mình. Quên tánh giác chạy theo sáu trần là cùng tử nên khổ sở nghèo nàn. Khi hối hận trở về tìm cha, về tới nhà rồi cũng không dám nhận cha nữa. Cũng thế, chúng ta tu pháp gì nhỏ nhỏ lần lên, chứ không dám đi thẳng. Đó là diễn đạt người mê quên mình theo cảnh vật. Nếu trở về thì chính cha đang sẵn chờ, nhưng gã cùng tử lại không dám nhận. Như chúng ta có Phật tánh sẵn mà lại than mất Phật. Có cái chân thật không chịu nhớ, rồi than sao sống khổ quá, chịu không nổi. Nhiều khi tâm suy nghĩ lanh lợi quá, hết nghĩ cái này tới nghĩ cái kia, tới giờ ngủ cũng cứ nghĩ hoài, ngủ không được than khổ quá. Tại sao khổ như vậy? Tại vì chạy theo nó quen rồi, bây giờ muốn dừng nghĩ không được, ngồi thiền bữa nào cũng nghĩ bậy nghĩ bạ. Tại sao nghĩ? Vì chứa chấp, nếu buông hết thì ngồi lại chỉ còn một tâm thanh tịnh sáng suốt, khỏe biết chừng nào. Sửa soạn ngủ thì buông hết

mọi việc, ngủ cho an ổn. Tất cả nỗi khổ là vì chúng ta đuổi theo vọng tưởng sanh diệt, bám vào bóng dáng sáu trần. Bây giờ buông hết trở về bản tâm tức là Niết-bàn bất sanh bất diệt, không tìm chỗ nào hết.

Chánh văn:

Phàm nhân phần nhiều bị cảnh ngại tâm, sự ngại lý, thường muốn trốn cảnh để an tâm, đuổi sự để còn lý, không biết chính là tâm ngại cảnh, lý ngại sự. Chỉ khiến tâm không, cảnh tự không, chỉ khiến lý lặng, sự tự lặng, chớ dụng tâm lộn ngược. Phàm nhân phần nhiều không chịu không tâm, sợ rơi vào không, chẳng biết tâm mình vốn không.

Giảng:

Chỗ này có một số người đang mắc kẹt, cứ cho rằng *cảnh ngại tâm*. Ở chùa đông người, kẻ hơn người thua kẻ phải người quấy, phiền nhiễu quá nên kiếm hang hốc chui vô tu một mình cho yên. Vì quý vị ấy nghĩ cảnh ngại tâm, nên tìm chỗ không có cảnh, tu sẽ hết ngại. Nào ngờ vô trong hang hốc lại có chướng ngại của hang hốc. Bây giờ hết gạo làm sao đây? Xách dù xuống núi, xin một ít gạo về, xin một lần đủ chưa? Chưa, lại xin nữa. Có gạo thì phải có nồi, có củi... đủ thứ hết. Chừng đó gặp cảnh không? Trên núi thiếu nước, không lẽ mình xách từ hũ từ hũ uống, thôi mua cái lu lớn chứa khá một chút. Lu lớn thì nhiều người khiêng, rủ bà con phụ đưa lên, từ đó lần lần họ tới thăm nom. Nhờ Phật tử tới có tiền mua gạo, thôi cũng tiếp. Bỏ cảnh chùa nhiều người, lên núi ở một mình, té ra càng nhiều hơn. Ở chùa chia ra

mười người, mình mất thì giờ chỉ một. Còn vô núi mình lãnh trọn cả mười, chừng đó phiền hơn nữa. Từ chấp cảnh tịnh biến thành trở ngại, ban đầu thấy dường như hay sau thành quá dở. Đó là chỗ lầm lẫn lớn.

Đến phần sự và lý. Nhiều người tu sợ *sự ngại lý* nên đuổi sự giữ lý. Vậy lý là gì, sự là gì? Thế gian thường thường ai nói chuyện nhiều, mình bảo người đó lý sự quá. Ví dụ tôi nói đồng hồ này đẹp xấu, vuông tròn... đó là nói về sự, về hình tướng. Còn lý của đồng hồ là gì? Có hai trường hợp, lý thường và lý đạo. Lý thường là đồng hồ không quý ở hình vuông hay tròn, mà quý ở chỗ nó chạy đúng giờ, nhờ đồng hồ chúng ta biết giờ. Lý đạo là đồng hồ giả tướng, do nhân duyên hợp tạm có, lý thật của nó là không. Cho nên Không chính là lý đạo.

Muốn tìm lý không, từ đâu mà tìm? Ngay nơi tướng đồng hồ thấy được lý không của nó, như vậy tướng đồng hồ có ngại gì lý đồng hồ? Tướng cái nhà có ngại gì lý cái nhà, tướng người ngại gì lý người. Ngay nơi sự mình thấu lý thì ở đâu cũng không ngại. Còn bỏ sự để tìm lý làm sao tìm được, như lý nhân duyên mà bỏ sự tướng làm sao biết nhân duyên. Phải ngay nơi sự nhận ra lý, đó là người khéo tu, còn sợ chạy trốn là không khéo. Người tu thường có hai bệnh, thứ nhất là sợ cảnh làm nhiễu loạn tâm, thứ hai sợ sự làm chướng ngại lý, nên bỏ sự tìm lý. Như vậy đều không thực tế, đều lầm cả.

Chỉ khiến tâm không, cảnh tự không, chỉ khiến lý lặng, sự tự lặng, chớ dụng tâm lộn ngược. Chỉ cần tâm không chạy theo cảnh thì ở đâu cũng là cảnh tốt, không có gì chướng ngại, chứ chẳng phải trốn vô hang sâu

mới tốt. Thời này người thích làm Phật sự thì ở thành thị, người muốn tu rục ưa chui vô hang ở một mình. Cả hai đều là bệnh. Chúng ta biết tu là tạo duyên cho mình nghiền ngẫm, thấu triệt lý đạo, thấu triệt lẽ chân thật của Phật dạy, đó là gốc. Tâm không dính với cảnh thì cảnh làm gì ngại tâm. Nếu tâm như như thì lý sự đâu chướng ngại nhau. Người bỏ cái này cầu cái kia là dụng tâm lộn ngược.

Phàm nhân phần nhiều không chịu không tâm, sợ rơi vào không, chẳng biết tâm mình vốn không. Đây là bệnh của người tu. Nhiều người ngồi thiền tới lúc tâm bặt hết lăng xăng, đâm hoảng không biết tâm mình đâu mất rồi. Tâm chân thật vốn không có lăng xăng, khi lăng xăng lặng thì tâm thật hiện tiền. Chúng ta thấy lăng xăng lặng, sao lại nói không tâm? Ngồi yên thấy rõ tâm lăng xăng đang bặt, tai vẫn nghe, mắt vẫn thấy, tại sao nói không tâm? Người hoảng lên nói mất tâm rồi, là vì không biết được lẽ thật. Cho nên nói *chẳng biết tâm mình vốn không.*

Chánh văn:

Người ngu trừ sự không trừ tâm, người trí trừ tâm không trừ sự. Bồ-tát tâm như hư không, tất cả đều xả, làm việc phước đức đều không tham trước.

Giảng:

Người ngu trừ sự không trừ tâm, người trí trừ tâm không trừ sự. Nhiều người nói nghe thấy thương, như bảo tôi tu rồi không đồng hồ, không cần giường tốt,

không cần đồ mới, thành ra ai cho đồ mới thì bỏ không mặc. Đó là chấp hình tướng, là trừ sự không trừ tâm. Đây thuộc người ngu không phải người trí. Người trí trừ tâm không trừ sự. Đừng để tâm mình nhiễm tốt xấu, không mong mỏi quý tiện, cái gì cũng được hết. Ai cho thì nhận, cần xài cứ xài, không nói quý tiện, đó là trừ tâm không trừ sự. Đây mới gọi là người trí.

Người biết tu rồi thì tùy duyên, cái gì đến thì nhận, tâm không mong cầu, không sợ không chê. Ai cho cái xấu không chê, cho cái tốt cũng không sợ, tâm an nhiên bình thường, như vậy mới đúng. Còn sợ cái này cầu cái kia là mắc kẹt, vì vậy Tổ quở *người ngu trừ sự không trừ tâm.* Người trí mặc áo tốt tâm không hãnh diện, không khoe với thiên hạ, nên không có lỗi. Nếu mặc áo rách để người ta thấy mình tu khổ hạnh, tu giỏi, đó là lỗi.

Ở đời người ta thường nhìn tướng mà không hiểu tâm. Người tu phải hiểu tâm mình, sự tướng bên ngoài không quan trọng. Đừng để tâm đòi hỏi cái tốt, cũng không có tâm sợ sệt cái tốt. Đừng để tâm khoe cái xấu, cũng đừng có tâm sợ cái xấu. Được lành mặc lành, được rách mặc rách, không để ý gì hết. Vô tâm như vậy sống thế nào cũng không tội. Nếu hữu tâm dụng ý thì có tội.

Bồ-tát tâm như hư không, tất cả đều xả, làm việc phước đức đều không tham trước. Tâm Bồ-tát như hư không rỗng rang vì tất cả đều xả, hơn thua phải quấy khen chê... xả hết. Làm việc phước đức đều không khoe không chấp, đó là không tham trước.

Chánh văn:

Nhưng xả có ba bậc: Trong ngoài thân tâm tất cả đều xả, ví như hư không, không có chỗ thủ trước, nhiên hậu tùy phương tiện làm lợi ích chúng sanh, năng sở đều quên, ấy là đại xả. Nếu một mặt hành đạo bủa đức, một mặt lại xả không có tâm mong cầu, ấy là trung xả. Nếu rộng tu các việc thiện có chỗ mong cầu, nghe pháp biết không, nên mới không trước, ấy là tiểu xả.

Giảng:

Xả có ba bậc: đại xả, trung xả và tiểu xả. Người làm tất cả việc tốt mà tâm như hư không, không chấp trước, năng sở đều quên đó là đại xả. Trong kinh thường gọi bố thí tam luân không tịch, người thí, vật thí, kẻ thọ thí đều không chấp, được vậy gọi là đại xả.

Nếu một mặt hành đạo bủa đức, một mặt lại xả không có tâm mong cầu, ấy là trung xả. Trường hợp này là một mặt hành đạo bủa đức, tức làm lợi ích cho mọi người, một mặt xả hết, không có tâm mong cầu, đó là trung xả.

Nếu rộng tu các việc thiện có chỗ mong cầu, nghe pháp biết không, nên mới không trước, ấy là tiểu xả. Người rộng tu các việc thiện, mong được phước đời sau, đó là mong cầu. Nhưng nghe pháp biết không nên như thế, mới không tham trước. Nghe pháp biết tất cả pháp tánh là không, không chấp trước. Nghĩa là ban đầu có mong cầu, sau tỉnh mới bỏ, đó là tiểu xả.

Đối với chúng ta, trong ba thứ tiểu xả còn khó huống là đại xả. Nên người học đạo tu hành phải biết thật kỹ, trên đường tu chúng ta đến đâu, làm gì cho hợp đạo lý. Đừng để tu mà đi trên đường không đúng chánh pháp.

Chánh văn:

Đại xả như cây đuốc sáng để ở trước, lại không có mê ngộ. Trung xả như cây đuốc sáng để một bên, hoặc sáng hoặc tối. Tiểu xả như cây đuốc sáng để phía sau, không thấy hầm hố. Cho nên, Bồ-tát tâm như hư không tất cả đều xả; quá khứ tâm không thể được là quá khứ xả, hiện tại tâm không thể được là hiện tại xả, vị lai tâm không thể được là vị lai xả. Nên nói "ba thời đều xả".

Giảng:

Cây đuốc sáng để ở trước nên không có phía nào tối, đó là Đại xả. Cây đuốc để một bên thì sáng được bên này, bên kia tối, đó là Trung xả. Cây đuốc để đàng sau, mình đi tới không thấy đường có thể trật chân. Vì còn đắm trước danh văn lợi dưỡng, tuy sau thức tỉnh, nhưng cũng muộn. Nên nói cây đuốc đốt để phía sau, có thể sụp hầm hố, đó là Tiểu xả.

Cho nên, Bồ-tát tâm như hư không tất cả đều xả; quá khứ tâm không thể được là quá khứ xả, hiện tại tâm không thể được là hiện tại xả, vị lai tâm không thể được là vị lai xả. Nên nói "ba thời đều xả". Quá khứ, hiện tại, vị lai tâm không thể được thì còn chấp gì nữa, rỗng rang sáng suốt nên "ba thời đều xả". Được vậy là đại xả.

Chánh văn:

Từ đức Như Lai trao pháp cho tổ Ca-diếp đến nay, lấy tâm ấn tâm, tâm tâm không khác. Ấn (con dấu) in trong hư không thì in không thành dấu. Ấn in nơi vật tức ấn không thành pháp. Cho nên lấy tâm ấn tâm, tâm tâm không khác. Năng ấn và sở ấn đều khó khế hội nên người được ít. Song, tâm tức vô tâm, được tức không được.

Giảng:

Chỗ này nói thẳng về các tổ Thiền tông. Từ đức Phật trao pháp cho tổ Ca-diếp là lấy tâm ấn tâm. Ấn như con dấu, nếu con dấu ấn trong hư không thì không thành dấu. Ấn tâm là sao? Tâm của người đệ tử thế nào, vị thầy thấy đúng như thế, đó là thừa nhận, là ấn tâm. Như vậy cái ấn ấy không phải in vào cây cối, mà in hẳn trong tâm. Ví dụ trong sinh hoạt, chúng ta hay nói "tôi đang suy tính việc này mà chưa ra, giờ muốn bàn với huynh đệ giúp đỡ". Khi đó có người đưa ra cách giải quyết đúng ý mình, chúng ta vui vẻ nói "đúng ý tôi rồi", đó cũng là ấn tâm, nhưng ấn tâm sanh diệt, không phải ấn tâm chân thật.

Tổ Huệ Khả sau khi được tổ Bồ-đề-đạt-ma dạy biết lối vào, ngài tự tu cho tới một hôm trình với tổ Đạt-ma: "Bạch Hòa thượng, con dứt hết các duyên." Tổ Đạt-ma sợ ngài lầm chỗ không tâm nên nói "coi chừng rơi vào không". Ngài liền nói "rõ ràng thường biết làm sao không được". Tổ bảo "chỗ đó chư Phật như thế, ta như thế, ông cũng như thế", đó là ấn tâm. Ấn chứng như vậy là dùng tâm ấn tâm, ấn mà không có năng ấn sở ấn.

Ngài nói: *Cho nên lấy tâm ấn tâm, tâm tâm không khác.* Tâm thầy và tâm trò không khác nhau.

Năng ấn và sở ấn đều khó khế hội nên người được ít. Vì năng ấn và sở ấn cũng không có, không thể được, chỉ hai bên in hệt nhau vậy thôi. Không phải thầy là năng ấn trò là sở ấn, vì nếu có năng cũng như có dấu ấn, có sở như có tờ giấy trắng để in xuống, chỗ này không năng sở gì hết. Đệ tử trình bày đúng như cái thấy của thầy. Thừa nhận như vậy là truyền tâm pháp ấn.

Chánh văn:

Phật có ba thân: pháp thân nói pháp tự tánh rỗng suốt, báo thân nói pháp tất cả thanh tịnh, hóa thân nói pháp lục độ vạn hạnh. Pháp thân nói pháp không thể dùng ngôn ngữ âm thanh hình tướng văn tự mà cầu, không có nói, không có chứng, tự tánh rỗng suốt mà thôi. Cho nên nói: "Không pháp có thể nói, ấy gọi là nói pháp." Báo thân, hóa thân đều tùy cơ cảm mà hiện, có nói pháp cũng tùy sự hợp cơ để vì nhiếp hóa đều không phải là chân pháp. Cho nên nói: "Báo, Hóa không phải chân Phật, cũng không phải nói pháp."

Giảng:

Kinh Kim Cang nói *"không pháp có thể nói, ấy gọi là nói pháp"* là chỉ cho pháp thân.

Báo thân, hóa thân đều tùy cơ cảm mà hiện, có nói pháp cũng tùy sự hợp cơ để vì nhiếp hóa đều không phải là chân pháp. Báo thân, hóa thân là phương tiện tùy cơ, không phải là chân pháp.

Cho nên nói: "Báo, Hóa không phải chân Phật, cũng không phải nói pháp." Như vậy báo thân, hóa thân nói pháp không phải là chân Phật, vì không thể nói thẳng được pháp thân.

Chánh văn:

Nói "đồng là một tinh minh phân làm sáu hòa hợp". Một tinh minh là một tâm. Sáu hòa hợp là sáu căn. Sáu căn này mỗi cái cùng trần hợp. Mắt cùng sắc hợp, tai cùng tiếng hợp, mũi cùng mùi hợp, lưỡi cùng vị hợp, thân cùng xúc hợp, ý cùng pháp hợp. Khoảng giữa sanh sáu thức là mười tám giới. Nếu rõ mười tám giới không thật có, trói sáu hòa hợp làm một tinh minh. Một tinh minh là tâm vậy. Người học đạo đều biết cái này. Chỉ không thể khỏi cái hiểu "một tinh minh và sáu hòa hợp", bèn bị pháp trói không thể khế hội bản tâm. Như Lai ra đời muốn nói nhất thừa chân pháp, ắt chúng sanh không tin sanh ra hủy báng chìm trong biển khổ, nếu hoàn toàn không nói thì mắc lỗi xan tham, chẳng vì chúng sanh chỉ dạy diệu đạo. Ngài bèn lập phương tiện nói có ba thừa, thừa có đại tiểu, được có cạn sâu đều không phải là bản pháp. Cho nên nói "chỉ có đạo nhất thừa, có hai chẳng phải chân". Nhưng, vẫn chưa có thể hiển bày một tâm pháp, cho nên triệu Ca-diếp đồng trong pháp tòa riêng trao một tâm pháp rời nói năng, một nhánh pháp này khiến riêng thực hành. Nếu người hay khế ngộ liền đến Phật địa.

Giảng:

Nói *một tinh minh sanh sáu hòa hợp,* đó là dẫn trong kinh Lăng-nghiêm. Phật dạy, chúng ta có tâm trong sáng, hiện ra ở mắt gọi là cái thấy ở mắt, hiện ra ở tai gọi là cái thấy ở tai v.v... Cái chân thật đều hiển lộ qua các căn. Cho nên ở đây bảo trói sáu căn trở về với một tinh minh, tức gom sáu căn về một tinh minh. Chỗ này nếu nói *một tinh minh sanh sáu hòa hợp* thì *bị pháp trói không thể khế hội bản tâm,* vì vậy chúng ta phải *trói sáu hòa hợp thành một tinh minh.* Chỗ này hết sức quan trọng, trên ngôn ngữ nghe thường nhưng trên sự tu lại tối quan trọng, trói lục hòa hợp thành nhất tinh minh. Đó là mình trói pháp, không để pháp trói mình.

Làm sao trói sáu hòa hợp thành một tinh minh? Khi mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm v.v... mỗi cái đều theo trần cảnh, vừa thấy liền khởi thức phân biệt, thành ra sáu căn, sáu trần, sáu thức hợp lại. Bây giờ trói sáu căn trở về một tinh minh là thấy nghe... sáu cái đều hoạt động, nhưng không cho dính cái gì hết. Chỉ sống với một tinh minh là thấy nghe đủ cả mà liễu liễu thường tri. Không để thức phân biệt cái này dính cái kia, như vậy là trói lại. Nếu trói sáu căn trở về một tinh minh là đến chỗ chân thật. Tinh minh thì đâu phải vô tri giác. Tổ Huệ Khả nói "tâm con dứt hết các duyên", là không dính các pháp bên ngoài tức ngài trói sáu căn không cho dính với sáu trần. Từ trói sáu căn không dính với sáu trần bị tổ Đạt-ma nói "coi chừng rơi vào không", ngài thưa "con rõ ràng thường biết, làm sao không được" tức là nhận một tinh minh rõ ràng thường biết, chứ đâu phải không.

Chúng ta ngày nay thích trói sáu căn hay thích thả sáu căn? Như ở đây nghe đàng kia có hoa thơm thì chịu ngồi đây hay đi tìm hoa? Hoặc đang ngồi đây mà nghe đàng kia có tiếng nhạc hay, lúc đó ngồi yên hay chạy lại coi nhạc gì vậy? Rõ ràng chúng ta thả sáu căn để cho sáu trần xỏ mũi dẫn đi. Nếu ngồi đây nghe mùi hoa thơm, nghe tiếng nhạc hay vẫn rõ ràng thường biết, không thèm dính không thèm chạy, đó là trói sáu căn trở về nhất tinh minh, hay trói sáu hòa hợp trở về nhất tinh minh. Nó hay chạy theo, bây giờ cột lại không cho chạy, đó là trói. Chúng ta tu là trói lục hòa hợp để trở về nhất tinh minh. Một tinh minh tức là một tâm. Nếu chúng ta nói một tinh minh sanh ra lục hòa hợp, đó là chạy theo pháp, bị pháp trói rồi.

Tất cả kinh điển đều là do *chư Phật lập phương tiện nói có ba thừa,* thừa lại có đại thừa tiểu thừa, *được có cạn sâu đều là chẳng phải là bản pháp*. Bản pháp là trói lục hòa hợp trở về nhất tinh minh. Cho nên dẫn kinh Pháp Hoa nói *"chỉ có đạo nhất thừa, có hai chẳng phải chân"*. Chân là chỉ có cái chân thật, còn thấy hai là đối đãi không phải chân. Trong bài Tín Tâm Minh tổ Tăng Xán kết thúc *"tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm"*, nếu tin tâm thì không hai, có hai là chưa tin tâm. Ở đây nói còn hai thì không phải chân. Chúng ta thấy kinh Phật với lời Tổ không khác, khít khao, rõ ràng nhưng vì chúng ta không hiểu nên chấp câu chấp lời, cho rằng Tổ dạy khác, Phật dạy khác; thật sự không phải như vậy.

Chánh văn:

Hỏi: Thế nào là đạo? Tu hành thế nào?

Đáp: Đạo là vật gì mà ông muốn tu hành?

Hỏi: Các nơi tông sư truyền nhau tham thiền học đạo là thế nào?

Đáp: Lời tiếp dẫn kẻ độn căn, chưa có thể y cứ.

Hỏi: Đây là lời tiếp dẫn kẻ độn căn, chưa biết tiếp dẫn người thượng căn lại nói pháp gì?

Đáp: Nếu là người thượng căn, tại sao lại đến người khác mà tìm, tự mình còn không thể được huống là riêng có pháp xứng tình. Không thấy trong kinh nói: "Pháp pháp hình trạng gì?"

Giảng:

Câu hỏi thứ nhất: *Thế nào là đạo? Tu hành thế nào?* Thông thường ai cũng hay hỏi câu này. *Đáp: Đạo là vật gì mà ông muốn tu hành?* Ở đây cần phải hiểu chữ *đạo* cho thật tường tận. Nhiều người cho rằng đạo là phương pháp là con đường. Nhưng sự thực, chữ đạo trong nhà thiền là chỉ cho tâm chân thật của chính mình. Thấy được, nhận được tâm chân thật gọi là thấy đạo hay đạt đạo. Tâm chân thật vốn của mình, đâu phải vật gì bên ngoài mà muốn tu hành. Tu là tu những thứ tạm bợ, giả dối. Nên Tổ trả lời *Đạo là vật gì mà ông muốn tu hành.* Như vậy chữ đạo ở đây chỉ cho tâm thể chân thật của chúng ta, nó sẵn có, chỉ đừng bị vọng duyên ngoại cảnh lôi cuốn thì đạo hiện tiền. Tu hành chẳng qua dẹp duyên là đủ.

Hỏi: Các nơi tông sư truyền nhau tham thiền học đạo là thế nào? Đáp: Lời tiếp dẫn kẻ độn căn, chưa có thể y cứ. Lâu nay chúng ta nói học đạo, nói thiền là nói với người nào? Nói với người độn căn. Độn căn là người không sáng. Vì vậy chúng ta đừng lấy đó làm chỗ y cứ.

Hỏi: Đây là lời tiếp dẫn kẻ độn căn, chưa biết tiếp dẫn người thượng căn lại nói pháp gì? Những câu nói tham thiền học đạo là tiếp dẫn kẻ độn căn, người thượng căn phải dạy làm sao?

Đáp: Nếu là người thượng căn, tại sao lại đến người khác mà tìm, tự mình còn không thể được huống là riêng có pháp xứng tình. Nếu người thượng căn thì không cần đến người khác tìm. Tại sao? Bởi vì thượng căn thì nhận ngay nơi tánh mình tâm mình là chỗ y cứ, là chỗ chân thật. Đã có chỗ y cứ còn đi tìm đâu nữa. Chính mình nhận ra còn không có sở đắc, huống nữa có pháp để mình được. Đối với người thượng căn thượng trí tu là trở lại với tâm tánh sẵn có của mình, đã là sẵn có thì còn tìm đâu nữa. Không tìm thì không có được, sở dĩ nói được là do tìm, tìm cái bên ngoài chứ không phải cái của mình, vì vậy nói *tự mình còn không có thể được huống là riêng có pháp xứng tình.* Xứng tình là hợp với mong muốn của mình. *Không thấy trong kinh nói: "Pháp pháp hình trạng gì?"* Tổ dẫn kinh để xác chứng ý này.

Chánh văn:

Hỏi: Nếu như vậy hoàn toàn không cần tìm kiếm?

Đáp: Nếu cùng mài thì sức tâm tỉnh giác.

Hỏi: Như thế thì lẫn thành đoạn tuyệt, không thể là không?

Đáp: Ai dạy kia không? Kia là cái gì ông nghĩ tìm kia?

Hỏi: Đã không cho tìm, cớ sao lại nói: "Chớ đoạn kia?"

Đáp: Nếu không tìm liền thôi, ai dạy ông đoạn? Ông thấy hư không ở trước mắt, làm thế nào để đoạn nó?

Giảng:

Hỏi: Nếu như vậy hoàn toàn không cần tìm kiếm? Đáp: Nếu cùng mài thì sức tâm tỉnh giác. Từ này nghe thật khó hiểu. Nếu cùng mài thì sức tâm tỉnh giác nghĩa là sao? Chỗ đó không phải tìm kiếm bên ngoài, nhưng biết mài biết giũa thì tâm tỉnh giác càng sáng. Vậy cái gì mài, cái gì giũa? Thật ra chúng ta không có gì để dụng công, nhưng trên thực tế vẫn hằng dụng công. Nghe như mâu thuẫn. Tại sao? Bởi vì nếu có dụng công, tất nhiên người dụng công và cái bị dụng công khác; còn ở đây mình tự tỉnh tự giác. Tất cả vọng tưởng phiền não dấy khởi, mình buông đi không theo, lúc đó dường như thấy có buông bỏ phiền não, mà thật ra phiền não không thật, cái thấy phiền não cũng không thật. Như vậy cả hai đều không thật. Do chúng ta tự tỉnh thấy nó không thật nên buông bỏ, chứ không phải thấy thật rồi cố mài giũa cho nó sạch.

Trong giai đoạn tu phải dụng công như thế, không thể nói tâm mình sẵn thanh tịnh là ta sống

thanh tịnh được. Rõ ràng bây giờ nó không chịu thanh tịnh, luôn nghĩ bậy nghĩ bạ đây. Nếu chúng ta để y nguyên như thế, thì nó nghĩ hoài làm sao dẹp được, nên phương tiện dùng sức tỉnh giác mài giũa nó. Khi nó lặng thì cái tỉnh giác cũng lặng theo. Vì vậy nói *"Nếu cùng mài thì sức tâm tỉnh giác"*.

Hỏi: Như thế thì lẫn thành đoạn tuyệt, không thể là không? Câu hỏi này rất có ý. Chúng ta mài giũa tới khi cả hai mòn hết thì thành đoạn tuyệt, chẳng lẽ tu tới không ngơ?

Đáp: Ai dạy kia không? Kia là cái gì ông nghĩ tìm kia? Ai dạy kia không, nghĩa là dạy tới chỗ cuối cùng là không. *Kia là cái gì ông nghĩ tìm kia?* Đó là cái thật của chính mình, chúng ta không thấy không nhận là do vọng tưởng điên đảo mờ ám che đậy, buộc lòng phải mài giũa. Mài giũa nó tiêu mòn dần, cái thật hiện ra, đâu nói là không được.

Hỏi: Đã không cho tìm, cớ sao lại nói "chớ đoạn kia"? Đáp: Nếu không tìm liền thôi, ai dạy ông đoạn? Ông thấy hư không ở trước mắt, làm thế nào để đoạn nó? Ở đây hỏi *đã không cho tìm, cớ sao lại nói "chớ đoạn kia"*, tức là chớ đoạn nó. Đáp *nếu không tìm liền thôi, ai dạy ông đoạn?* Ngừng tâm đuổi tìm là được, chứ nói gì đoạn. Vì thể tâm chân thật không tướng trạng nên dùng hình thức hư không để ví dụ. Hư không không có hình tướng làm sao đoạn, thể tâm cũng thế, làm sao đoạn được.

Chánh văn:

Hỏi: Pháp này có thể đồng với hư không chăng?

Đáp: Hư không sớm chiều đến, ông nói có đồng có khác với ta chăng? Chỉ tạm nói như thế, ông bèn nhắm vào nó mà sanh hiểu.

Hỏi: Lý ưng cùng người sanh hiểu chăng?

Đáp: Tôi không từng chướng ông, cốt cái hiểu thuộc về tình, tình sanh thì trí cách.

Hỏi: Ở trong đó chớ sanh tình phải chăng?

Đáp: Nếu không sanh tình ai nói là phải?

Giảng:

Hỏi: Pháp này có thể đồng với hư không chăng? Đáp: Hư không sớm chiều đến, ông nói có đồng có khác với ta chăng? Chỉ tạm nói như thế, ông bèn nhắm vào nó mà sanh hiểu. Trong hư không buổi sáng mặt trời lên thì thấy sáng, buổi chiều mặt trời lặn thì thấy tối, sáng tối là cảnh bên ngoài. Hư không không sáng tối, như vậy đồng khác với ta chăng? Hư không là vô tri, tánh giác là thường tri. Cái vô tri với cái thường tri mà hỏi đồng hỏi khác là sao? Đây chẳng qua tạm dùng hư không để ví dụ, ông bèn nhằm vào nó sanh hiểu, tưởng chỗ chân thật giống như hư không. Như vậy không đúng.

Hỏi: Lý ưng cùng người sanh hiểu chăng? Như vậy cho người sanh hiểu chăng? *Đáp: Tôi không từng chướng ông, cốt cái hiểu thuộc về tình, tình sanh thì trí cách.* Câu này đáp rất rõ ràng. Hỏi như vậy cho sanh hiểu không, ngài đáp tôi không từng chướng, không ngăn

không che ông, ông tự muốn hiểu thì cứ hiểu, nhưng cái hiểu thuộc về tình. Cho nên khi các thiền sư hỏi "hội không" thường đáp "chẳng hội". Chẳng hội mà được, còn nói hội thì ăn đòn. Chẳng hội là chẳng hiểu, bị vì hiểu tức là tình, mà tình sanh thì trí cách, không còn trí chân thật hiện tiền.

Chúng ta sống thường dùng tình nhiều hơn trí. Cái gì cũng đặt thức tình tìm hiểu, càng tìm hiểu thì trí chân thật càng lặn mất. Tu được định trí chân thật mới hiện ra. Đã định thì tình còn không? Tình hết. Tình hết trí mới hiện. Tìm hiểu thuộc về tình, càng hiểu tình càng sâu nên nói *tình sanh thì trí cách*.

Hỏi: Ở trong đó chớ sanh tình phải chăng? Đáp: Nếu không sanh tình ai nói là phải? Hỏi có phải không sanh tình chăng? Nếu còn thấy phải thấy quấy là còn tình. Nếu không sanh tình thì đừng nói phải quấy. Đây là chỗ đặc biệt.

Chánh văn:

Hỏi: Vừa nhằm chỗ Hòa thượng nói ra, là tại sao lại rơi vào nói năng?

Đáp: Ông tự là người không hiểu lời nói, có cái gì là rơi vào?

Hỏi: Từ trên đến đây nói nhiều như thế đều là lời phản lại, hoàn toàn chưa từng chỉ bày thật pháp cho người?

Đáp: Thật pháp không điên đảo, nay chỗ hỏi của ông tự sanh điên đảo, tìm thật pháp chỗ nào?

Hỏi: Đã là chỗ hỏi tự sanh điên đảo thì chỗ đáp của Hòa thượng thế nào?

Đáp: Ông hãy tự lấy gương soi mặt mình, chớ xem xét người khác. Chỉ giống như con chó ngu thấy có tiếng động là sủa, không phân biệt gió thổi hay cây cỏ động.

Giảng:

Hỏi: Vừa nhằm chỗ Hòa thượng nói ra, là tại sao lại rơi vào nói năng? Hòa thượng vừa mới nói, người nghe lặp lại, tại sao lại rơi vào chỗ nói năng? *Đáp: Ông tự là người không hiểu lời nói, có cái gì là rơi vào?* Ông không hiểu lời nói, chứ có gì rơi vào, chẳng qua là thấy với chưa thấy thôi, không có gì rơi vào hết.

Hỏi: Từ trên đến đây nói nhiều như thế đều là lời phản lại, hoàn toàn chưa từng chỉ bày thật pháp cho người? Đáp: Thật pháp không điên đảo, nay chỗ hỏi của ông tự sanh điên đảo, tìm thật pháp chỗ nào? Thật pháp là không điên đảo mà ông hỏi quanh hỏi co, hỏi phải hỏi quấy, đó là tự điên đảo rồi, làm sao thấy thật pháp.

Hỏi: Đã là chỗ hỏi tự sanh điên đảo thì chỗ đáp của Hòa thượng thế nào? Hỏi điên đảo thì chẳng lẽ Hòa thượng đáp cũng điên đảo luôn sao. *Đáp: Ông hãy tự lấy gương soi mặt mình, chớ xem xét người khác. Chỉ giống như con chó ngu thấy có tiếng động là sủa, không phân biệt gió thổi hay cây cỏ động.* Ở đây ngài dạy, ông hãy tự lấy gương soi mặt mình, đừng chạy theo lời nói, mạch văn của người. Nếu chạy theo người ta thì giống như con chó ngu thấy tiếng động là sủa, không biết gió hay cây.

Chánh văn:

Về Thiền tông tôi đây từ các bậc tiền bối trao truyền đến nay, không từng dạy người cầu hiểu cầu biết, chỉ nói "học đạo" là lời để tiếp dẫn. Nhưng, đạo cũng không thể học, còn nghĩ học hiểu trở thành mê đạo. Đạo không có chỗ nơi gọi tâm Đại thừa. Tâm này không ở trong, ngoài, chặng giữa, thật không có chỗ nơi, hay nhất là không được khởi hiểu biết.

Giảng:

Đứng về mặt Thiền tông, các bậc tiền bối trao truyền từ trước đến giờ, *không từng dạy người cầu hiểu cầu biết,* chỉ dạy người nhận ra, thấy liền thấy, không thấy thì thôi, chứ không cho cầu hiểu biết. *Học đạo* là lời nói để tiếp dẫn người sau thôi. *Nhưng đạo cũng không thể học. Còn nghĩ học hiểu trở thành mê đạo.* Tại sao? Lẽ ra học hiểu thì thông đạo, tại sao mê đạo? Vì càng học, càng hiểu càng trở thành trí suy luận, so sánh, đối chiếu. Mà so sánh đối chiếu thì xa đạo rồi.

Đạo không có chỗ nơi gọi tâm Đại thừa. Vì đạo không có chỗ nơi nên đạo chỉ cho tâm Đại thừa, tâm thênh thang rộng lớn của mình. *Tâm này không ở trong, ngoài, chặng giữa, thật không có chỗ nơi, hay nhất là không được khởi hiểu biết.* Tâm này không có chỗ nơi và đặc biệt muốn thấy muốn gần nó là đừng khởi hiểu biết. Vừa khởi hiểu biết liền cách xa.

Ngài nói đi nói lại, rốt cuộc cũng chỉ cho chúng ta thấy nơi mọi người có tâm thể chân thật, không cho

suy luận hiểu biết để mình nhận ra tâm ấy. Bởi vì phải lặng dừng tất cả suy luận, tâm ấy mới hiện. Vì vậy chúng ta tu muốn tâm chân thật hiển hiện phải dừng tất cả niệm lăng xăng, đối đãi, phân biệt.

Chánh văn:

Chỉ nói với ông chỗ tình lượng hiện nay, tình lượng nếu hết thì tâm không chỗ nơi. Đạo thiên chân này vốn không danh tự. Bởi vì thế gian không biết, mê ở trong tình. Cho nên chư Phật ra đời nói để phá việc này, sợ e các ông không rõ, quyền lập tên "Đạo". Không thể nhận tên sanh hiểu, nên nói "được cá quên nơm". Thân tâm tự nhiên đạt đạo biết tâm, đạt nguồn cội hiệu là Sa-môn. Quả Sa-môn là dứt duyên lự mà thành, không phải từ học mà được.

Giảng:

Chỉ nói với ông chỗ tình lượng hiện nay, tình lượng nếu hết thì tâm không chỗ nơi. Tình lượng tức là tâm suy luận hiểu biết. Nếu hết tâm suy luận hiểu biết thì tâm chân thật trùm khắp. Tâm suy luận hiểu biết luôn đặt trên danh tướng. Khi chúng ta phân biệt tên đó, chữ đó, nghĩa đó... là danh. Phân biệt hình này, tướng kia đẹp xấu... là tướng. Tất cả tình lượng phân biệt đều nằm trên danh tướng. Nếu danh tướng tình lượng lặng thì tâm thênh thang bủa khắp, đó là đạo.

Cho nên ở đây dùng chữ *"đạo thiên chân" này vốn không danh tự.* Tại sao nói đạo thiên chân? Thiên chân có hai cách hiểu. Thứ nhất, thiên chân là cái chân nghiêng

một bên. Thường thường nói thiên chân là chỗ đạt được của Nhị thừa, chỉ mới có một bên, chưa viên mãn. Thứ hai, thiên chân ở đây là cái chân thật sẵn có. Đạo sẵn có chân thật này vốn không danh tự. Nên đạo thiên chân tức là đạo sẵn có chân thật. Người thế gian không hiểu nên mê trong tình.

Cho nên chư Phật ra đời thì nói để phá việc này, sợ e các ông không rõ, quyền lập tên Đạo. Chúng ta sẵn có đạo chân thật, không tên tuổi không danh tự, người thế gian không biết mê lầm trong tình chấp. Cho nên chư Phật ra đời để phá chấp này, quyền lập tên "Đạo". *Không thể nhận tên sanh hiểu, nên nói "được cá quên nơm".* Chúng ta tu phải nhận ra chỗ chân thật, không nên sanh thêm hiểu biết phân biệt nào, vì vậy nói "được cá quên nơm". Như người cầm nơm đi nơm, cốt được cá chứ không phải được nơm, cho nên khi được cá thì quên nơm. Chúng ta cũng vậy, nhận ra đạo thì quên hết danh tự, dù danh tự Đạo cũng không còn. Nếu còn bám vào danh tự là còn giữ nơm mà không giữ cá.

Thân tâm tự nhiên đạt đạo biết tâm, đạt nguồn cội hiệu là Sa-môn. Sa-môn là gì? "Thức tâm đạt bản nguyên danh vi Sa-môn." Hiểu được tâm, đạt được nguồn cội gọi là Sa-môn. Người tu mà không hiểu tâm, không thấu suốt được nguồn cội thì chưa xứng là người tu. Vì vậy Tổ dẫn kinh Tứ Thập Nhị Chương nhắc câu này.

Quả Sa-môn là dứt duyên lự mà thành, không phải từ học mà được. Quả của Sa-môn có nhiều bậc. Ví dụ như tứ quả Sa-môn là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm,

A-la-hán. Riêng quả Sa-môn ở đây là quả đạt đạo tuyệt cao, không phải do tâm phân biệt so sánh đối đãi mà thành. Cho nên nói không phải học mà được.

Chánh văn:

Ông nay đem tâm cầu tâm, bên cạnh nhà người chỉ toan học lấy, có khi nào được. Người xưa tâm lanh lợi vừa nghe một câu bèn dứt học, cho nên nói là *"tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân"*. Người thời nay chỉ muốn được biết nhiều hiểu rộng, rộng cầu văn nghĩa, bảo là tu hành, không biết biết nhiều hiểu rộng trở thành bít lấp. Chỉ cần biết nhiều sánh với trẻ con ăn tô ăn sữa, trọn không biết tiêu cùng chẳng tiêu.

Giảng:

Nếu *đem tâm cầu tâm, có khi nào được.* Muốn được tâm chân thật tự mình phải buông hết mọi thứ phân biệt vọng lự, thì tâm chân thật hiện tiền. *Bên cạnh nhà người chỉ toan học lấy* là đến nhà các bậc thầy cầu mong chỉ dạy, như thế trọn chẳng thể được.

Người xưa tâm lanh lợi vừa nghe một câu bèn dứt học, cho nên nói là "tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân". Người xưa nghe một câu bèn dứt học, gọi là *tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân.* Ngài Huyền Giác nói câu này để nhắc chúng ta đến chỗ chân thật rồi không còn học là tuyệt học, vô vi là không còn mọi động tác, mọi suy luận. Được như thế gọi là nhàn đạo nhân, đạo nhân thảnh thơi không còn bận bịu việc gì.

Người thời nay chỉ muốn được biết nhiều hiểu rộng, rộng cầu văn nghĩa, bảo là tu hành, không biết biết nhiều hiểu rộng trở thành bít lấp. Tại sao biết nhiều hiểu rộng lại trở thành bít lấp? Bởi vì chúng ta học nhiều, nhớ nhiều thì càng che cái chân thật của chính mình, cho nên gọi là bít lấp. Nếu tâm trống rỗng không còn gì che đậy, tâm chân thật sẽ hiện ra.

Chỉ cần biết nhiều sánh với trẻ con ăn tô ăn sữa, trọn không biết tiêu cùng chẳng tiêu. Người muốn biết thật nhiều, thuộc lòng tam tạng kinh điển, giống như mấy đứa bé thích ăn bơ ăn sữa. Nó không biết ăn nhiều không tiêu sẽ thành bệnh. Chúng ta cũng vậy, cứ ngỡ rằng học nhiều hiểu rộng là hay, không ngờ chính học nhiều hiểu rộng lại trở thành bít lấp.

Chánh văn:

Người học đạo tam thừa đều giống như thế, chung gọi là ăn không tiêu. Nên nói "hiểu biết không tiêu đều là thuốc độc". Hoàn toàn nhằm trong sanh diệt mà lấy, trong chân như trọn không có việc này. Nên nói "trong kho vua của ta không có đạo như thế". Từ trước có tất cả chỗ hiểu biết cần phải dẹp sạch, khiến không, lại không phân biệt tức là Không Như Lai tạng.

Giảng:

Người học đạo tam thừa đều giống như thế, chung gọi là ăn không tiêu, học nhiều quá tiêu hóa không nổi gọi là ăn không tiêu. *Nên nói "hiểu biết không tiêu đều*

là thuốc độc", tất cả hiểu biết nhiều mà không tiêu hóa nổi thì trở thành thuốc độc. *Hoàn toàn nhằm trong sanh diệt mà lấy, trong chân như trọn không có việc này,* học hiểu tìm kiếm phân biệt... tất cả những thứ ấy đều nằm trong sanh diệt, không phải thể chân như. *Nên nói "trong kho vua của ta không có đạo như thế"*, trong kho vua không có đạo như thế, không có học lăng xăng như vậy.

Từ trước có tất cả chỗ hiểu biết cần phải dẹp sạch, khiến không, lại không phân biệt tức là Không Như Lai tạng. Sao gọi là Như Lai tạng? Sao gọi là Không Như Lai tạng? Khi không còn dính chấp, không còn khởi phân biệt gọi là Không Như Lai tạng. Như Lai là Phật, tạng là kho. Như Lai tạng là kho của Phật. Kho của Phật chứa gì? Kho của Phật trống rỗng thênh thang, cho nên gọi là Không Như Lai tạng.

Còn kho chúng ta chứa gì? Chứa đủ thứ bá nạp, tốt xấu hay dở không thiếu thứ gì. Bởi vậy nên gọi là tạng thức hay tàng thức. Tàng thức đối với Duy thức học gọi là thức thứ tám, chứa tất cả chủng tử thiện ác, đó là những thứ phân biệt nên gọi là thức. Khi ta dẹp hết tất cả chủng tử thiện ác rồi, gọi đó là Không Như Lai tạng.

Chánh văn:

Như Lai tạng lại không một mảy bụi có thể có, tức là vị Pháp vương phá hữu xuất hiện ở thế gian, cũng nói rằng: "Ta ở chỗ Phật Nhiên Đăng không có một chút pháp có thể được."

Giảng:

Như Lai tạng không một mảy bụi có thể có, nghĩa là không còn một mảy bụi mới gọi là Như Lai tạng. Nếu không còn một mảy bụi thì gọi là *vị Pháp vương phá hữu xuất hiện ở thế gian.* Pháp vương phá hữu là gì? Là ông vua pháp dẹp hết những cái có ở thế gian. *Cũng nói rằng "Ta ở chỗ Phật Nhiên Đăng không có một chút pháp có thể được"*, đây dẫn kinh Kim Cang để nói đức Phật là vị Pháp vương phá hữu xuất hiện ở thế gian.

Chánh văn:

Lời nói này chỉ là không. Tình lượng hiểu biết của ông cần được tiêu dung, trong ngoài tình hết, trọn không y chấp là người vô sự.

Giảng:

Những lời dẫn từ trước đến đây, cốt chỉ cho chúng ta thấy là không, không một pháp, như vậy tất cả tình lượng hiểu biết cần phải tiêu dung. Tiêu dung là dọn dẹp tiêu hóa hết, không còn gì lợn cợn nữa. *Trong ngoài tình hết*, ở trong ở ngoài đều không còn tình chấp. *Trọn không y chấp là người vô sự*, tức không có gì để dính mắc nữa là người vô sự. Người vô sự là người thế nào? Chắp tay ra sau đi tới đi lui thong thả, ngó trời ngó mây là người vô sự chăng? Ngó trời ngó mây mà trong đầu lăng xăng, có phải vô sự chưa? Thân thì thấy như vô sự mà thực tâm chưa vô sự. Vô sự là tất cả tình chấp không còn, trong ngoài đều dứt sạch, chính chỗ đối cảnh vô tâm mới là người vô sự.

Chánh văn:

Cương yếu giáo lý tam thừa chỉ là thứ thuốc hợp cơ, tùy nghi nói ra, tạm thời lập bày, mỗi mỗi không đồng, chỉ cần rõ biết thì không bị mê hoặc là hay bậc nhất. Không được bên một cơ một giáo chấp văn nhận hiểu. Tại sao như thế? Thật không có pháp nhất định Như Lai có thể nói. Tông môn của tôi đây chẳng bàn việc này, chỉ biết dứt tâm liền thôi, không cần suy trước tính sau.

Giảng:

Ở đây ngài muốn nói cho chúng ta hiểu, sở dĩ Phật giảng dạy có chia ra tam thừa Phật giáo hoặc ngũ thừa Phật giáo là vì đối bệnh cho thuốc, chứ chưa phải chỗ cứu cánh. Bởi hợp cơ cho nên *tùy nghi nói ra, tạm thời lập bày, mỗi mỗi không đồng* nên pháp này khác pháp kia. *Chỉ cần rõ biết thì không mê hoặc,* chúng ta cần biết những pháp ấy Phật phương tiện tùy cơ mà thuyết. Biết rành rẽ như vậy, không lầm lẫn *là hay bậc nhất.*

Gần đây tôi có một cái nhìn. Như hàng Thanh văn lấy pháp Bát chánh đạo làm căn bản, Duyên giác lấy Mười hai nhân duyên làm căn bản. Trong Bát chánh đạo thứ nhất là Chánh kiến, kế đến là Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, tới Chánh định thì dừng. Còn Đại thừa lấy Lục độ làm căn bản. Lục độ gồm Bố thí, Trì giới, Tinh tấn, Nhẫn nhục, Thiền định, Trí tuệ. Như vậy hai bên khác nhau chỗ nào?

Theo Thanh văn, bước đầu là Chánh kiến, nhận định đúng với Chánh pháp, đúng với lý Tứ đế. Muốn thế phải có trí tuệ mới Chánh kiến được. Trí tuệ ở đâu ra? Phật dạy "các ngươi hãy thắp đuốc lên mà đi, thắp lên với chánh pháp". Trí tuệ đó từ học mà được. Các hàng Thanh văn nhờ nghe, nhờ học kinh Phật mà có nhận định đúng, thành ra trí đó là trí hữu học. Từ trí hữu học đi lần lần lên thấy đúng, nghĩ đúng, nói đúng, làm đúng, sống đúng, tu hành đúng tới chánh định thì dừng. Tại sao? Bởi vì Thanh văn tu muốn cầu Niết-bàn, cứu cánh Niết-bàn của Thanh văn là Diệt tận định, cho nên dừng lại ở định.

Bồ-tát bắt đầu từ Bố thí, kế đến là Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Với tinh thần Đại thừa, trước hết dùng lòng Từ bi, do dùng Từ bi nên bố thí. Bố thí dẹp cái gì? Dẹp tham. Kế đến Trì giới là bảo vệ cho chúng ta tránh những lỗi lầm. Nhẫn nhục để trừ sân. Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ diệt hết si. Như vậy trí tuệ của Lục độ từ đâu ra? Từ Thiền định mà được, nên trí tuệ đó là trí tuệ vô sư. Bồ-tát ban đầu đi từ tâm từ bi, lần lần tới diệt tham, sân, si, cuối cùng trí tuệ chân thật hiện. Phân biệt sự khác nhau trên pháp tu của hai bên Thanh văn và Bồ-tát, chúng ta mới thấy hai giáo lý sai biệt nhau ở mục đích cứu cánh.

Người tu Bồ-tát đạo khi được trí tuệ rồi, biết trí tuệ ấy đâu phải riêng mình có, ai cũng sẵn vì nó là trí vô sư. Do đó mọi người đều có khả năng thành Phật, vì vậy các ngài không nhập Niết-bàn mà chấp nhận đi trong

sanh tử để độ chúng sanh. Còn các vị Thanh văn tu học từ Tứ đế được Diệt tận định, nên muốn ra khỏi sanh tử nhập Niết-bàn. Một bên hết duyên nhập Niết-bàn. Một bên nhận ra trí tuệ vô sư, lăn lóc vào đời độ chúng sanh. Đó là chỗ khác biệt giữa Tiểu thừa và Đại thừa.

Hiểu vậy mới thấy giáo lý của Phật có từng chặng, nên nói *giáo lý tam thừa chỉ là phương pháp khế cơ* thôi. Ở đây chỉ thẳng cho chúng ta biết tới chỗ cuối cùng không còn tất cả những suy nghĩ luận bàn. Nên nói *thật không có pháp nhất định Như Lai có thể nói*, chẳng qua chỉ là phương tiện.

Tông môn của tôi đây chẳng bàn việc này, chỉ biết dứt tâm liền thôi, không cần suy trước tính sau. Tổ bảo tông môn của ngài chỉ cần dứt tâm, không cần suy trước tính sau. Chỗ này đơn giản mà khó. Ví dụ như người bị bệnh ái nặng, Phật dạy họ quán thân bất tịnh. Quán đến khi nào gớm nó thì bớt ái, như vậy dễ trừ. Còn ở đây không nói bệnh gì hết, miễn niệm dấy lên liền bỏ. Chúng ta bỏ hoài mà không thấy hết nên nói khó. Càng đơn giản càng khó. Cũng thế, chân lý rất đơn giản cho nên khó tìm. Cái gì màu sắc hoa hòe tô điểm bên ngoài, dễ tìm nên người ta thích, nhưng nó không phải chân lý. Chân lý là lẽ thật, rất đơn giản. Hiểu vậy chúng ta thấy lối tu *chỉ biết dứt tâm liền thôi* là quá đơn giản, vì thế nên khó. Đó là con đường tắt. Khó mà bền chí tu cũng sẽ thành tựu. Còn dễ là con đường quanh, đi không khéo lòng vòng mãi không biết bao giờ mới về đến nhà. Như người leo núi, đi thẳng lên khó, còn đi vòng vòng dễ hơn. Việc tu của chúng ta cũng giống như vậy.

Hiểu rồi mới bền chí, mới quyết tâm tu. Nếu không hiểu thì tu lâu thấy mệt mỏi sanh ra chán ngán. Người khéo tu biết buông bỏ những gì dính mắc che lấp thì tự sáng thôi.

Chánh văn:

Hỏi: Từ trước đến nay đều nói "tức tâm là Phật", chưa biết tức tâm nào là Phật?

Đáp: Ông có bao nhiêu thứ tâm?

Hỏi: Tức tâm phàm là Phật hay tức tâm thánh là Phật?

Đáp: Ông chỗ nào có tâm phàm thánh?

Hỏi: Nay trong tam thừa nói có phàm thánh, Hòa thượng đâu được nói không?

Đáp: Trong tam thừa rõ ràng nói với ông "tâm phàm thánh là vọng", nay ông không hiểu trở lại chấp là có, đem không làm thật, đâu không phải là vọng, vọng nên mê tâm. Ông chỉ trừ dẹp tình phàm cảnh thánh, ngoài tâm không có Phật khác, Tổ sư từ Ấn Độ đến, chỉ thẳng mọi người toàn thể là Phật. Nay ông không biết, chấp phàm chấp thánh nhằm ngoài chạy tìm, trở lại mê tâm mình, vì thế nên đến ông nói "tức tâm là Phật". Một niệm tình sanh liền sa vào cõi khác, từ vô thủy đến giờ không khác ngày nay. Không có pháp khác nên gọi thành Đẳng chánh giác.

Giảng:

Hỏi: Từ trước đến nay đều nói "tức tâm là Phật", chưa biết tức tâm nào là Phật? Đáp: Ông có bao nhiêu thứ tâm? Hỏi tâm nào là Phật, ngài hỏi lại ông có bao nhiêu thứ tâm.

Hỏi: Tức tâm phàm là Phật hay tức tâm thánh là Phật? Đáp: Ông chỗ nào có tâm phàm thánh?

Hỏi: Nay trong tam thừa nói có phàm thánh, Hòa thượng đâu được nói không? Tam thừa nói rõ ràng có phàm thánh, nếu người tu thiền từ Sơ thiền tới Tứ thiền thuộc về Phàm phu thiền. Từ Tứ thiền trở lên bước qua Thánh quả, có phàm có thánh. Còn Bồ-tát từ Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng thuộc về Hiền, từ Sơ địa cho tới Thập địa... thuộc về Thánh. Rõ ràng từ giáo lý Nhị thừa tới giáo lý Đại thừa đều nói có phàm thánh. Tại sao ngài nói không phàm thánh.

Đáp: Trong tam thừa rõ ràng nói với ông "tâm phàm thánh là vọng", trong tam thừa giáo lý cũng nói tâm phân biệt phàm, tâm phân biệt thánh là tâm vọng. *Nay ông không hiểu trở lại chấp là có, đem không làm thật, đâu không phải là vọng, vọng nên mê tâm.* Vì ông còn chấp hai bên phàm thánh, đó là vọng nên còn mê tâm. *Ông chỉ trừ dẹp tình phàm cảnh thánh, ngoài tâm không có Phật khác,* bây giờ hai bên phàm thánh đều dẹp hết. Nói dẹp phải quấy hơn thua thì dễ, chứ dẹp phàm thánh hơi khó. Dẹp được phải quấy hơn thua cũng là hạng khá, huống nữa là dẹp tình phàm cảnh thánh. Nếu dẹp được tình phàm cảnh thánh

thì không còn Phật nào khác nữa, đó là Phật rồi. Cho nên nói *ngoài tâm chân thật không có Phật khác.*

Tổ sư từ Ấn Độ đến, chỉ thẳng mọi người toàn thể là Phật. Nay ông không biết, chấp phàm chấp thánh, nhằm ngoài chạy tìm, trở lại mê tâm mình, vì thế nên đến ông nói "tức tâm là Phật". Ở đây dẫn lời của tổ Đạt-ma chỉ dạy. Ngài chỉ thẳng mọi người toàn thể là Phật. Nay ông không biết, chấp phàm chấp thánh nhằm ngoài chạy tìm tức chạy ra ngoài tìm phàm tìm thánh, trở lại mê tâm mình tức quên tâm, vì thế buộc lòng phải nói với ông "tức tâm là Phật". Nói thế để nhớ tâm mình là Phật, không thể bỏ nó tìm Phật bên ngoài được.

Một niệm tình sanh liền sa vào cõi khác, từ vô thủy đến giờ không khác ngày nay, thể chân thật hay tâm Phật của mình từ xưa đến giờ không đổi thay tí nào hết. Nếu người có niệm phân biệt suy tính liền rơi vào cõi khác.

Không có pháp khác nên gọi thành Đẳng chánh giác. Đẳng là ngang nhau, được chánh giác bằng nhau chứ không có cao thấp riêng khác.

Chánh văn:

Hỏi: Hòa thượng nói "tức" là đạo lý gì?

Đáp: Tìm đạo lý gì? Vừa có đạo lý bèn tức tâm khác.

Hỏi: Trên nói "từ vô thủy đến giờ không khác ngày nay", lý này thế nào?

Đáp: Chỉ vì tìm nên ông tự khác người, ông nếu không tìm thì chỗ nào có khác?

Hỏi: Đã là không khác sao lại phải nói "tức"?

Đáp: Ông nếu không nhận phàm thánh thì ai đến ông nói "tức"? Tức như không tức, tâm cũng chẳng tâm, nên trong ấy tâm tức đều quên, người nào lại nghĩ, nhằm chỗ nào tìm?

Giảng:

Hỏi: Hòa thượng nói "tức" là đạo lý gì? Đáp: Tìm đạo lý gì? Vừa có đạo lý bèn tức tâm khác. Vừa thấy có đạo lý là tâm khác, chứ không còn tức tâm là Phật nữa.

Hỏi: Trên nói "từ vô thủy đến giờ không khác ngày nay", lý này thế nào? Đáp: Chỉ vì tìm nên ông tự khác người, ông nếu không tìm thì chỗ nào có khác? Vì chúng ta chạy tìm nên thành khác. Nếu không tìm kiếm thì có gì khác.

Hỏi: Đã là không khác sao lại phải nói "tức"? Đáp: Ông nếu không nhận phàm thánh thì ai đến ông nói "tức". Tại ông nói tâm này là phàm tâm kia là thánh, nên nói tức phàm là thánh. *Tức như không tức, tâm cũng chẳng tâm, nên trong ấy tâm tức đều quên, người nào lại nghĩ, nhằm chỗ nào tìm?* Tới chỗ cuối cùng chữ tức cũng phải buông, chữ tâm cũng phải bỏ, cả hai đều hết. Như vậy không cần tìm kiếm ở đâu.

Chánh văn:

Hỏi: Vọng hay chướng tâm mình, chưa biết nay nên lấy cái gì dẹp vọng?

Đáp: Khởi vọng dẹp vọng cũng thành vọng. Vọng vốn không gốc, chỉ nhân phân biệt mà có, ông chỉ nên đối hai chỗ phàm thánh tình chấp hết, tự nhiên không vọng. Nếu vì dẹp nó trọn không được có một mảy y chấp, gọi là "ta bỏ hai cánh tay ắt sẽ được Phật".

Hỏi: Đã không y chấp thì truyền trao thế nào?

Đáp: Lấy tâm truyền tâm.

Hỏi: Nếu tâm truyền nhau tại sao nói tâm cũng không?

Đáp: Không được một pháp gọi là truyền tâm, nếu rõ tâm này tức là không tâm không pháp.

Giảng:

Hỏi: Vọng hay chướng tâm mình, chưa biết nay nên lấy cái gì dẹp vọng? Đáp: Khởi vọng dẹp vọng cũng thành vọng. Vọng vốn không gốc, chỉ nhân phân biệt mà có, ông chỉ nên đối hai chỗ phàm thánh tình chấp hết, tự nhiên không vọng. Nếu vì dẹp nó trọn không được có một mảy y chấp, gọi là "ta bỏ hai cánh tay ắt sẽ được Phật". Nói khởi vọng dẹp vọng cũng thành vọng. Vừa thấy vọng chúng ta khởi dẹp nó, như vậy cái khởi dẹp cũng là vọng. Nhưng nếu vọng khởi mình không dấy niệm bỏ, làm sao nó hết, cho nên giai đoạn đầu phải phương tiện dùng cái này bỏ cái kia.

Nhưng khi chúng ta tu sâu rồi, vọng vừa dấy mình nhìn nó mất. Quý vị đừng cố đè, đừng cố dẹp, chỉ thấy nó buông thôi, đừng theo là được. Tại sao đừng đè đừng dẹp?

Bởi vì nó có thật đâu mà đè, có thật đâu mà dẹp, chẳng qua biết nó hư dối không theo là được rồi. Vọng vốn không gốc, không thật, chỉ nhân phân biệt mà có. Cho nên tổ dạy *ông chỉ nên đối hai chỗ phàm thánh tình chấp hết, tự nhiên không vọng*. Tất cả hai bên: phải quấy, hơn thua, tốt xấu, đúng sai, phàm thánh... đều không dính bên nào thì vọng tự hết. Ngược lại, nếu kẹt một bên, bên này hoặc bên nọ thì vọng không bao giờ hết.

Nếu vì dẹp nó trọn không được có một mảy y chấp, gọi là "ta bỏ hai cánh tay ắt sẽ được Phật". Tổ dẫn hình ảnh Bồ-tát chặt hai cánh tay để cúng dường, đây là để nói ý bỏ hai bên. Hai bên không còn dính, không còn kẹt, không còn chấp, đó là Phật. Có người bảo khởi nghĩ là vọng, dừng nghĩ là chân, cho nên bỏ vọng cầu chân. Bỏ vọng cầu chân thì còn hai bên hay một bên? Cũng là hai bên. Nói vọng nói chân là phương tiện chứ không phải thật, chỉ vọng lặng hết tự nó là chân, cái chân cũng không còn chân, vì đối với vọng nên gọi chân. Vọng hết thì còn gọi là gì? Nó là tâm thể chân thật hiện tiền, không nói vọng nói chân gì hết.

Cúng dường hai cánh tay là bỏ chấp hai bên. Kinh Đại thừa có những hình ảnh người ta dễ hiểu lầm. Nói Bồ-tát bố thí hai cánh tay, ta tưởng đâu bỏ hai cánh tay được Phật thọ ký. Thích quá hôm nào ta cũng chặt tay để được Phật thọ ký. Nhưng mình chặt tay rồi thì thành người cụt tay, chứ không ai thọ ký cho đâu.

Hỏi: Đã không y chấp thì truyền trao thế nào? Đáp: Lấy tâm truyền tâm. Hỏi: Nếu tâm truyền nhau tại

sao nói tâm cũng không? Đáp: Không được một pháp gọi là truyền tâm, nếu rõ tâm này tức là không tâm không pháp.

Truyền tâm là người không còn dính chấp nào, tâm thể hiện tiền, nghe người kia trình bày chỗ không còn dính mắc của họ, hai bên thông cảm nhau gọi là lấy tâm truyền tâm. Tổ Đạt-ma truyền pháp cho tổ Huệ Khả. Tổ Huệ Khả nói "ngày nay con dứt hết các duyên", nghĩa là không còn chút dính mắc nào. Tổ Đạt-ma sợ dứt hết các duyên lại chấp không, nên nói "coi chừng rơi vào không". Tổ Huệ Khả nói "rõ ràng thường biết, làm sao không được". Dứt hết các duyên mà tâm vẫn rõ ràng thường biết, làm sao không. Tổ Đạt-ma nói "ông như thế, ta như thế, chư Phật cũng như thế", đó là truyền tâm. Như vậy có truyền gì không? Thường nói truyền trao là đem gậy, đem bát đem y trao cho gọi là truyền. Còn ở đây ông thấy như vậy đúng với cái thấy của ta, ta thấy đúng với cái thấy của Phật. Đó là thừa nhận chỗ hợp nhau, gọi là truyền, chứ không phải đem cái gì ra truyền cho người.

Chánh văn:

Hỏi: Nếu không tâm không pháp, thế nào là truyền?

Đáp: Ông nghe nói truyền tâm bèn cho là có khả đắc. Sở dĩ Tổ sư nói: "Khi nhận được tâm tánh nên nói không nghĩ bàn, rõ ràng không sở đắc, khi được không nói biết." Việc này nếu đem dạy, ông đâu kham lãnh hội.

Hỏi: Như hư không ở trước mắt, thật không phải cảnh, sao không chỉ cảnh để thấy được tâm?

Đáp: Tâm gì mà dạy ông nhằm trên cảnh thấy? Giả sử ông thấy được chỉ là cái tâm chiếu cảnh. Như người dùng gương soi mặt, cho dù thấy được mày mắt rõ ràng, nhưng thật ra chỉ là bóng dáng, đâu quan hệ gì việc của ông?

Hỏi: Nếu không nhân chiếu khi nào được thấy?

Đáp: Nếu vậy liên hệ đến nhân thường phải nhờ vật, có khi nào được liễu ngộ. Ông không thấy người đến ông nói: "Buông tay tợ người không một vật, luống công dối nói mấy ngàn điều?"

Hỏi: Nếu người hiểu rồi chiếu cũng không vật sao?

Đáp: Nếu là không vật thì cần gì phải chiếu, ông nếu mở mắt thì nói hết ngủ.

Giảng:

Hỏi: Nếu không tâm không pháp, thế nào là truyền? Đáp: Ông nghe nói truyền tâm bèn cho là có khả đắc. Sở dĩ Tổ sư nói: "Khi nhận được tâm tánh nên nói không nghĩ bàn, rõ ràng không sở đắc, khi được không nói biết." Việc này nếu đem dạy ông, đâu kham lãnh hội.

Nói truyền tâm là sao? Ngài dẫn Tổ sư nói *khi nhận được tâm tánh nên nói không nghĩ bàn,* nhận được chỗ không còn nghĩ bàn, *rõ ràng không sở đắc, khi được không nói biết.* Khi được cũng không nói tôi biết nó, vì nó rõ ràng hằng biết, đâu thể nói biết được nó.

Nếu biết nó thì nó là vật bị biết. *Việc này nếu đem dạy ông, đâu kham lãnh hội.* Tôi có dạy ông cũng không lãnh hội được.

Hỏi: Như hư không ở trước mắt, thật không phải cảnh, sao không chỉ cảnh để thấy được tâm? Đáp: Tâm gì mà dạy ông nhằm trên cảnh thấy? Giả sử ông thấy được chỉ là cái tâm chiếu cảnh. Như người dùng gương soi mặt, cho dù thấy được mày mắt rõ ràng, nhưng thật ra chỉ là bóng dáng, đâu quan hệ gì việc của ông?

Người hỏi nói rằng *như hư không ở trước mắt, thật không phải cảnh, sao không chỉ cảnh để thấy được tâm.* Như hư không ở trước mắt, ta có thể nhìn biết, sao không lấy đó mà chỉ? Ngài nói *tâm gì mà dạy ông nhằm trên cảnh thấy?* Tâm đó không phải ngoài cảnh mà có, nó có ngay nơi ông. Giả sử mình thấy được nó, chỉ là thấy tâm chiếu cảnh, chứ không phải thấy tâm thật. Như lấy gương soi mặt, mặt mày trong gương chúng ta thấy được là cái bóng chứ không phải mặt mày thật. Mặt mày thật không thể thấy, như con mắt không thể thấy con mắt. Vì vậy những gì chúng ta tìm thấy chỉ là bóng dáng thôi, không phải cái chân thật.

Hỏi: Nếu không nhân chiếu khi nào được thấy? Đáp: Nếu vậy liên hệ đến nhân thường phải nhờ vật, có khi nào được liễu ngộ. Ông không thấy người đến ông nói: "Buông tay tợ người không một vật, luống công dối nói mấy ngàn điều?"

Ở đây hỏi *nếu nói không nhân chiếu khi nào được thấy?* Ngài đáp *nếu vậy liên hệ đến nhân thường phải*

nhờ vật, nhân tức là nhân chiếu. Muốn chiếu thì phải có vật mới chiếu được, như vậy chừng nào liễu ngộ. Đây dẫn lời các Tổ nói *ông thấy người đến ông nói: "Buông tay tợ người không một vật, luống công dối nói mấy ngàn điều"*, dù nói mấy ngàn điều chỉ là chuyện luống công, chứ gốc là buông tay không dính một vật. Đó là chủ yếu, còn nói đông nói tây chỉ phương tiện thôi.

Hỏi: Nếu người hiểu rồi chiếu cũng không vật sao? Đáp: Nếu là không vật thì cần gì phải chiếu, ông nếu mở mắt thì nói hết ngủ.

Đơn giản vô cùng. Hỏi *nếu người hiểu rồi chiếu soi cũng không vật sao,* ngài đáp *nếu là không vật thì cần gì phải chiếu.* Vì chiếu là soi lại, mà cái ấy không có, lấy gì soi. Bây giờ chỉ nói nếu ông hết mê tức là giác, giống như người mở mắt thì không ngủ. Thức ngủ khác nhau ở chỗ mở mắt với nhắm mắt thôi, sáng tối khác nhau ở chỗ tỉnh hay mê thôi.

Chánh văn:

Ngài thượng đường bảo:

Biết nhiều trăm thứ, chẳng bằng không cầu, tột bậc nhất vậy. Đạo nhân là người vô sự, thật không có những tâm nhiều ấy, cũng không có đạo lý gì có thể nói. Vô sự giải tán đi.

Giảng:

Ngài bảo: *Biết nhiều trăm thứ chẳng bằng không cầu, tột bậc nhất vậy*. Chỗ không cầu là tột bậc nhất,

còn biết nhiều trăm thứ không phải là hay. *Đạo nhân là người vô sự, thật không có những tâm nhiều ấy, cùng sự không có đạo lý gì có thể nói.* Nói đạo nhân là chỉ cho những người vô sự, vô sự thì không có tâm lăng xăng lộn xộn, chỗ tột cùng sự không còn đạo lý gì để nói nữa.

Cuối cùng ngài nói một câu dễ dàng nhất: *Vô sự giải tán đi,* không còn chuyện gì nữa thì giải tán đi, học nhiều làm chi.

Chánh văn:

Hỏi: Thế nào là thế đế?

Đáp: Nói nhánh nhóc ấy làm gì? Xưa nay thanh tịnh đâu nhờ nói năng vấn đáp, chỉ không tất cả tâm liền gọi là trí vô lậu. Ông mỗi ngày đi đứng ngồi nằm tất cả nói năng, chớ đắm pháp hữu vi, nói ra nháy mắt thảy đồng vô lậu. Như nay nhằm đời mạt pháp, phần nhiều người học thiền học đạo đều đắm tất cả thanh sắc, sao không cùng ta mỗi tâm đồng hư không đi, như cây khô hòn đá đi, như tro tàn lửa tắt đi, mới có một ít phần tương ưng. Nếu không như thế, hôm nào sẽ bị Diêm vương dẫn ông đi.

Giảng:

Thế đế cũng gọi là thế tục đế. Đệ nhất nghĩa đế cũng gọi là thánh đế. Thế đế là đối với đệ nhất nghĩa đế mà lập. Chữ đế là lẽ thật. Hỏi thế đế là nói về thế tục, những vấn đề rất thường tình. Cho nên ở đây ngài đáp: *Nói nhánh nhóc ấy làm gì?* Tổ giải thích: *xưa nay thanh tịnh đâu nhờ nói năng vấn đáp, chỉ không tất cả tâm*

liền gọi là trí vô lậu, đơn giản làm sao. Chúng ta cứ tìm hiểu ngôn ngữ văn tự mà không buông tất cả tâm cho thanh tịnh. Nếu tâm không thanh tịnh dù hỏi tới đâu cũng chỉ là ngôn ngữ thôi. Vì vậy ngài nói *chỉ không tất cả tâm liền gọi là trí vô lậu.* Chúng ta không tất cả tâm dấy khởi lăng xăng, gọi là trí vô lậu.

Ông mỗi ngày đi đứng ngồi nằm tất cả nói năng, chớ đắm pháp hữu vi, nói ra nháy mắt thảy đồng vô lậu. Đi đứng ngồi nằm nói năng v.v... là tướng hữu vi, đừng mắc kẹt nó. Nếu không mắc kẹt thì mọi hành động đều là vô lậu. Ngược lại nếu mắc kẹt trong pháp hữu vi thì rơi vào hữu lậu.

Như nay nhằm đời mạt pháp, phần nhiều người học thiền học đạo đều đắm tất cả thanh sắc, sao không cùng ta mỗi tâm đồng hư không đi, như cây khô hòn đá đi, như tro tàn lửa tắt đi, mới có một ít phần tương ưng. Ngài dạy chúng ta học đạo không phải học ngôn ngữ hình thức, mà phải tập *mỗi tâm đồng hư không.* Mỗi tâm đồng hư không là sao? Tâm tâm không dính với cảnh, tâm tâm không dính với hơn thua phải quấy v.v... là tâm đồng với hư không.

Như cây khô hòn đá đi, tại sao bảo mình phải như cây khô như hòn đá? Nhịn đói để chết cứng như cây khô, hòn đá phải không? Nói cây khô hòn đá để chỉ tâm không dính, không kẹt, không gì làm lay động được tâm.

Như tro tàn lửa tắt đi, mới có một ít phần tương ưng. Làm sao tâm như lửa tắt, như tro tàn? Nghe một lời nói trái tai nổi nóng lên là lửa tắt hay lửa cháy?

Lửa cháy chứ không tắt. Nghe nói nặng nói nhẹ mà tâm vẫn lạnh không bực, không nóng nảy là lửa tắt. Lửa tắt thì tro lạnh, tro tàn. Nghe nói danh lợi mình thích, có lửa không? Sân là lửa mà tham cũng là lửa. Cho nên chúng ta phải khéo tu, làm sao tâm như lửa tắt tro tàn, mới đi tới chỗ tương ưng cùng Phật pháp hay tương ưng cùng chân tâm Phật tánh.

Nếu không như thế, hôm nào sẽ bị Diêm vương dẫn ông đi. Đó là câu nói cảnh cáo. Cảnh cáo ai? Ai không để lửa tắt tro tàn. Nếu người như lửa tắt tro tàn thì Diêm vương biết đâu mà dẫn.

Chánh văn:

Ông chỉ lìa hẳn các pháp hữu vô, tâm như vầng mặt trời trong hư không, ánh sáng tự nhiên không chiếu mà chiếu, không phải là việc của sức phản tỉnh. Khi đến đây thì không chỗ nương tựa, tức là làm hạnh của chư Phật, bèn là "nên không có chỗ trụ mà sanh tâm kia". Đây là pháp thân thanh tịnh của ông, gọi là A-nậu-bồ-đề. Nếu không lãnh hội được ý này, dù ông học được biết nhiều, siêng năng khổ nhọc tu hành, áo cỏ ăn cây, không biết tâm mình đều gọi là hạnh tà, quyết định sẽ làm quyến thuộc của thiên ma, tu hành như thế sẽ có ích lợi gì?

Giảng:

Ở trên ngài dạy *như lửa tắt tro tàn.* Đến đây ngài dạy phải biết lìa các pháp hữu vi tức là lìa hai bên như có không, phải quấy, hơn thua v.v... Khi nào chúng ta

không nghĩ hai bên, lúc đó tâm động hay tịnh? Tâm tịnh. Thường thường chúng ta không nghĩ thiện thì nghĩ ác, không nghĩ phải thì nghĩ quấy, luôn luôn nghĩ trong đối đãi. Mà đối đãi là tướng sanh diệt, sanh diệt là động. Cho nên chúng ta lìa hết các tâm, các pháp hữu và vô.

Nếu tất cả hai bên đều lìa thì *tâm mình như vầng mặt trời trong hư không, ánh sáng tự nhiên không chiếu mà chiếu, không phải là việc của sức phản tỉnh.* Câu này rất thiết yếu, ai có tu mới thấy nó quan trọng. Khi ngồi tu, tâm không dấy niệm, nhiều người cảm thấy vô tri quá, lúc ấy lại khởi nghĩ muốn sáng đạo, có hào quang mới thích. Đó là sai lầm. Vì vậy ngài dạy nếu không dính kẹt hai bên, tâm như vầng mặt trời trong hư không, ánh sáng tự nhiên không chiếu mà chiếu. Hai chữ không chiếu mà chiếu nói được ý quan trọng này. Không chiếu mà chiếu là sao? Thường thường lúc tâm yên, nó không phản quan không soi lại, nên nói không chiếu, nhưng nó vẫn sáng, dấy niệm liền biết nên nói chiếu. Đó là không chiếu mà chiếu. Chỗ này rất thiết yếu. Bởi vì khi tu chúng ta nghe nói niệm dấy đừng theo, rồi nhìn niệm hoài. Nhìn niệm như vậy là chiếu hay không chiếu? Chiếu. Vì vậy niệm dấy lên liền đè xuống. Người nào ngồi nhìn niệm như vậy, một giờ đầu sẽ nặng trĩu, không khéo thành đau đầu. Cho nên trong khi tu, chiếu mà không chiếu, chỉ bàng bạc nhẹ nhàng như mặt trời trong hư không thôi. Tâm không khởi niệm chiếu nhưng rất sáng, niệm lên vẫn thấy chứ không phải không thấy.

Tuy nhiên, nói không nhìn chứ không phải thả lỏng, chỗ này rất khó. Nhiều người nghe nói không nhìn

liền thả lỏng, mặc tình nó làm gì thì làm, như vậy tu làm chi? Không nhìn mà không thả lỏng nghĩa là tâm lúc nào cũng biết, do biết nên niệm lên không chạy theo. Nếu niệm không lên thì cứ như vậy biết thôi, chứ không phải chăm chăm nhìn. Nhiều người chăm chăm nhìn nên nghe tim đập, nghe nghẹn thở, đó là bệnh. Vì vậy ai ngồi thiền mà tim đập quá thì biết dụng công nhiều, chăm chỉ quá. Cho nên chỗ này phải nhớ thật kỹ.

Không phải là việc của sức phản tỉnh, vậy mà cứ quay lại soi hoài. Tuy không phải quay lại, mà vừa dấy niệm liền thấy. Như ánh sáng mặt trời bủa khắp, không cố tình soi rọi chỗ nào mà sáng tất cả mọi nơi. *Khi đến đây thì không chỗ nương tựa tức là làm hạnh của chư Phật.* Tu tới chỗ này không còn chỗ nương tựa nữa, tức đang tu theo hạnh chư Phật. Tổ dẫn kinh Kim Cang làm chứng *"nên không có chỗ trụ mà sanh tâm kia"*, Lục Tổ và ngài Trần Thái Tông cũng thấy chỗ này.

Như vậy chúng ta thấy lời dạy trong kinh và chỗ thấy của chư tổ rất trùng hợp, sự tu không mất gốc. Chúng ta tu mà không nắm vững, nên sanh bệnh này tật nọ, rồi đổ thừa tu thiền sanh bệnh. Khi không có niệm đối đãi dấy lên, lúc đó tâm mình sáng, biết một cách bàng bạc, giống như ánh sáng mặt trời trong hư không trùm khắp. Cái bàng bạc trùm khắp đó không chiếu một chỗ nào, mà không lúc nào không chiếu. Bởi nó sáng biết nên cái gì dấy động liền biết. Nếu tâm của chúng ta được như vậy là tu hạnh của chư Phật, không còn dính kẹt. Cho nên kinh nói *"ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm"*.

Đây là pháp thân thanh tịnh của ông, gọi là A-nậu-bồ-đề. Chúng ta thử ngồi lại tu, mới thấy mình có sẵn pháp thân. Chỉ ba phút năm phút tâm không dấy niệm đối đãi duyên theo cảnh, lúc đó vẫn thường tri giác nên gọi là pháp thân. Pháp thân tuy có sẵn, nhưng vừa có niệm đối đãi dấy lên là nó phủ che. Vì vậy lặng niệm lại thì pháp thân hiện ra chứ không đâu hết.

Pháp thân ở đâu mà ngộ? Nó không có chỗ nơi. Cho nên các Tổ nói "ngộ rồi đồng không ngộ". Không có cái thứ hai. Pháp thân không hai, nó sẵn từ trong. Cái có sẵn đó là cái của chính mình hay nói chính xác hơn thì không có chữ "của" nữa. Thêm một chữ là trật. Cái *chính mình* mà chúng ta quên, chạy theo đối đãi hai bên thành ra khuất lấp. Bây giờ dừng đối đãi hai bên thì cái đó hiện rõ ra. Khi nó hiện ra, chúng ta biết rõ để sống, đó là sống trở lại pháp thân. Còn thấy ngờ không biết phải mình không, rồi chạy theo niệm, đó là bỏ quên nó. Cho nên Tổ dẫn kinh nói "người cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm sao an trụ tâm", Phật trả lời "không trụ sắc sanh tâm, không trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm". Kỳ tâm là tâm vô thượng Bồ-đề, không dính sắc thanh hương vị xúc, đó là tâm vô thượng Bồ-đề.

Chúng ta có Phật mà không chịu sống với Phật lại đi sống với ma, đó là lỗi lớn. Sống với ma rồi sợ ma, chạy đi tìm Phật. Không gặp Phật thật chạy tìm Phật giả lạy, như vậy cứ quanh quanh quẩn quẩn. Thật đáng thương! Vì vậy ở đây chư tổ chỉ thẳng lối tu trực chỉ,

không tìm kiếm ở đâu hết, đừng để tâm dính kẹt hai bên. Tâm không dính kẹt hai bên mà hằng tri hằng giác là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tâm chân thật không phải xa, xa là vì chúng ta không chịu nhận. Hồi xưa không có ai chỉ dạy nên không biết, bây giờ có người chỉ dạy rồi chúng ta phải khéo nhận khéo biết.

Nếu không lãnh hội được ý này, dù ông học được biết nhiều, siêng năng khổ nhọc tu hành, áo cỏ ăn cây, không biết tâm mình đều gọi là hạnh tà, quyết định sẽ làm quyến thuộc của thiên ma, tu hành như thế sẽ có ích lợi gì?

Ngài trách nếu người không lãnh hội được ý trên, dù học làu làu tam tạng kinh điển, siêng năng khổ nhọc tu hành, lấy cỏ kết thành áo, ăn lá cây mà *không biết tâm mình, đều gọi là hạnh tà.* Học giỏi hiểu nhiều, tu khổ hạnh mà không biết tâm mình, đều gọi là hạnh tà. Chỗ này chúng ta phải lưu ý. Mình có tâm ham học, ham tu là rất tốt, người thế gian rất kính nể. Nhưng đối nơi chỗ cứu cánh, nếu không nhận ra bản tâm thì tất cả các việc trên đều là hạnh tà. Nếu là hạnh tà quyết định sẽ làm quyến thuộc thiên ma. Tu hành để cầu giải thoát sanh tử, mà như vậy thì có lợi ích gì.

Chánh văn:

Chí Công nói: "Phật vốn tâm mình làm, đâu được trong văn tự cầu." Dù ông học được Tam hiền Tứ quả, Thập địa mãn tâm, cũng chỉ là ngồi trong phàm thánh, không thấy đạo.

Giảng:

Phật là từ tâm mình mà thành, chứ không phải trong chữ nghĩa. Nếu lấy chữ nghĩa làm sở đắc, đó là sai lầm.

Được Tam hiền Tứ quả là bậc nào? Nếu Bồ-tát thì Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh là Tam hiền. Tứ quả là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Được những quả vị này cho tới *Thập địa mãn tâm* cũng còn *ngồi trong đối đãi phàm thánh,* chứ chưa phải chỗ chân thật. Đã là phàm thánh đối đãi thì không thấy được đạo. Không thấy được đạo tức không nhận ra Phật tánh hay pháp thân của chính mình.

Chánh văn:

Các hạnh vô thường là pháp sanh diệt, thế lực hết thì tên lại rơi xuống, chiêu cảm quả đời sau không như ý. Đâu bằng môn thật tướng vô vi, một phen vượt lên thẳng đến địa vị Như Lai. Vì ông không thể như người kia nên cần đến hóa môn của cổ nhân, học hiểu cho rộng.

Giảng:

Ở đây ngài nói thật rõ ràng, nếu còn nằm trong phàm thánh thì chưa thấy đạo. Vì Tam hiền Thập thánh là đối với phàm, cho nên còn hai bên đối đãi, còn đối đãi là không thấy đạo. Thấy đạo tức thấy được pháp thân. Tất cả hạnh là tướng sanh diệt nên vô thường. Vô thường sanh diệt có ngày phải hết. Nếu hết thì rơi trở lại, như mũi tên bắn lên thật cao, nhưng khi hết sức

đẩy nó rớt xuống. Chỉ thấy được cái thật của mình mới không lên không xuống. Cốt lõi của người học đạo là thấu suốt được *thật tướng vô vi*. Có thế mới *một phen vượt lên thẳng địa vị Như Lai*.

Vì ông không thể như người kia nên cần đến hóa môn của cổ nhân, học hiểu cho rộng. Người kia là người nào? Người kia là người lên thẳng địa vị Như Lai. Do không thể như người kia nên cần đến hóa môn của cổ nhân, học hiểu cho rộng. Hóa môn là cửa giáo hóa, có học nhiều hiểu rộng mới truyền đạo được. Nếu đủ khả năng đi thẳng lên địa vị Phật thì không phải quanh co.

Chánh văn:

Chí Công nói: "Không gặp minh sư xuất thế, uổng uống pháp dược đại thừa." Ông hiện nay trong tất cả thời đi đứng ngồi nằm chỉ học vô tâm, lâu ngày sẽ thật đắc. Vì ông lực lượng kém không thể đốn siêu, cần được ba năm, năm năm hoặc mười năm phải được chỗ vào, tự nhiên hội giải. Nếu ông không thể như thế, thiết tha đem tâm học thiền học đạo, Phật pháp có gì liên hệ? Cho nên nói: "Như Lai nói ra đều vì giáo hóa người, như nắm lá vàng bảo là vàng để dỗ trẻ con khóc, quyết định không thật." Nếu có thật đắc thì không phải người khách trong tông môn của ta, vả lại cùng bản thể của ông có gì liên hệ? Cho nên kinh nói: "Thật không có chút pháp có thể được gọi là A-nậu-bồ-đề." Nếu như hội được ý này mới biết Phật đạo ma đạo đều lầm.

Giảng:

Không gặp minh sư xuất thế, uổng uống pháp dược đại thừa. Nếu chúng ta ra đời không gặp minh sư chỉ dạy thì uổng uống pháp dược đại thừa, vì không thể hiện được tâm chân thật.

Ông hiện nay trong tất cả thời đi đứng ngồi nằm chỉ học vô tâm, lâu ngày sẽ thật đắc. Trong tất cả thời, từ sớm đến chiều đi đứng nằm ngồi, chỉ cần vô tâm. Vô tâm là vô tâm nào? Người ta dễ lầm chữ vô tâm lắm, tưởng vô tâm như gỗ như đá. Ở đây vô tâm là vô cái tâm sanh diệt, trong bốn oai nghi đều không dấy niệm sanh diệt, gọi là vô tâm. Nếu không có niệm sanh diệt, lâu ngày sẽ thật đắc được pháp vô sanh.

Vì ông lực lượng kém không thể đốn siêu, cần được ba năm, năm năm hoặc mười năm phải được chỗ vào, tự nhiên hội giải. Nếu khả năng chúng ta kém không thể tiến thẳng được thì cần cù tu hành ba năm, năm năm, mười năm cũng được chỗ vào. *Nếu ông không thể như thế, thiết tha đem tâm học thiền học đạo, Phật pháp có gì liên hệ?* Nếu không được như vậy, dù đem tâm thiết tha học thiền học đạo cũng không có gì liên hệ với Phật pháp.

Chúng ta không đi thẳng ngay chỗ chân thật, mà cứ bám vào giáo lý, bám vào kinh điển, nên ngài dẫn trong kinh nói: *"Như Lai nói ra đều vì giáo hóa người, như nắm lá vàng bảo là vàng để dỗ trẻ con khóc, quyết định không thật."* Giáo pháp của Phật là giáo pháp chân thật hay giáo pháp để an ủi người? Chỗ này chỗ hơi khó nói.

Lâu nay chúng ta tán thán lời Phật dạy là chân thật, cứu cánh, không gì làm lay chuyển được. Nhưng ở đây Phật nói, giáo lý của ngài như nắm lá vàng nói là vàng để dỗ con nít khóc thôi, chứ không phải vàng thật. Cho nên nói tới chỗ cuối cùng thì tất cả lời Phật nói là phương tiện, chứ không phải cứu cánh. Cứu cánh thì phải vượt qua lời nói.

Như bây giờ chúng ta đọc Bát-nhã chiếu kiến ngũ uẩn giai không, đó là lời bên ngoài, thành hay không do tự mình làm. Nếu lấy lời bên ngoài làm vàng ngọc, rồi đọc hoài có thành không? Như vậy mới thấy Phật tổ dạy chúng ta phải làm, chứ không phải nói. Song lâu nay đa số người kẹt lời nói, nên học đạo hành đạo bằng cách đọc tụng lại lời của Phật, cho đó là trung thành với Phật.

Phật dạy giáo lý để khuyên chúng ta tu. Nếu đạt được lý thì phải quên lời, cũng như qua sông phải bỏ bè. Giáo lý là ngón tay chỉ mặt trăng, thấy mặt trăng rồi phải bỏ ngón tay. Giáo lý là phương tiện mà lâu nay chúng ta lại lấy làm cứu cánh. Suốt một đời tu cứ đọc hoài lời Phật, một ngày tụng ba biến, bảy biến kinh Kim Cang hay nửa bộ Pháp Hoa..., như vậy cho là tu kỹ. Đọc tụng mà không hành đúng lời Phật dạy, đó chỉ là mắc kẹt trên phương tiện, không thấu triệt được chỗ cứu cánh.

Nếu có thật đắc thì không phải người khách trong tông môn của ta, vả lại cùng bản thể của ông có gì liên hệ? Nếu người bám vào giáo điển cho là thật đắc thì không phải ở trong tông môn nhà thiền, cũng không liên

hệ gì tới bản thể của mình. Vì Phật tánh là bản thể, cái bên ngoài làm sao gọi là bản thể của mình được. Vì vậy không thể nói trong tông môn của ta, cũng không phải bản thể của ông.

Kinh Kim Cang nói *"thật không có chút pháp có thể được gọi là A-nậu-bồ-đề"*. A-nậu-bồ-đề là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Không có pháp nào gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hết. Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là tâm. Đã là tâm mình thì không phải pháp bên ngoài.

Nếu như hội được ý này mới biết Phật đạo ma đạo đều lầm. Nếu người thấu suốt được nghĩa này thì Phật đạo ma đạo đều lầm. Sao vậy? Ma đạo lầm thì phải, Phật đạo vì sao lầm? Vì Phật đạo ma đạo là cũng là hai bên, mà hai bên thì không phải thể chân thật. Nếu có lối ở ngoài, dù phải quấy gì cũng là lối ở ngoài, không phải cái thật của mình. Vì vậy nên nói đều lầm.

Chánh văn:

Chỗ xưa nay thanh tịnh trong sáng, không tướng vuông tròn, lớn nhỏ, dài ngắn v.v..., vô lậu vô vi không mê không ngộ, "rõ ràng thấy không một vật, cũng không người cũng không Phật, hạt bọt trong biển đại thiên sa giới, tất cả thánh hiền như điện chớp".

Giảng:

Ở đây nói lên chỗ chân thật của mình xưa nay thanh tịnh trong sáng, không tất cả tướng vuông tròn,

lớn nhỏ, dài ngắn, vô lậu vô vi, không sanh không diệt, không hai bên mê ngộ. *Thấy không một vật* là đến chỗ cứu cánh, rõ ràng không có một vật, *cũng không người cũng không Phật nữa.* Ở đây dẫn bài Chứng Đạo Ca của ngài Huyền Giác. *Hạt bọt trong biển đại thiên sa giới, tất cả thánh hiền như điện chớp,* những hình ảnh ấy đều tạm bợ hư ảo, không có gì thật.

Chánh văn:

Tất cả không bằng tâm chân thật pháp thân, từ xưa đến nay cùng Phật tổ đồng một loại, chỗ nào thiếu kém một mảy lông? Đã hội được ý như thế cần phải cố gắng trọn một đời này thôi, hơi thở ra không bảo đảm trở vào!

Giảng:

Tất cả mọi thứ đều không bằng *tâm chân thật* tức pháp thân của mình. Tâm chân thật đó *từ xưa đến nay cùng Phật tổ không khác,* không thiếu kém một mảy lông. Chư Phật có tâm chân thật, chúng ta cũng có tâm chân thật, tâm Phật tâm chúng ta không khác. Chúng ta biết được như vậy rồi phải cố gắng buông xả, không nên mắc kẹt hai bên.

Nói buông xả ai nghe cũng dễ quá, buông xả là bỏ hết đi. Nhưng trên thực tế buông xả dễ hay khó? Có cái đang dính mắc, bảo buông cho nhẹ nhàng, nhất là đang gánh một gánh thật nặng, bảo quăng xuống đi, quăng xuống được thì khỏe, thảnh thơi làm sao. Vậy mà làm không dễ. Thành ra buông bỏ là lẽ thật mà chúng ta không can đảm nên buông không được. Nếu gánh

một gánh đất hay một gánh gì hôi hám, ai bảo buông đi chúng ta thấy dễ, nhưng nếu gánh một gánh đồ quý mà bảo buông thì không dám buông. Như vậy chúng ta có thể buông được cái xấu dở, còn cái hay tốt thì không thể buông.

Ở đây Tổ bảo tất cả tâm tốt xấu hay dở đều buông. Bởi vì tốt xấu hay dở đều là tướng động, tướng sanh diệt. Nếu mình bám vào một tướng nào cũng đều là gốc của sanh diệt. Cho nên buông hết cái sanh diệt thì cái chân thật rõ ràng thường biết mới hiện ra. Do đó nhà Phật bảo buông tất cả để được tất cả hoặc nói ngược lại, được tất cả là mất tất cả. Sao lạ vậy? Bây giờ nói như thế gian, làm đâu được đó. Năm năm, mười năm, hai ba chục năm nhà lầu xe hơi đủ hết gọi là được tất cả. Nhưng tới khi thở khì ra không hít vô thì sao? Mất tất cả. Tất cả cái được đều mất, bởi vì chúng cung cấp cho thân này. Có cái gì không vì thân này đâu, như sắm xe để mình đi, cất nhà để mình ở, cái gì cũng để cho thân này. Khi thân này hoại thì tất cả cái được ấy đều mất hết. Đó là được tất cả mà mất tất cả. Còn chúng ta buông tất cả cái sanh diệt tạm bợ phải quấy hơn thua, để tâm chân thật hiện tiền. Ấy là bỏ tất cả mà được tất cả, bởi vì trong cái chân thật đã đầy đủ hết rồi. Vậy buông tất cả sẽ được tất cả không sướng hơn sao.

Người tu mới nhìn thấy như thiệt thòi, khờ dại. Nhưng sự thực trong cái khờ dại ấy có cái vi diệu bên trong, chứ không phải khờ dại như mấy chú khờ khờ ngoài đường. Người tu sống thâm trầm trong nội tâm, chứ không chạy theo hình tướng bên ngoài.

Đã hội được ý như thế, cần phải cố gắng trọn một đời này thôi, ngay trong đời phải làm cho tròn; *hơi thở ra không bảo đảm trở vào.* Một câu nhắc này buồn làm sao, thở khì ra nhắm mắt đi xuôi. Như vậy còn mong chờ cái gì mà không cố gắng! Cố gắng làm gì? Không phải cố gắng cuốc đất hay cất nhà nhiều, mà cố gắng buông tất cả. Đó là chỗ thiết yếu. Buông tất cả sẽ được tất cả, có thiệt thòi gì đâu mà không chịu buông. Những người hay phân biệt hơn thua phải quấy, hay phân biệt tốt xấu v.v... dễ buông hay khó? Khó buông.

Phật dạy trong kinh Kim Cang "nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ưng tác như thị quán". Thế gian có gì thật đâu, không thật thì buông dễ chứ tại sao lại khó? Chúng ta nói buông nhưng nghe khen cũng thấy thật, nghe mắng cũng thấy thật, nên buông không được. Muốn buông phải có trí tuệ Bát-nhã nhìn các pháp như huyễn như hóa, thấy như vậy thì buông không khó khăn. Buông được, đời tu mới có giá trị; nếu buông không được thì hơi thở ra không hít vào uổng đi một đời, tất cả đều mất hết.

Chánh văn:

Hỏi: Lục Tổ không hiểu kinh sách sao được truyền y làm Tổ? Thượng tọa Tú là thủ tọa của năm trăm người, làm thầy giáo thọ, giảng được ba mươi hai bản kinh luận, tại sao không được truyền y?

Giảng:

Câu hỏi này có lẽ một số chư tăng chư ni cũng thắc mắc, một ông nhà quê dốt nát mà được truyền y, còn một vị thông minh giảng kinh thao thao lại không được, tại sao như vậy?

Chánh văn:

Đáp: Vì kia (Tú) có tâm là pháp hữu vi, có tu có chứng cho là phải. Ngũ Tổ trao cho Lục Tổ, Lục Tổ khi ấy chỉ nhằm khế hội, được thầm trao ý thậm thâm của Như Lai. Thế nên truyền y cho ngài. Ông chẳng thấy nói:

Pháp bản pháp vô pháp
Vô pháp pháp diệc pháp
Kim phó vô pháp thời
Pháp pháp hà tằng pháp.

Dịch:

Pháp bản pháp là không pháp
Pháp không pháp cũng là pháp
Nay trao cái không pháp này
Mỗi pháp đâu từng là pháp.

Giảng:

Pháp bản pháp vô pháp, pháp bản là pháp gốc, pháp chân thật, pháp đó vốn không pháp. Chữ "không pháp" này hay vô cùng. Khi Lục Tổ trình bốn câu kệ cho Ngũ Tổ, trong có câu *"bản lai vô nhất vật"*, vật là pháp, xưa nay không có một pháp, Lục Tổ thấy đến chỗ này

nên Ngũ Tổ mới cho vào thất giảng kinh Kim Cang rồi truyền y bát. Đệ tử của Lục Tổ là Nam Nhạc Hoài Nhượng, khi tới, Tổ hỏi một câu hết sức tầm thường: "Ông đến có mang vật gì không?" Nghe tầm thường như vậy mà tám năm sau ngài mới trả lời nổi "nói một vật tức không trúng". Tổ hỏi thêm: "Có tu chứng không?" Đáp: "Tu chứng chẳng phải không, nhiễm ô không thể được." Sau đó được Tổ ấn chứng.

Nói "một vật không trúng" giống như Tổ thấy "bản lai vô nhất vật". Nói một vật không trúng tức là không có một vật. Không có một vật là không ngơ sao? Cho nên Tổ hỏi gạn lại "có tu chứng không", trả lời "tu chứng chẳng phải không", nhưng "nhiễm ô không thể được". Như vậy để thấy nó không phải là cái không ngơ. Chính chỗ đó nên nói pháp gốc là vô pháp, tức không có pháp gì hết. Bởi vì có một pháp là có một vật, mà có một vật là có tướng sanh diệt. Tâm chân thật vượt ngoài tướng sanh diệt, làm sao có một pháp.

Vô pháp pháp diệc pháp, như trên đã nói bỏ tất cả là được tất cả. Không một pháp mà là tất cả pháp, bởi vì không có pháp nào ngoài nó. Như vậy pháp gốc không phải pháp, nhưng không có pháp nào ngoài nó.

Kim phó vô pháp thời, nay trao cái không pháp này, nói trao nhưng sự thực có gì đâu để trao. Thầy thấu suốt như vậy, trò hiểu đúng chỗ của thầy gọi là trao, chứ có gì để trao đâu. Vì vậy nói: *pháp pháp hà tằng pháp*, tức pháp pháp đâu từng là pháp. Chỗ chân thật này không thể diễn tả được, chỉ tạm nhắc tới nhắc lui hai trường hợp như sau:

Trường hợp thứ nhất dễ nhớ dễ thấy nhất là một giờ nửa giờ chúng ta ngồi dưới gốc cây một mình, tâm rỗng rang không dính mắc gì hết, lúc đó có một vật nào không? Không có một vật, không dính là không có vật. Lúc ấy có tri giác không? Rỗng rang nhưng tri giác hiện tiền. Chỉ không một vật vướng bận trong lòng, lúc đó rỗng rang, tri giác rõ ràng. Thế thì có ai không được một phút hai phút như vậy, đủ biết chúng ta có cái chân thật sẵn đây rồi. Nhưng nếu sực nhớ chuyện này chuyện kia liền quên nó. Đó là nói trường hợp ngồi thảnh thơi ngắm trời ngắm mây, hoặc ngồi dưới cội cây chơi như vậy mà có những phút rất tỉnh.

Trường hợp thứ hai là khi ngồi thiền. Khi ngồi yên tĩnh, chúng ta thấy không có niệm nào hết, lúc đó đâu có pháp gì. Không có một pháp nhưng tất cả động tịnh bên ngoài, mình đều biết hết. Không có một vật mà vẫn hằng giác tri thì Phật tổ chỉ dạy mình tu đâu phải là chuyện bâng quơ, mà rất thực tế. Có những giờ phút ngồi chơi hoặc ngồi thiền, chúng ta nhận được rõ ràng như vậy nhưng vì nó bàng bạc, rỗng rang nên dễ quên.

Tôi thường ví dụ như chúng ta đang ngồi chơi ngó trời trong veo, thấy cũng thích thích. Nhưng đàng kia có chiếc máy bay, bấy giờ mình xoay lại nhìn chiếc máy bay mà quên bầu trời trong veo. Chừng nào máy bay bay qua mất rồi, họa chăng ta mới nhìn lại bầu trời trong veo cũ. Như vậy cái nào hấp dẫn hơn? Qua hình ảnh ví dụ này chúng ta thấy cụ thể vô cùng. Ngồi nhìn bầu trời trong veo, tâm yên ổn, thời giờ trôi qua mình không quan tâm. Nhưng nhớ chuyện vui buồn thì chạy theo

không còn nhớ tới bầu trời trong veo. Một khi vui buồn trỗi dậy, nó dây chuyền hết cái này tới cái kia, gỡ được nút này lại sanh nút khác, không yên. Vậy mà chuyện buồn vui dường như hấp dẫn hơn, còn bầu trời lặng lẽ thênh thang thì dễ quên. Bao giờ chúng ta nhìn bầu trời trong không thấy chán, dù có chim bay hay máy bay bay cũng kệ, chỉ nhớ bầu trời trong veo thì tiến khá rồi. Tuy cũng có chim bay qua, nhưng mình không quan tâm, như thế khả dĩ không đánh mất cái quý báu có sẵn nơi mình.

Chánh văn:

Nếu hội được ý này mới là kẻ xuất gia, mới là tu hành tốt. Nếu không tin tại sao thượng tọa Minh chạy đến ngọn Đại Dữu tìm Lục Tổ, Lục Tổ hỏi: "Ngươi đến cầu việc gì, vì cầu y vì cầu pháp?" Thượng tọa Minh nói: "Không vì y mà đến, chỉ vì pháp mà đến." Lục Tổ bảo: "Ông hãy tạm thời thu niệm, thiện ác đều chớ nghĩ tính." Thượng tọa Minh nhận lời này. Lục Tổ bảo: "Không nghĩ thiện không nghĩ ác, chính khi ấy hiện lại bộ mặt thật của thượng tọa Minh khi cha mẹ chưa sanh." Thượng tọa Minh ngay câu nói đó bỗng nhiên thầm khế hội, bèn lễ bái thưa: "Như người uống nước, lạnh nóng tự biết, tôi ở trong hội Ngũ Tổ uổng dùng công phu ba mươi năm, ngày nay mới biết lỗi trước."

Giảng:

Chỉ một câu nói mà thượng tọa Minh nhận ra được cái chân thật của mình. Song muốn trình bày chỗ chân thật ấy, ngài nói: như kẻ uống nước lạnh nóng tự biết,

không diễn tả cho người khác biết được. Chúng ta có phần chứ không phải vô phần, nhưng vì không khéo nhận nên có cũng như không.

Chánh văn:

Lục Tổ bảo: "Khi đến đây mới biết Tổ sư từ Ấn Độ đến, chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật, không ở nói bàn."

Giảng:

Lục Tổ bảo có nhận được rồi mới biết Tổ sư từ Ấn Độ sang chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật, không ở nói bàn. Nghĩa là phải nhận ngay được tâm mình là Phật, không phải suy luận nói bàn mà biết được.

Chánh văn:

Đâu không thấy tổ A-nan hỏi tổ Ca-diếp: "Thế Tôn ngoài truyền y Kim Lan, còn riêng truyền pháp gì?" Ca-diếp gọi: "A-nan." A-nan đáp: "Dạ." Ca-diếp bảo: "Cột phướn trước chùa ngã." Đây là chỗ bộc lộ của Tổ sư vậy. Ngài A-nan ba mươi năm làm thị giả chỉ vì trí tuệ đa văn bị Phật quở: "Ngươi ngàn ngày học tuệ, không bằng một ngày học đạo. Nếu không học đạo, một giọt nước cũng không tiêu."

Giảng:

Khi nghe tổ A-nan hỏi *Thế Tôn ngoài truyền y Kim Lan, còn pháp gì khác không?* Tổ Ca-diếp chỉ gọi *A-nan,* A-nan đáp *Dạ,* tổ Ca-diếp bảo *Cột phướn trước chùa ngã.* Đó là chỉ cho ngài A-nan pháp mà Phật truyền riêng

cho ngài. Phật truyền pháp gì? Truyền cây phướn trước chùa ngã, phải không? Người xưa đã chỉ rõ cho người sau, nếu không khéo chúng ta không sao nhận ra được. Bởi vậy nên đa số cứ suy nghĩ, tại sao cây phướn trước chùa ngã. Suy nghĩ như vậy biết chừng nào ra.

Ngài A-nan theo Phật, nổi tiếng là đa văn, tức trí tuệ học giỏi nhớ nhiều, rốt cuộc bị Phật quở: *Ngươi ngàn ngày học tuệ không bằng một ngày học đạo. Nếu không học đạo một giọt nước cũng không tiêu.* Học tuệ là học gì? Học đạo là học gì? Tuệ đây là văn tuệ, tư tuệ. Còn đạo là tánh thật của chính mình. Nói thấy đạo là nhận ra bản tánh chân thật của chính mình. Chúng ta biết quay lại nhận ra tánh chân thật đó là học đạo, còn cứ theo chữ nghĩa học thuộc lòng bài này bài nọ, đó là học tuệ. Ở đây Phật dạy nếu không học đạo, một giọt nước của thí chủ cũng khó tiêu. Cho nên người tu phải học đạo. Bây giờ đa số tu sĩ chịu học gì? Chịu học tuệ. Lâu lâu thi lên cấp này cấp nọ, giỏi nữa tới bằng Tiến sĩ, oai quá chừng. Đó là học tuệ, không phải nhân giải thoát. Nhân giải thoát là trở về chính mình.

Chánh văn:

Hỏi: Thế nào được không rơi vào giai cấp?

Đáp: Chỉ hằng ngày ăn cơm mà chưa từng nhai một hạt gạo trắng, trọn ngày đi mà chưa từng đạp một cân đất, cùng khi ấy không có tướng nhân, tướng ngã..., trọn ngày không rời tất cả việc mà không bị các cảnh mê hoặc, mới gọi là người tự tại.

Lại, lúc nào mỗi niệm đều không thấy tất cả tướng, chớ nhận ba thời trước sau, quá khứ không đi, hiện tại không dừng, vị lai không đến, ngồi ngay an ổn mặc tình không câu chấp, mới gọi là người giải thoát.

Giảng:

Ăn cơm mà chưa từng nhai một hạt gạo trắng, nghĩa là sao? Câu này mang ý nghĩa ăn mà không dính vị ngon vị dở, vì vậy ăn cả ngày mà không kẹt vị. *Trọn ngày đi mà chưa từng đạp một cân đất* là sao? Nghĩa là đi mà không dính với cây cối, cỏ hoa, không dính với tất cả những gì trên đất. Khi ấy không thấy có mình thật, có người thật v.v...

Trọn ngày không rời tất cả việc mà không bị các cảnh mê hoặc, chúng ta nghe nói ăn mà không nhai nát hạt gạo, đi mà chưa từng đạp cân đất, *không có tướng nhân tướng ngã,* tưởng là không làm gì hết, nhưng ở đây Tổ dạy *trọn ngày không rời tất cả việc* là việc gì cũng làm, nhưng đặc biệt *không bị các cảnh mê hoặc*. Làm tất cả mà không dính tất cả, dính là bị mê hoặc. Như vậy mình nên làm hay không nên làm? Khi không việc thì nghỉ, có việc thì làm, làm tất cả mà đừng bị việc kéo lôi làm cho mình mắc kẹt trong đó. *Mới gọi là người tự tại*, ai được vậy mới là tự tại.

Chúng ta có bệnh, khi không làm thì ai kêu làm, nói để tôi tu, không chịu làm gì hết. Nghe cũng phải, để cho rảnh tu, chứ bắt làm hoài làm sao tu. Như vậy làm có nghĩa là không tu. Nếu ai cũng sợ làm tu không được thì chắc tới giờ múc nước lạnh uống cho rồi,

làm gì có cơm ăn. Cho nên phải hiểu rằng không phải ngồi không mới gọi là tu. Chúng ta làm tất cả việc mà không bị cảnh mê hoặc lôi kéo mới là người tự tại. Làm thì cứ làm, mà không bị việc làm cho kẹt là đúng.

Lại, lúc nào mỗi niệm đều không thấy tất cả tướng, chớ nhận ba thời trước sau, quá khứ không đi, hiện tại không dừng, vị lai không đến, ngồi ngay an ổn mặc tình không câu chấp, mới gọi là người giải thoát. Người giải thoát là không dính tất cả niệm, không kẹt ba thời, không bị tất cả tình chấp trói buộc.

Chánh văn:

Cố gắng! Cố gắng! Trong môn này ngàn người muôn người chỉ được ba người năm người. Nếu không làm việc này, ắt có ngày thọ ương. Cho nên nói: "Cố gắng đời nay phải xong xuôi, còn đâu nhiều kiếp mang tai họa."

Giảng:

Ngài nói trong môn học này, ngàn người muôn người chỉ được năm ba người. Sao khó lắm vậy. Khó hay dễ? Không khó, nó dễ nhưng người ta không chịu dễ, bảo bỏ niệm mà không chịu bỏ cứ giữ hoài. Giữ cái nghĩ lăng xăng lộn xộn đau đầu hay thảnh thơi? Than đau đầu mà kêu bỏ không chịu bỏ. Bảo làm việc nhẹ nhàng lại nói khó, còn việc khó khăn thì cho là dễ, thật vô lý. Khó là vì chúng ta không can đảm, không dứt khoát. Buông là buông, không cho nó tái lại, như vậy lần lần mới hết. Quý vị buông mà tiếc hoài. Tâm dính kẹt sao dễ vướng quá, chỉ nghe thoang thoáng gì đó là thấy khó chịu rồi.

Ví dụ mình không làm việc ấy, bỗng ai đi ngang nói nho nhỏ, nghe động tới tên mình thì hơi khó chịu rồi, muốn tìm hiểu xem họ nói cái gì? Họ khen hay chê mình? Chưa kêu tận mặt chỉ nói nho nhỏ có tên mình là muốn điều tra rồi, như vậy dính hay không dính? Mới phớt qua thôi, chưa gắn vô mà mình đã dính, huống nữa chỉ mặt chú này hư xấu thì thôi ba bốn ngày bỏ ăn bỏ ngủ. Đó là vì chúng ta dễ dính quá, nên gỡ khó. Nếu không thèm dính thì buông rất dễ, có khó gì đâu. Như vậy lỗi buông không được là lỗi tại ai? Tại mình giữ kìm mãi nên không mất.

Nếu không làm việc này, ắt có ngày thọ ương. Cho nên nói: "Cố gắng đời nay phải xong xuôi, còn đâu nhiều kiếp mang tai họa." Cố gắng đời nay giải quyết cho xong, thì khỏi nhiều kiếp mang tai họa. Nếu không chịu giải quyết ngay đời này thì những kiếp sau phải mang họa, bị lôi kéo trở lại sanh nơi này nơi kia chịu nhiều khổ nhọc.